

Hướng dẫn Sử dụng Điện thoại Nokia N73

CE 0434

CÔNG BỐ HỢP CHUẨN

Bằng văn bản này, NOKIA CORPORATION, tuyên bố rằng sản phẩm RM-133 này tuân thủ các yêu cầu cần thiết và các điều khoản của Chỉ Thị số 1999/5/EC. Bản Công bố Hợp chuẩn có thể được tìm thấy tại địa chỉ http://www.nokia.com/phones/declaration_of_conformity/

© 2006 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Nghiêm cấm sao chép, chuyển nhượng, phân phối hoặc lưu trữ một phần hay toàn bộ nội dung tài liệu này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được Nokia cho phép trước bằng văn bản.

Nokia, Nokia Connecting People, Pop-Port và Visual Radio là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Nokia Corporation. Những sản phẩm hoặc tên công ty khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu hoặc tên thương mại của từng doanh nghiệp.

Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation.

symbian

Sản phẩm này có các phần mềm được Symbian Software Ltd © 1998-2006 cấp bản quyền. Symbian và Symbian OS là nhãn hiệu của Symbian Ltd.



Java™ và các nhãn hiệu dựa trên nền Java là các nhãn hiệu và nhãn hiệu đã đăng ký của Sun Microsystems, Inc.

Bằng sáng chế của Mỹ số 5818437 và các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Bản quyền phần mềm nhập văn bản T9 © 1997-2006.

Tegic Communications, Inc. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Sản phẩm này được cấp theo Giấy phép Sáng chế MPEG-4 Visual Patent Portfolio cho (i) việc sử dụng cá nhân và phi thương mại cùng với những thông tin đã được mã hóa bởi người dùng liên quan đến hoạt động cá nhân

và phi thương mại, theo Chuẩn MPEG-4 Visual Standard và (ii) sử dụng cùng với các ảnh phim MPEG-4 được cung cấp có giấy phép. Bất kỳ việc sử dụng nào khác được công nhận hoặc được ám chỉ sẽ không được cấp phép. Bạn có thể nhận các thông tin bổ sung liên quan đến các ứng dụng quảng cáo, nội bộ và thương mại từ MPEG LA, LLC. Xem trang <<http://www.mpegl.com>>.

Nokia thực hiện chính sách phát triển không ngừng. Nokia có quyền thay đổi và cải tiến bất kỳ sản phẩm nào được nêu trong tài liệu này mà không cần thông báo trước.

Nokia sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp về việc mất dữ liệu hay thu thập hoặc những thiệt hại khác có tính chất đặc biệt, ngẫu nhiên, tất yếu, hay gián tiếp.

Nội dung của tài liệu này được cung cấp 'theo tình trạng hiện tại'. Ngoài trừ do yêu cầu của luật áp dụng liên quan, sẽ không có bất kỳ sự bảo đảm nào được thể hiện rõ ràng hay ngụ ý, bao gồm nhưng không giới hạn các bảo hành thương mại được bao hàm và sử dụng sản phẩm phù hợp với mục đích cụ thể, liên quan đến tính chính xác, độ tin cậy hoặc nội dung của tài liệu này. Nokia có quyền sửa đổi hoặc thu hồi tài liệu này tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước.

Tính khả dụng của các sản phẩm riêng biệt có thể khác nhau tùy theo từng khu vực. Xin liên hệ với đại lý Nokia gần nhất.

Điện thoại này có chứa các thành phần, công nghệ hoặc phần mềm tuân thủ theo luật lệ và quy tắc xuất khẩu của Mỹ và các quốc gia khác. Những việc trái với luật pháp bị cấm.

Nội dung

An toàn cho người sử dụng	v
Hướng dẫn kết nối	x
Điện thoại Nokia N73 của bạn	1
Sạc pin	1
Cài đặt	1
Chuyển nội dung từ điện thoại khác	1
Các chí báo cần biết	2
Điều chỉnh loa và âm lượng	3
Phím đa phương tiện (Nokia N73 (phiên bản gốc))	4
Tai nghe	4
Công cụ dùng cho thẻ nhớ	4
Trình quản lý tập tin	5
Tải về!	7
Trò chơi	7
Hỗ trợ	8
Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia	8
Trợ giúp	8
Tutorial	8

Camera	9
Chụp hình	9
Chụp ảnh liên tục	15
Chụp hình cho chính bạn —chụp tự động	15
Quay phim	16
Gallery	19
Xem và trình duyệt tập tin	19
Album	22
Chỉnh sửa hình ảnh	22
Biên tập các đoạn phim	23
Trình chiếu	25
Diễn thuyết	25
In ảnh	26
In trực tuyến	27
Online sharing (Chia sẻ trực tuyến)	28
Các ứng dụng media	32
Máy nghe nhạc (Nokia N73 (phiên bản gốc))	32
Flash Player	34
Visual Radio	35

RealPlayer	37	Cuộc gọi thoại	74
Movie director	39	Cuộc gọi video	76
Nokia N73 Music Edition.....	41	Chia sẻ video	77
Phím truy cập nhạc		Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi	81
(Nokia N73 Music Edition)	41	Log	83
Music player (Nokia N73 Music Edition)	41	Trình duyệt Web	86
Quản lý thời gian	52	Dịch vụ	86
Đồng hồ	52	Web	90
Lịch	53	Kết nối	93
Nhắn tin	55	Kết nối Bluetooth	93
Viết văn bản	56	Kết nối hồng ngoại	97
Soạn và gửi tin nhắn	58	Data cable	98
Hộp thư đến—nhận tin nhắn	60	Kết nối PC	98
Hộp thư	62	Quản lý kết nối	98
Xem tin nhắn trên thẻ SIM	64	Đồng bộ hóa	99
Cài đặt nhắn tin	64	Trình quản lý thiết bị	99
Danh bạ (Danh bạ điện thoại).....	70	Các ứng dụng văn phòng	101
Lưu và chỉnh sửa tên và số điện thoại	70	Máy tính	101
Sao chép số liên lạc	71	Bộ chuyển đổi	101
Gán nhạc chuông cho các số liên lạc	72	Ghi chú	101
Tạo các nhóm liên lạc	73	Máy ghi âm	102
Gọi điện	74	Quickoffice	102
		Adobe Reader	104

Cài đặt riêng điện thoại.....	106
Profiles—cài âm báo	106
3-D tones	107
Thay đổi giao diện điện thoại.....	108
Chế độ Active standby.....	109
Tools	110
Settings.....	110
Lệnh thoại.....	121
Quản lý ứng dụng	121
Quản lý Bản quyền Kỹ thuật số	124
Giải quyết sự cố: Hỏi & Đáp	125
Phụ kiện chính hãng Nokia.....	129
Pin	130
Tai nghe không dây Nokia HS-26W	131
Tai nghe không dây Nokia HS-36W	131
Thẻ miniSD 1 GB Nokia MU-24.....	132
Thiết bị nối Audio Nokia AD-46	132
Thông tin về pin.....	133
Sạc và xả pin	133
Hướng dẫn xác nhận pin Nokia	134
Giữ gìn và Bảo trì.....	136
Thông tin bổ sung về sự an toàn	137
Từ mục	141

An toàn cho người sử dụng

Dưới đây là những hướng dẫn đơn giản và dễ hiểu. Việc không tuân theo các qui tắc này có thể gây nguy hiểm hoặc bị xem là phạm pháp. Đọc sách hướng dẫn sử dụng đầy đủ để biết thêm thông tin.



BẬT MÁY AN TOÀN Không nên bật điện thoại nếu bị cầm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.



AN TOÀN GIAO THÔNG LÀ TRÊN HẾT

Nên tuân thủ các quy định của địa phương. Luôn giữ tay được rảnh để điều khiển xe. Điều quan tâm đầu tiên trong khi lái xe là an toàn giao thông.



NHIỀU SÓNG Tất cả các điện thoại vô tuyến đều có thể gây nhiễu sóng làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI TRONG BỆNH VIỆN Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Tắt điện thoại khi ở gần các thiết bị y tế.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI TRÊN MÁY BAY

Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Các thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu liên lạc trên máy bay.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI ĐANG TIẾP NHIÊN LIỆU

Không nên sử dụng điện thoại tại trạm tiếp nhiên liệu. Không nên sử dụng điện thoại gần nơi có nhiên liệu hoặc hóa chất.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở GẦN NƠI CÓ PHÁT NỔ

Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Không nên sử dụng điện thoại nơi đang có phát nổ.



SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI ĐÚNG CÁCH

Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí thông thường như được hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại. Không nên chạm vào ăng-ten khi không cần thiết.



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÓ CHẤT LƯỢNG

Chỉ những nhân viên có đủ khả năng chuyên môn mới được lắp đặt hoặc sửa chữa điện thoại.



PHỤ KIỆN VÀ PIN

Chỉ sử dụng phụ kiện cài tiền và pin đã kiểm duyệt. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CHỐNG VÔ NƯỚC

Điện thoại này không thể chống vô nước. Nên giữ điện thoại thật khô.



DU PHÒNG

Luôn nhớ dự phòng hay giữ lại bản viết tay tất cả thông tin quan trọng.



KẾT NỐI VỚI NHỮNG THIẾT BỊ KHÁC

Khi kết nối điện thoại với bất kỳ thiết bị nào, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thiết bị đó để biết những hướng dẫn chi tiết về an toàn. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CÁC CUỘC GỌI KHẨN CẤP

Bảo đảm chức năng của điện thoại đã được bật và đang ở trong vùng dịch vụ. Bấm phím kết thúc nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và trở về màn hình bắt đầu. Nhập số điện thoại khẩn cấp rồi bấm phím đàm thoại. Cho biết nơi bạn đang ở. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Giới thiệu điện thoại

Điện thoại vô tuyến mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này được phép sử dụng trên các mạng gồm các băng tần EGSM 850/900/1800/1900 và UMTS 2100. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về mạng.

Điện thoại hỗ trợ kết nối Internet và các kiểu kết nối khác. Giống như máy tính, điện thoại có thể bị tiếp xúc với virút, các tin nhắn và ứng dụng phá hoại, và những nội dung có hại khác. thận trọng và chỉ mở tin nhắn, chấp nhận các yêu cầu kết nối, tải về nội dung và chấp nhận các cài đặt từ các nguồn đáng tin cậy. Để tăng tính bảo mật của điện thoại, bạn nên cài đặt phần mềm chống virút được cập nhật thường xuyên và sử dụng ứng dụng tường lửa.

Khi sử dụng những tính năng của thiết bị này, hãy tuân thủ pháp luật và tôn trọng sự riêng tư và những quyền hợp pháp của người khác.

Khi đang chụp hình và sử dụng hình ảnh hoặc các video clip, phải tuân theo các quy định và tôn trọng các phong tục cũng như các quyền hợp pháp và riêng tư của từng địa phương, bao gồm cả bản quyền tác giả.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

 **Cảnh báo:** Bạn phải bật điện thoại để sử dụng các chức năng của nó, ngoại trừ chức năng báo thức. Không nên bật điện thoại nếu có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Các ứng dụng **Quickoffice** trong điện thoại của bạn hỗ trợ các chức năng thông thường của Microsoft Word, PowerPoint, và Excel (Microsoft Office 2000, XP, và 2003). Không phải tất cả các định dạng tập tin đều có thể xem hoặc chỉnh sửa được.

Các dịch vụ mạng

Để sử dụng điện thoại, bạn phải có dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến cung cấp. Nhiều chức năng trên điện thoại phụ thuộc vào các chức năng trên mạng vô tuyến để hoạt động. Các dịch vụ mạng này không có sẵn trên tất cả các mạng và bạn phải thỏa thuận với nhà cung cấp dịch vụ trước khi bạn có thể sử dụng các dịch vụ mạng. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp thêm cho bạn các thông tin hướng dẫn sử dụng và mức phí sẽ được áp dụng khi sử dụng các dịch vụ mạng này. Một số mạng có thể có các hạn chế ảnh hưởng đến cách sử dụng các dịch vụ mạng. Ví dụ, một số mạng có thể không hỗ trợ tất cả ký tự và dịch vụ tùy thuộc ngôn ngữ.

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng có thể được cấu hình đặc biệt. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Điện thoại này hỗ trợ giao thức WAP 2.0 (HTTP và SSL) hoạt động trên nền giao thức TCP/IP. Một số tính năng của thiết bị này, ví dụ như MMS, trình duyệt, e-mail, và tải nội dung qua trình duyệt hoặc qua MMS, yêu cầu mạng phải hỗ trợ các công nghệ này.

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Phụ kiện, pin và bộ sạc

Luôn tắt điện thoại và ngắt kết nối với bộ sạc trước khi tháo pin ra.

Kiểm tra số hiệu của bộ sạc trước khi sử dụng với điện thoại này. Điện thoại này được thiết kế để sử dụng nguồn điện từ bộ sạc DC-4, AC-3, hoặc AC-4 và bộ sạc AC-1, ACP-7, ACP-8, ACP-9, ACP-12, LCH-9, hoặc LCH-12 khi sử dụng cùng với thiết bị nối tiếp bộ sạc CA-44.

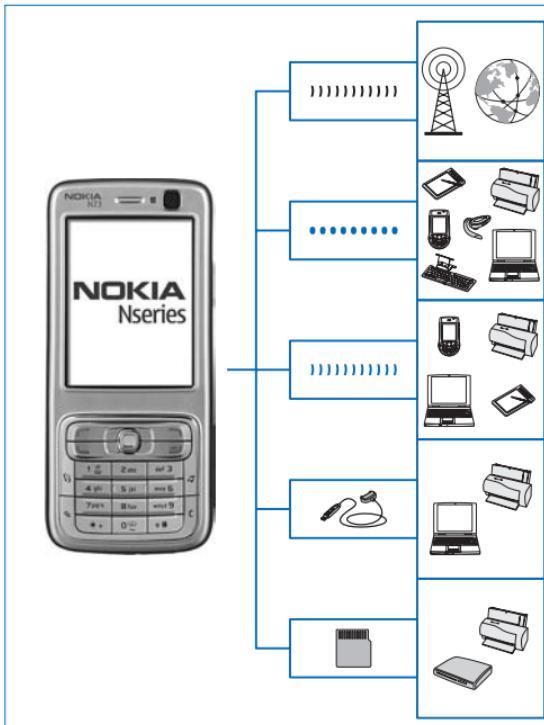
Pin được sử dụng cùng với điện thoại này là BP-6M.



Cảnh báo: Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện cài tiền được Nokia phê chuẩn cho riêng kiểu điện thoại này. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Liên hệ với đại lý của bạn để biết về các phụ kiện cài tiền chính hãng hiện có. Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cầm vào phích cắm, không nên kéo dây.

Hướng dẫn kết nối



Sử dụng điện thoại với các mạng 2G và 3G. Xem phần “[Giới thiệu điện thoại](#)”, trên trang [vii](#).

Sử dụng công nghệ Bluetooth, ví dụ để truyền dữ liệu và kết nối với các phụ kiện tương thích. Xem phần “[Kết nối Bluetooth](#)”, trên trang [93](#).

Sử dụng hồng ngoại, ví dụ để truyền và đồng bộ dữ liệu giữa các thiết bị tương thích. Xem phần “[Kết nối hồng ngoại](#)”, trên trang [97](#).

Sử dụng Cáp Kết nối Nokia CA-53 (được cung cấp trong bộ sản phẩm tiêu chuẩn) để kết nối với các thiết bị tương thích, ví dụ như máy in và máy PC. Xem phần “[Data cable](#)”, trên trang [98](#).

Sử dụng thẻ miniSD Nokia ví dụ để truyền dữ liệu hoặc sao lưu thông tin. Xem phần “[Công cụ dùng cho thẻ nhớ](#)”, trên trang [4](#).

Điện thoại Nokia N73 của bạn

Số hiệu: Nokia N73-1 Music Edition

Dưới đây được gọi là Nokia N73. Nếu một chức năng được mô tả trong hướng dẫn này chỉ có trong phiên bản gốc của Nokia N73 hoặc chỉ có trong Nokia N73 Music Edition, nó sẽ được chỉ báo trong mục mô tả chức năng này bằng cách đề cập đến **Nokia N73 (phiên bản gốc)** hoặc **Nokia N73 Music Edition**.

Kiểm tra hộp bán của điện thoại để xem điện thoại của bạn là Nokia N73 phiên bản gốc hay Nokia N73 Music Edition.

Sạc pin

- 1 Nối bộ sạc tương thích vào ổ cắm điện tường.
- 2 Nối đầu sạc vào điện thoại. Nếu pin đã hết hoàn toàn, có thể phải chờ vài phút trước khi chỉ báo sạc pin bắt đầu di chuyển.
- 3 Khi pin được sạc đầy, ngắt bộ sạc khỏi điện thoại, sau đó ngắt khỏi ổ cắm trên tường.

Cài đặt

Điện thoại Nokia N73 thông thường đã được tự động cấu hình các thông số cài đặt MMS, GPRS, trực

tuyến, và Internet di động, dựa trên thông tin của nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng. Bạn có thể nhận các thông số cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ đã được cài đặt trên điện thoại, hoặc bạn có thể nhận các thông số cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt.



Chuyển nội dung từ điện thoại khác

Bạn có thể chuyển nội dung miễn phí, ví dụ như các số liên lạc, từ một điện thoại Nokia tương thích sang Nokia N73 của bạn sử dụng kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Loại nội dung có thể được chuyển tùy thuộc vào kiểu điện thoại. Nếu điện thoại kia hỗ trợ đồng bộ, bạn cũng có thể đồng bộ dữ liệu giữa điện thoại kia và Nokia N73 của bạn.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Bạn có thể lắp thẻ SIM của bạn vào một thiết bị khác. Khi Nokia N73 được bật mà không có thẻ SIM,

cấu hình không trực tuyến sẽ tự động được kích hoạt.

Chuyển nội dung

- Để sử dụng ứng dụng này lần đầu tiên, bấm  và chọn **Tools > Transfer**. Nếu bạn đã từng sử dụng ứng dụng này và muốn bắt đầu phiên chuyển dữ liệu mới, chọn **Transfer data**. Trong giao diện thông tin, chọn **Continue**.
- Chọn sử dụng kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại để chuyển dữ liệu. Cả hai điện thoại phải hỗ trợ loại kết nối đã chọn.
- Nếu bạn chọn kết nối Bluetooth:
Để Nokia N73 tìm kiếm các thiết bị có kết nối Bluetooth, chọn **Continue**. Chọn một thiết bị trong danh sách. Bạn sẽ được yêu cầu nhập mã vào Nokia N73 của bạn. Nhập một mã (1-16 số) vào và chọn **OK**. Nhập cùng mã này vào điện thoại kia và chọn **OK**. Bây giờ các thiết bị đã được ghép nối. Xem phần “**Ghép nối thiết bị**”, trên trang **96**.

Với một số kiểu điện thoại, ứng dụng **Data transfer** được gửi đến điện thoại khác dưới dạng tin nhắn. Để cài đặt ứng dụng **Data transfer** trên điện thoại khác, mở tin nhắn, và theo các hướng dẫn trên màn hình.

Nếu bạn chọn cổng hồng ngoại, kết nối hai điện thoại. Xem phần “**Kết nối hồng ngoại**”, trên trang **97**.

- Trong điện thoại Nokia N73, chọn nội dung bạn muốn truyền từ điện thoại khác.

Nội dung được truyền từ bộ nhớ của điện thoại kia sang vị trí tương ứng trong Nokia N73 của bạn. Thời gian truyền tùy thuộc vào lượng dữ liệu sẽ được truyền. Bạn có thể hủy lệnh truyền và tiếp tục sau.

Nếu điện thoại kia hỗ trợ đồng bộ, bạn có thể cập nhật dữ liệu trên cả hai điện thoại. Để khởi động đồng bộ với một điện thoại Nokia tương thích, chọn **Phones**, di chuyển đến điện thoại này, và chọn **Options > Synchronise**. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.

Để xem nhật ký của phiên truyền dữ liệu trước đó, chọn **Transfer log**.

Các chỉ báo cần biết

-  Điện thoại đang được sử dụng trong mạng GSM.
-  Điện thoại đang được sử dụng trong mạng UMTS (dịch vụ mạng).
-  Bạn nhận được một hoặc nhiều tin nhắn chưa đọc trong thư mục **Inbox** trong menu **Messaging**.
-  Bạn nhận được e-mail mới trong hộp thư từ xa.

Có các tin nhắn đang chờ để gửi trong thư mục **Outbox**.

Bạn có cuộc gọi bị nhỡ.

Được hiển thị nếu **Ringing type** được cài là **Silent** và **Message alert tone**, **IM alert tone**, và **E-mail alert tone** được cài là **Off**.

Bàn phím điện thoại bị khóa.

Chức năng báo thức được kích hoạt.

Số máy điện thoại thứ hai đang được sử dụng (dịch vụ mạng).

Tất cả cuộc gọi đến điện thoại sẽ được chuyển hướng đến một số khác. Nếu bạn có hai số máy để gọi đi (dịch vụ mạng), chỉ báo cho số máy đầu tiên là **1** và số thứ hai là **2**.

Một tai nghe tương thích được kết nối với điện thoại.

Mất kết nối với bộ tai nghe Bluetooth tương thích.

Một bộ trợ thính tương thích được kết nối với điện thoại.

Một **Text phone** tương thích được kết nối với điện thoại.

Cuộc gọi dữ liệu được kích hoạt.

Hiện có kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE.

Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang hoạt động.

Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang ở trạng thái chờ.

Hiện có kết nối dữ liệu gói UMTS.

Kết nối dữ liệu gói UMTS đang hoạt động.

Kết nối dữ liệu gói UMTS đang được giữ.

Kết nối Bluetooth đang bật.

Dữ liệu đang được truyền qua kết nối Bluetooth.

Kết nối USB được kích hoạt.

Một kết nối hồng ngoại đang được kích hoạt. Nếu chỉ báo này nhấp nháy, điện thoại đang tìm cách kết nối với thiết bị khác hoặc kết nối đã bị mất.

Điều chỉnh loa và âm lượng

Để tăng hoặc giảm mức âm lượng khi bạn đang đàm thoại hoặc nghe nhạc, bấm phím âm lượng ở mặt bên của điện thoại.



Loa tích hợp cho phép bạn đàm thoại và nghe ở một khoảng cách ngắn mà không cần cầm điện thoại gần tai.



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Để sử dụng loa trong khi gọi, chọn **Options > Activate loudsp..**

Để tắt loa, chọn **Options > Activate handset.**

Phím đa phương tiện (Nokia N73 (phiên bản gốc))

Mục này sẽ mô tả phím đa phương tiện trong điện thoại Nokia N73 (phiên bản gốc) của bạn.

Với phím đa phương tiện, bạn có thể truy cập nhanh vào nội dung đa phương tiện và các ứng dụng định trước.

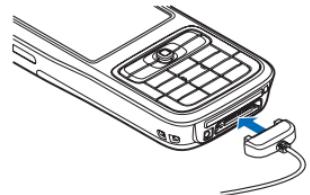
Để mở phím tắt được gán cho phím đa phương tiện, bấm và giữ \diamond . Để mở danh sách các ứng dụng đa phương tiện, bấm \diamond . Để mở ứng dụng bạn muốn, sử dụng phím di chuyển. Để thoát khỏi danh sách mà không chọn một ứng dụng, bấm \diamond .

Để đổi các phím tắt, bấm \diamond , và \square . Để thay đổi các ứng dụng được hiển thị khi bấm \diamond , chọn **Top, Left, Middle, và Right** và chọn ứng dụng.

Một số phím tắt đã được cài cố định và bạn không thể thay đổi các phím tắt này.

Tai nghe

Nối bộ tai nghe tương thích vào cổng kết nối Pop-Port™ của điện thoại.



Cảnh báo:

Khi sử dụng tai nghe, khả năng nghe âm thanh bên ngoài của bạn có thể bị ảnh hưởng. Không sử dụng tai nghe tại nơi nó có thể gây nguy hiểm cho bạn.



Công cụ dùng cho thẻ nhớ

Chỉ sử dụng những thẻ miniSD đã được Nokia phê chuẩn cho riêng kiểu điện thoại này. Nokia áp dụng các tiêu chuẩn công nghiệp đã được phê chuẩn cho thẻ nhớ nhưng không phải thẻ nhớ của tất cả các hãng khác đều hoạt động tốt hay tương thích hoàn toàn với điện thoại này.

Chỉ sử dụng những thẻ miniSD tương thích với điện thoại này. Các loại thẻ nhớ khác, ví dụ như thẻ RS-MMC, sẽ không vừa với khe thẻ nhớ này và cũng

không tương thích với điện thoại này. Sử dụng thẻ nhớ không tương thích có thể làm hư thẻ cũng như thiết bị và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị mất.

Bấm  , và chọn **Tools > Memory**. Bạn có thể sử dụng một thẻ miniSD tương thích làm bộ nhớ bổ sung và sử dụng cho việc sao lưu thông tin trên bộ nhớ của máy.

Để lưu dự phòng các thông tin trên bộ nhớ điện thoại sang thẻ nhớ tương thích, chọn **Options > Backup phone mem..**

Để khôi phục thông tin trong thẻ nhớ tương thích vào bộ nhớ điện thoại, chọn **Options > Restore from card**.

Để đẩy thẻ ra, bấm  và chọn **Remove mem. card**.

 **Chú ý:** Không tháo thẻ nhớ trong khi đang truy cập vào thẻ. Việc tháo thẻ trong khi đang sử dụng có thể làm hư thẻ cũng như điện thoại, và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị lỗi.

Cài mật mã

Để cài mật mã bảo vệ thẻ nhớ, chọn **Options > Set password**. Bạn có thể nhập tối đa 8 ký tự cho mật mã.

Để đổi mật mã, chọn **Options > Change password**.

Để bỏ mật mã, chọn **Options > Remove password**.

Định dạng thẻ nhớ

Khi định dạng lại thẻ nhớ, tất cả dữ liệu có trên thẻ sẽ bị mất.

Một số thẻ nhớ được định dạng sẵn khi bán ra nhưng một số thẻ nhớ khác yêu cầu phải định dạng. Tham khảo ý kiến người bán lẻ để xác định xem bạn có phải định dạng thẻ nhớ trước khi sử dụng hay không.

Để định dạng thẻ nhớ, chọn **Options > Format mem. card**. Chọn **Yes** để xác nhận.



Trình quản lý tập tin

Nhiều chức năng của điện thoại, như là danh bạ, tin nhắn, hình ảnh, video, nhạc chuông, ghi chú lịch, tài liệu, và các ứng dụng được tải về, sử dụng bộ nhớ để lưu dữ liệu. Dung lượng bộ nhớ trống tùy thuộc vào lượng dữ liệu đã được lưu trong bộ nhớ điện thoại.

Bạn có thể sử dụng một thẻ nhớ tương thích làm vùng lưu trữ thêm. Các thẻ nhớ đều có thể ghi lại nhiều lần, vì vậy bạn có thể xóa thông tin cũ và lưu dữ liệu mới trên thẻ nhớ.

Để trình duyệt các tập tin và thư mục lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ (nếu thẻ được gắn vào máy), bấm , và chọn **Tools > File mgr.**

Giao diện bộ nhớ điện thoại () sẽ mở ra.

Bấm để mở giao diện thẻ nhớ (), nếu có.

Để di chuyển hoặc sao chép các tập tin vào thư mục, bấm và cùng lúc để đánh dấu tập tin, và chọn **Options > Move to folder** hoặc **Copy to folder**.

Để tìm một tập tin, chọn **Options > Find** và bộ nhớ mà bạn sẽ dùng cho việc tìm kiếm, và nhập tên tập tin tương ứng cần tìm.

Xem mức sử dụng bộ nhớ

Để xem trong điện thoại có những loại dữ liệu nào và dung lượng bộ nhớ mà mỗi loại dữ liệu khác nhau sử dụng, chọn **Options > Memory details**.

Dung lượng bộ nhớ còn trống sẽ được hiển thị trong **Free memory**.

Không đủ bộ nhớ—làm trống bộ nhớ

Điện thoại sẽ thông báo khi bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ gần hết.

Để làm trống bộ nhớ điện thoại, chuyển dữ liệu sang một thẻ nhớ tương thích, nếu có. Đánh dấu các tập tin sẽ được di chuyển, và chọn **Options > Move to folder > Memory card**, và chọn một thư mục.

Mẹo! Bạn có thể sử dụng Nokia Phone Browser có trong Nokia PC Suite để xem các bộ nhớ khác nhau trong điện thoại và chuyển dữ liệu.

Để làm trống bộ nhớ bằng cách xóa dữ liệu, sử dụng **File manager** hoặc vào ứng dụng tương ứng. Ví dụ bạn có thể xóa các dữ liệu sau:

- Tin nhắn trong các thư mục **Inbox**, **Drafts**, và **Sent** và trong menu **Message**.
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang Web đã lưu
- Các tập tin âm thanh, phim và hình ảnh đã lưu
- Thông tin về số liên lạc
- Ghi chú lịch
- Các ứng dụng được tải về. Xem thêm phần **“Quản lý ứng dụng”**, trên trang 121

- Các tập tin cài đặt (.sis) của những ứng dụng bạn đã cài đặt vào thẻ miniSD tương thích; trước tiên sao lưu các tập tin cài đặt nhảy vào một máy PC tương thích sử dụng bộ Nokia PC Suite
- Tất cả các dữ liệu bạn không còn cần dùng đến nữa



Tải về!

Tải về! (dịch vụ mạng) là một cửa hàng cung cấp nội dung di động dành cho thiết bị của bạn. Bạn có thể trình duyệt, tải về, và cài đặt các mục nội dung, ví dụ như các ứng dụng và các tập tin media từ Internet vào điện thoại.

Các mục nội dung được phân loại trong catalogs và các thư mục do những nhà cung cấp dịch vụ khác nhau cung cấp. Một số mục nội dung có thể bị tính phí, nhưng thông thường bạn có thể xem trước những nội dung này mà không bị tính phí.

Bấm , và chọn **Download!**.

Để biết thêm chi tiết, xem tờ hướng dẫn của Các ứng dụng bổ sung.



Trò chơi

Bấm , và chọn **Games** và chọn một trò chơi. Để biết hướng dẫn về cách chơi trò chơi, chọn **Options > Help**.

Hỗ trợ

Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia

Tìm trên trang www.nokia-asia.com/support hoặc trang Web Nokia tại địa phương bạn để có phiên bản mới nhất của tài liệu này, thông tin bổ sung, các nội dung tái về và các dịch vụ liên quan đến sản phẩm Nokia của bạn.

Trên trang Web, bạn có thể lấy thông tin về sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của Nokia. Nếu bạn cần liên hệ với dịch vụ khách hàng, kiểm tra danh sách các trung tâm liên hệ của Nokia trong vùng của bạn tại www.nokia-asia.com/customerservice.

Nếu bạn muốn biết về các dịch vụ bảo trì, kiểm tra trung tâm dịch vụ Nokia gần với bạn nhất tại www.nokia-asia.com/repair.



Trợ giúp

Điện thoại của bạn có các văn bản trợ giúp theo ngữ cảnh. Khi một ứng dụng đang mở, chọn **Options > Help** để truy cập phần trợ giúp trong giao diện hiện tại.

Khi bạn đọc hướng dẫn, để chuyển giữa chức năng trợ giúp và ứng dụng đang chạy ẩn, bấm và giữ .

Để mở phần trợ giúp trong menu chính, chọn **Applications > Help**. Chọn ứng dụng theo ý muốn để xem các chủ đề trợ giúp.



Tutorial

Trình hướng dẫn cung cấp cho bạn thông tin về các chức năng của điện thoại. Để truy cập trình hướng dẫn trong menu, bấm , và chọn **Applications > Tutorial** và chọn phần mà bạn muốn xem.

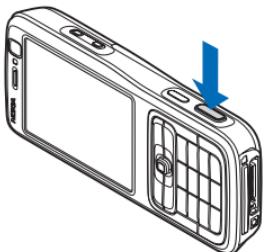
Camera

Điện thoại Nokia N73 có hai camera, một camera với độ phân giải cao nằm ở mặt sau của điện thoại (camera chính) và một camera với độ phân giải thấp hơn nằm ở mặt trước của điện thoại (camera phụ). Cả hai camera đều có chức năng chụp ảnh và quay phim. Camera phụ ở mặt trước được sử dụng ở chế độ chụp chân dung, và camera ở mặt sau ở chế độ chụp phong cảnh.

Điện thoại Nokia N73 hỗ trợ chụp ảnh có độ phân giải 2048x1536 pixel sử dụng camera chính. Độ phân giải hình ảnh trong tài liệu này có thể hiển thị khác.

Ảnh và các video clip tự động được lưu trong thư mục **Images & video** trong **Gallery**.

Ảnh chụp từ các camera có dạng .jpeg. Các video clip được ghi lại dưới dạng tập tin .mp4, hoặc dạng 3GPP có tên mở rộng của tập tin .3gp (**Sharing quality**). Xem phần “**Cài đặt phim**”, trên trang 17.



Bạn có thể gửi hình ảnh hoặc video clip dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail, hoặc sử dụng kết nối Bluetooth. Bạn cũng có thể tải chúng lên album trực tuyến. Xem phần “[Online sharing \(Chia sẻ trực tuyến\)](#)”, trên trang 28.

Chụp hình

Khi chụp ảnh, bạn nên lưu ý những vấn đề sau:

- Sử dụng cả hai tay để giữ cố định camera.
- Chất lượng của hình được điều chỉnh tỷ lệ kỹ thuật số sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh tỷ lệ.
- Camera sẽ chuyển sang chế độ tiết kiệm pin nếu không có phím nào được bấm trong một khoảng thời gian xác định. Để tiếp tục chụp ảnh, bấm .

Để chụp ảnh, hãy thực hiện theo các bước sau:

- Để khởi động camera chính, mở nắp trượt. Nếu camera ở chế độ **Video mode**, chọn **Switch to image mode** từ thanh công cụ hoạt động.
- Để khóa tiêu điểm trên một đối tượng, bấm nút chụp nửa chừng (chỉ camera chính). Chỉ báo tiêu điểm đã khóa màu xanh sẽ xuất hiện trên màn hình. Nếu tiêu điểm không bị khóa, chỉ báo tiêu

điểm màu đó sẽ xuất hiện. Thả phím chụp ra và bấm nửa chừng lại một lần nữa. Tuy nhiên, bạn có thể chụp ảnh mà không cần khóa tiêu điểm.

3 Để chụp ảnh, ở chế độ camera chính, bấm phím chụp ảnh. Giữ nguyên điện thoại cho tới khi ảnh được lưu.

Để thu nhỏ hoặc phóng to, sử dụng phím chỉnh tỷ lệ ở mặt bên của điện thoại.

Bạn có thể hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc trước khi chụp ảnh bằng cách sử dụng phím di chuyển để di chuyển qua thanh công cụ hoạt động. Xem phần “[Thiết lập cài đặt—Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc](#)”, trên trang 13.

Việc lưu lại ảnh chụp có thể mất nhiều thời gian hơn nếu bạn thay đổi các cài đặt của tính năng chỉnh tỉ lệ, ánh sáng hoặc màu sắc.

Để làm trống bộ nhớ trước khi chụp ảnh, chọn **Options > Go to free memory** (chỉ khả dụng nếu bạn đã sao lưu hình ảnh hoặc video clip). Xem phần “[Làm trống bộ nhớ](#)”, trên trang 21.

Để khởi động camera mặt trước, chọn **Options > Use secondary camera**.

Để đóng camera chính, đóng nắp trượt.

Các chỉ báo camera hình tĩnh

Kính ngắm camera hình tĩnh sẽ hiển thị thông tin sau đây:

- Chỉ báo chế độ chụp hiện thời (1).
- Bạn có thể di chuyển qua thanh công cụ hoạt động (2) trước khi chụp ảnh để kích hoạt chức năng chụp tự động hoặc chế độ chụp liên tục, hoặc chọn chế độ chụp, cảnh, chế độ flash, cân bằng trắng, bù phơi sáng, tông màu và độ nhạy sáng (thanh công cụ hoạt động sẽ không hiển thị trong khi lấy nét và chụp ảnh). Xem phần “[Thanh công cụ hoạt động](#)”, trên trang 11.

- Chỉ báo độ phân giải hình (3) cho biết chất lượng hình ảnh là **Print 3M**
 - **Large** (độ phân giải 2048x1536),
 - Print 2M - Medium** (độ phân giải 1600x1200), **Print/e-mail 0.8M - Small** (độ phân giải 1024x768), hoặc **Multimedia message 0.3M** (độ phân giải 640x480).
- Bộ đếm hình (4) hiển thị ước tính số lượng hình bạn có thể chụp sử dụng cài đặt chất lượng ảnh



- hiện thời và bộ nhớ được sử dụng (bộ đếm này không hiển thị trong khi lấy nét và chụp ảnh).
- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại () và thẻ nhớ () (5) cho biết nơi lưu trữ các hình ảnh.

Để hiển thị tất cả các chỉ báo kính ngắm, chọn **Options > Show icons**. Để chỉ hiển thị các chỉ báo tình trạng camera, chọn **Hide icons**.

Thanh công cụ hoạt động

Trên camera, bạn có thể sử dụng thanh công cụ hoạt động như một phím tắt để chọn các mục và hiệu chỉnh các cài đặt khác nhau trước và sau khi chụp ảnh hoặc quay video. Trên thanh công cụ hoạt động, di chuyển đến các mục khác nhau và chọn bằng cách bấm phím di chuyển. Các tùy chọn khả dụng tùy thuộc vào chế độ và trạng thái bạn đang chụp. Bạn cũng có thể xác định thanh công cụ hoạt động luôn hiển thị trên màn hình hoặc được kích hoạt bằng cách bấm phím.



Nếu muốn thanh công cụ hoạt động hiển thị trên màn hình trước và sau khi chụp ảnh hoặc quay video, chọn **Options > Show icons**.

Nếu muốn thanh công cụ hoạt động chỉ hiển thị một lúc khi bạn cần đến nó, chọn **Options > Hide icons**. Bạn có thể kích hoạt thanh công cụ hoạt động bằng cách bấm phím di chuyển.

Trước khi chụp ảnh hoặc quay video, trên thanh công cụ hoạt động, chọn từ các lựa chọn sau:

- để chuyển giữa chế độ video và hình ảnh
- A để chọn trạng thái
- A để chọn chế độ flash
- 0 để khởi động chức năng chụp tự động (chỉ dành cho hình ảnh). Xem phần “[Chụp hình cho chính bạn—chụp tự động](#)”, trên trang 15.
- 0 để khởi động chế độ chụp liên tục (chỉ dành cho hình ảnh). Xem phần “[Chụp ảnh liên tục](#)”, trên trang 15.
- 0 để hiệu chỉnh độ bù phơi sáng (chỉ dành cho hình ảnh)
- A để hiệu chỉnh độ cân bằng trắng
- A để chọn hiệu ứng màu
- ISO để hiệu chỉnh độ nhạy sáng (chỉ dành cho hình ảnh)

Các biểu tượng sẽ thay đổi để phản ánh tình trạng cài đặt hiện thời.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau, tùy thuộc vào giao diện đang được xem.

Xem thêm các tùy chọn thanh công cụ hoạt động trong “[Sau khi chụp ảnh](#)”, trên trang 12, “[Sau khi quay video:](#)”, trên trang 17, và phần “[Thanh công cụ hoạt động](#)”, trên trang 11 trong [Gallery](#).

Sau khi chụp ảnh

Sau khi chụp ảnh, chọn một trong những tùy chọn sau từ thanh công cụ hoạt động (chỉ khả dụng nếu [Show captured image](#) được cài là **On** trong Cài đặt camera hình tĩnh):

- Nếu bạn không muốn giữ lại hình ảnh này, chọn **Delete**.
- Để gửi hình ảnh sử dụng tin nhắn đa phương tiện, e-mail, kết nối Bluetooth, hoặc hồng ngoại, hoặc tải hình ảnh lên album trực tuyến, bấm phím thoại, hoặc chọn **Send**. Để biết thêm thông tin, xem phần “[Nhắn tin](#)”, trên trang 55, “[Kết nối Bluetooth](#)”, trên trang 93, và phần “[Online sharing \(Chia sẻ trực tuyến\)](#)”, trên trang 28. Tùy chọn này sẽ không có trong khi cuộc gọi đang diễn ra. Bạn cũng có thể gửi hình ảnh đến người nhận cuộc gọi trong khi cuộc gọi đang diễn ra.

Chọn **Send to caller** (chỉ khả dụng trong khi cuộc gọi đang diễn ra).

- Để thêm hình ảnh vào Thùng In cho lần in sau, chọn **Add to Print Basket**.
- Để in ảnh, chọn **Print**. Xem phần “[In ảnh](#)”, trên trang 26.
- Để chụp ảnh mới, chọn **New image**.

Để đổi tên hình ảnh, chọn **Options > Rename image**.

Để sử dụng hình ảnh làm hình nền ở chế độ chờ, chọn **Options > Set as wallpaper**.

Cài đặt camera hình tĩnh

Có hai kiểu cài đặt dành cho camera hình tĩnh:

Image setup và cài đặt chính. Để hiệu chỉnh **Image setup**, xem phần “[Thiết lập cài đặt—Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc](#)”, trên trang 13. Các thông số cài đặt sẽ trở về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt chính sẽ vẫn giữ nguyên cho đến khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để thay đổi cài đặt chính, chọn **Options > Settings** và chọn các tùy chọn sau:

Image quality—Print 3M - Large-Large (độ phân giải 2048x1536), **Print 2M - Medium** (độ phân giải 1600x1200), **Print/e-mail 0.8M - Small** (độ phân giải 1024x768), hoặc **Multimedia message 0.3M**

(độ phân giải 640x480). Chất lượng hình ảnh càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ. Nếu bạn muốn in hình, chọn **Print 3M - Large, Print 2M - Medium**, hoặc **Print/e-mail 0.8M - Small**. Nếu bạn muốn gửi ảnh qua e-mail, chọn **Print/e-mail 0.8M - Small**. Để gửi hình qua MMS, chọn **Multimedia message 0.3M**.

Những độ phân giải này chỉ có trong máy ảnh chính.

Add to album—Chọn lưu hoặc không lưu hình ảnh đã ghi vào một album trong bộ sưu tập. Nếu bạn chọn **Yes**, danh sách các album hiện có sẽ mở ra.

Show captured image—Chọn **On** nếu bạn muốn xem ảnh đã chụp sau khi chụp, hoặc chọn **Off** nếu bạn muốn tiếp tục chụp ảnh ngay.

Default image name—Xác định tên mặc định cho các hình ảnh được chụp.

Extended digital zoom (chỉ camera chính)—Chọn **On** để cho phép tăng tỷ lệ phóng từ từ và liên tục giữa chỉnh tỷ lệ kỹ thuật số và chỉnh tỷ lệ kỹ thuật số mở rộng. Nếu bạn muốn giới hạn zoom ở mức chất lượng hình đã chọn được duy trì, chọn **Off**.

Capture tone—Chọn âm bạn muốn nghe khi chụp ảnh.

Memory in use—Chọn nơi lưu hình ảnh của bạn.

Restore camera settings—Chọn **OK** để trở về giá trị mặc định các cài đặt camera.

Flash

Đèn flash chỉ khả dụng với camera chính.

Giữ một khoảng cách an toàn khi sử dụng đèn flash. Không sử dụng đèn flash khi ở gần người hoặc động vật. Không che đèn flash khi đang chụp ảnh.

Camera được trang bị đèn flash để chụp hình trong điều kiện ánh sáng yếu. Các chế độ đèn flash sau đây khả dụng cho camera hình tĩnh: **Automatic** (), **Red eye reduct.** () , **On** () , và **Off** ().

Để thay đổi chế độ flash, trên thanh công cụ hoạt động, chọn chế độ flash bạn muốn.

Thiết lập cài đặt—Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc

Để cho phép camera tái tạo màu sắc và ánh sáng trung thực hơn, hoặc để thêm hiệu ứng cho ảnh hoặc video, sử dụng phím di chuyển để di chuyển qua thanh công cụ hoạt động, và chọn một trong những tùy chọn sau:

White balance—Chọn điều kiện ánh sáng hiện tại trong danh sách. Điều này cho phép camera tái hiện màu sắc trung thực hơn.

Exposure compensation (chỉ dành cho hình ảnh)—Hiệu chỉnh độ phơi sáng của camera.

Colour tone—Chọn hiệu ứng màu từ danh sách.

Light sensitivity (chỉ dành cho hình ảnh)—Chọn độ nhạy sáng của camera. Môi trường càng tối thì càng cần độ nhạy sáng cao.

Mọi thay đổi đều được thể hiện ngay trên màn hình, giúp bạn thấy được tác động của sự thay đổi đối với hình ảnh hoặc phim.

Các cài đặt khả dụng tùy thuộc vào camera được chọn.

Các cài đặt thiết lập ánh hưởng đến cả hai camera; nếu thay đổi cài đặt cho camera phụ, cài đặt cho camera chính cũng thay đổi theo. Cài đặt này sẽ trở về cài đặt mặc định khi bạn đóng camera.

Nếu bạn chọn một cảnh mới, các cài đặt màu sắc và ánh sáng sẽ được thay thế bằng cảnh đã chọn. Xem phần “[Scenes](#)”, trên trang 14. Bạn có thể thay đổi thông số cài đặt sau khi chọn cảnh nếu cần.

Scenes

Scene sẽ giúp bạn tìm thông số cài đặt ánh sáng và màu sắc đúng cho môi trường hiện tại. Chọn cảnh hợp lý để chụp ảnh hoặc quay video clip từ danh sách cảnh. Cài đặt của mỗi cảnh đã được đặt theo một kiểu hoặc một môi trường nhất định.

Các cảnh chỉ có trong camera chính.

Sử dụng phím di chuyển để di chuyển qua thanh công cụ hoạt động, và chọn một trong những tùy chọn sau:

Video scenes

Automatic ()(mặc định) và **Night** ().

Image scenes

Auto ()(mặc định), **User defined** () , **Close-up mode** () , **Portrait** () , **Landscape** () , **Sports** () , **Night** () , và **Night portrait** () .

Khi chụp ảnh, cảnh mặc định là **Auto**. Bạn có thể chọn cảnh **User defined** làm cảnh mặc định.

Để tạo cảnh riêng cho bạn phù hợp với một môi trường cụ thể, di chuyển đến **User defined**, và chọn **Options > Change**. Trên cảnh do người dùng tạo, bạn có thể hiệu chỉnh các cài đặt độ sáng và màu sắc khác nhau. Để sao chép cài đặt của một cảnh

khác, chọn **Based on scene mode** và chọn cảnh theo ý muốn.

Chụp ảnh liên tục

Chế độ chụp liên tục chỉ có trong camera chính.

Để cài camera chụp liên tục sáu ảnh hoặc nhiều hơn (nếu có đủ bộ nhớ còn trống), trên thanh công cụ hoạt động, chọn **Switch to sequence mode**.

Để chụp sáu ảnh, bấm phím chụp. Để chụp trên sáu ảnh, bấm và giữ phím chụp. Để ngừng chụp ảnh, thả phím chụp ra. Bạn có thể chụp tối đa 100 hình, tùy thuộc vào bộ nhớ hiện có.

Sau khi chụp ảnh, ảnh chụp sẽ được hiển thị ở dạng khung lưới trên màn hình. Để xem ảnh, bấm  để mở ảnh.

Bạn cũng có thể sử dụng chế độ chụp liên tục với chế độ chụp tự động. Khi sử dụng chức năng chụp tự động, số ảnh tối đa sẽ là sáu ảnh.

Để trở về kính ngắm của chế độ chụp liên tục, bấm phím chụp.

Chụp hình cho chính bạn—chụp tự động

Chế độ chụp tự động chỉ có trong camera chính.

Sử dụng chức năng chụp tự động để làm chậm quá trình chụp ảnh và do đó bạn có thể tự chụp mình. Để cài thời gian chờ chụp tự động, trên thanh công cụ hoạt động, chọn **Self timer > 2 seconds, 10 seconds**, hoặc **20 seconds**. Để khởi động chức năng chụp tự động, chọn **Activate**. Điện thoại sẽ phát những tín hiệu bip trong khoảng thời gian chờ chụp. Camera sẽ chụp hình sau khi hết thời gian đã định.

Để tắt **Self timer**, trên thanh công cụ hoạt động, chọn **Self timer > Off**.

Bạn cũng có thể sử dụng chức năng chụp tự động trong chế độ chụp liên tục.

 **Mẹo!** Trên thanh công cụ hoạt động, chọn **Self timer > 2 seconds** để giữ chắc tay khi chụp ảnh.

Quay phim

- Để khởi động camera chính, mở nắp trượt. Nếu camera ở chế độ **Image mode**, chọn **Switch to video mode** từ thanh công cụ hoạt động.
- Nhấn phím chụp ảnh để bắt đầu quay. Ở chế độ đọc, sử dụng phím di chuyển để quay. Ký hiệu quay sẽ xuất hiện và một âm báo phát ra, cho biết đã bắt đầu quay video.
- Chọn **Stop** để ngừng quay phim. Video clip sẽ tự động được lưu vào thư mục **Images & video** trong **Gallery**. Xem phần “**Gallery**”, trên trang 19. Độ dài tối đa của video là 60 phút (nếu có đủ bộ nhớ còn trống).

Để tạm ngưng quay phim bất kỳ lúc nào, bấm **Pause**. Biểu tượng tạm ngưng () nhấp nháy trên màn hình. Quá trình quay phim tự động ngừng nếu quá trình quay được cài sang trạng thái tạm ngưng và bạn không bấm phím nào trong khoảng một phút. Nhấn phím chụp ảnh một lần nữa để bắt đầu quay.

Để thu nhỏ hoặc phóng to đối tượng, bấm phím chính tỷ lệ ở mặt bên của điện thoại.

Để hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc trước khi quay video, sử dụng phím di chuyển để di chuyển qua thanh công cụ hoạt động. Xem phần “**Thiết lập cài đặt—Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc**”, trên trang 13 và “**Scenes**”, trên trang 14.

Để làm trống bộ nhớ trước khi quay video, chọn **Options > Go to free memory** (chỉ khả dụng nếu bạn đã sao lưu hình ảnh hoặc video clip). Xem phần “**Làm trống bộ nhớ**”, trên trang 21.

Để khởi động camera mặt trước, chọn **Options > Use secondary camera**.

Các chỉ báo quay video

Kính ngắm video sẽ hiển thị thông tin sau đây:

- Chỉ báo chế độ chụp hiện thời (1).
- Chỉ báo tắt tiếng (2).
- Thanh công cụ hoạt động (3), bạn có thể di chuyển qua thanh công cụ này trước khi quay phim để chọn cảnh, cân bằng trắng, và tông màu (thanh công cụ sẽ không được hiển thị trong khi quay phim).
- Tổng thời lượng quay phim khả dụng (4). Khi quay phim, chỉ báo độ dài video hiện thời cũng sẽ hiển thị thời lượng đã ghi và thời lượng còn lại.

- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại (1) và thẻ nhớ (2) (5) cho biết nơi lưu trữ video.
- Chỉ báo chất lượng video (6) cho biết chất lượng video là **High**, **Normal**, hoặc **Sharing**.
- Loại tập tin video clip (7).



Để hiển thị tất cả các chỉ báo kính ngắm, chọn **Options > Show icons**. Chọn **Hide icons** để chỉ hiển thị các chỉ báo tình trạng video, và trong khi quay phim, chỉ hiển thị chỉ báo thời gian quay còn lại, thanh chỉnh tỷ lệ khi chỉnh tỷ lệ, và các phím chọn.

Để khởi động camera mặt trước, chọn **Options > Use secondary camera**.

Sau khi quay video:

Sau khi quay một video clip, chọn những tùy chọn sau từ thanh công cụ hoạt động (chỉ khả dụng nếu **Show captured video** được cài **On** trong cài đặt Video):

- Để phát lại ngay đoạn phim mà bạn vừa quay, chọn **Play**.
- Nếu bạn không muốn giữ lại video này, chọn **Delete**.
- Để gửi video clip sử dụng tin nhắn đa phương tiện, e-mail, kết nối Bluetooth, hoặc hổng ngoại, hoặc tải video clip lên album trực tuyến, bấm phím thoại, hoặc chọn **Send**. Để biết thêm thông tin, xem phần “**Nhắn tin**”, trên trang 55, “**Kết nối Bluetooth**”, trên trang 93, và phần “**Online sharing (Chia sẻ trực tuyến)**”, trên trang 28. Tùy chọn này sẽ không có trong khi cuộc gọi đang diễn ra. Bạn không thể gửi các video clip được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện. Bạn cũng có thể gửi video clip đến người nhận cuộc gọi trong khi cuộc gọi đang diễn ra. Chọn **Send to caller**.
- Để quay một video clip mới, chọn **New video**.

Để đổi tên video, chọn **Options > Rename video**.

Cài đặt phim

Có hai kiểu cài đặt dành cho máy quay phim: Cài đặt **Video setup** và cài đặt chính. Để điều chỉnh cài đặt **Video setup**, xem phần “**Thiết lập cài đặt—Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc**”, ở trang 13.

Các thông số cài đặt sẽ trở về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt

chính sẽ vẫn giữ nguyên cho đến khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để thay đổi cài đặt chính, chọn **Options > Settings** và chọn các tùy chọn sau:

Video quality—Cài chất lượng video clip là **High** (chất lượng tốt nhất để sử dụng lâu dài và xem trên một tivi hoặc máy PC tương thích và điện thoại), **Normal** (chất lượng chuẩn để xem qua điện thoại), hoặc **Sharing** (kích cỡ video clip giới hạn để gửi qua tin nhắn đa phương tiện). Nếu bạn muốn xem video trên TV hoặc một máy PC tương thích, chọn **High**, với độ phân giải CIF (352x288) và định dạng .mp4. Để gửi video clip qua MMS, chọn **Sharing** (với độ phân giải QCIF, định dạng .3gp). Kích cỡ của video clip được ghi với **Sharing** có giới hạn trong khoảng 300 KB (thời lượng khoảng 20 giây), vì vậy rất thuận tiện khi bạn muốn gửi đến một thiết bị tương thích dưới dạng tin nhắn đa phương tiện.

Video stabilisation—Chọn **On** để giảm hiện tượng rung camera khi quay phim.

Audio recording—Chọn **On** nếu bạn muốn ghi lại cả tiếng và hình.

Add to album—Chọn thêm hoặc không thêm video clip đã ghi vào một album trong **Gallery**. Chọn **Yes** để mở danh sách các album hiện có.

Show captured video—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị ảnh đầu tiên của video clip được ghi trên

màn hình sau khi ngừng ghi. Chọn **Play** từ thanh công cụ hoạt động (camera chính) hoặc **Options > Play** (camera phụ) để xem video clip này.

Default video name—Xác định tên mặc định cho các video clip quay được.

Memory in use—Chọn bộ nhớ mặc định: bộ nhớ trên máy hoặc thẻ nhớ (nếu được lắp).

Restore camera settings—Chọn **OK** để trả về giá trị mặc định các cài đặt camera.

Gallery

Để lưu và sắp xếp các hình ảnh, đoạn phim, tập tin âm thanh, danh mục bài hát, liên kết xem các nội dung phát trực tuyến, bấm  , và chọn **Gallery**.

 **Meo!** Nếu bạn đang trong một ứng dụng khác, để xem ảnh mới nhất được lưu trong thư mục **Gallery**, bấm phím xem lại () ở mặt bên của điện thoại. Để vào giao diện chính của thư mục **Images & video**, bấm phím xem lại một lần nữa.

Xem và trình duyệt tập tin

Chọn **Images & video** , **Tracks** , **Sound clips** , **Streaming links** , **Presentations** , hoặc **All files**  , và bấm  để mở.

Bạn có thể trình duyệt và mở các thư mục; đánh dấu chọn, sao chép và chuyển các mục vào thư mục. Bạn cũng có thể tạo album; và đánh dấu, sao



chép và thêm các mục vào album. Xem phần “**Album**”, trên trang 22.

Các tập tin lưu trữ trong thẻ nhớ tương thích (nếu có) được chỉ báo bằng .

Để mở một tập tin, bấm  . Các video clip, tập tin .ram, và các liên kết trực tuyến sẽ được mở và phát trong **RealPlayer**, và nhạc và các đoạn âm thanh trong **Music player**. Xem phần “**RealPlayer**”, trên trang 37, và phần “**Máy nghe nhạc (Nokia N73 (phiên bản gốc))**”, trên trang 32.

Để sao chép hoặc di chuyển các tập tin vào thẻ nhớ (nếu có) hoặc vào bộ nhớ trên máy, chọn một tập tin và chọn **Options > Move and copy > Copy to memory card** hoặc **Move to memory card**, hoặc **Copy to phone mem.** hoặc **Move to phone mem..**

Để tải nhạc hoặc các đoạn âm thanh về **Gallery** bằng trình duyệt, trong các thư mục **Tracks** hoặc **Sound clips**, chọn **Track downl.**, hoặc **Sound downl.**. Để tải về hình ảnh hoặc các video, trong thư mục **Images & video**, chọn biểu tượng tải về. Trình duyệt sẽ mở ra và bạn có thể chọn một chỉ mục của trang sẽ tải về.

Hình ảnh và các video clip

Hình chụp và các video clip được quay bằng camera sẽ được lưu trong thư mục **Images & video** trong **Gallery**. Bạn cũng có thể nhận được hình ảnh và video clip dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail, qua kết nối Bluetooth, hoặc qua cổng hồng ngoại. Để có thể xem hình ảnh hoặc video clip nhận được trong **Gallery** hoặc trong media player, bạn phải lưu chúng vào bộ nhớ trên máy hoặc trên một thẻ nhớ (nếu có).

Mở thư mục **Images & video** trong **Gallery**.

Hình ảnh và video clip sẽ ở trong một vòng tròn và được sắp xếp theo ngày tháng. Số lượng tập tin sẽ được hiển thị. Để trình duyệt từng tập tin, di chuyển sang trái hoặc phải. Để trình duyệt tập tin theo nhóm, di chuyển lên hoặc xuống.

Khi hình được mở ra, để phóng to hình ảnh, bấm phím chỉnh tỷ lệ ở mặt bên của điện thoại. Tỷ lệ phóng to/thu nhỏ sẽ được hiển thị ở phía dưới bên trái màn hình. Tỉ lệ sẽ không được lưu cố định.

Để xoay hình đã chọn sang trái hoặc sang phải, chọn **Options > Rotate**.

Để chỉnh sửa video clip hoặc hình, chọn **Options > Edit**. Chương trình chỉnh sửa hình ảnh hoặc video sẽ mở ra. Xem phần “**Biên tập các đoạn phim**”, trên

trang 23. Xem phần “**Chỉnh sửa hình ảnh**”, trên trang 22.

Để tạo các video clip tùy chỉnh, chọn một video clip hoặc một vài clip trong bộ sưu tập và chọn **Options > Edit**. Xem phần “**Biên tập các đoạn phim**”, trên trang 23.

Để in hình trên một máy in tương thích, hoặc để lưu hình vào thẻ nhớ (nếu có) để in, chọn **Options > Print**. Xem phần “**In ảnh**”, trên trang 26. Bạn cũng có thể thêm hình ảnh cho lần in sau vào Thùng In trong **Gallery**. Xem phần “**Thùng In**”, trên trang 21.

Để thêm một hình ảnh hoặc một đoạn phim vào album trong bộ sưu tập, chọn **Options > Albums > Add to album**. Xem phần “**Album**”, trên trang 22.

Để sử dụng hình ảnh làm hình nền, chọn hình ảnh và chọn **Options > Use image > Set as wallpaper**.

Để xóa hình hoặc video clip, bấm C.

Thanh công cụ hoạt động

Trong thư mục **Images & video**, bạn có thể sử dụng thanh công cụ hoạt động như một phím tắt để chọn các tác vụ khác nhau. Thanh công cụ hoạt động chỉ khả dụng khi bạn đã chọn một hình ảnh hoặc một video clip.

Trên thanh công cụ hoạt động, di chuyển lên hoặc xuống tới các mục khác nhau và chọn bằng cách bấm phím di chuyển. Các tùy chọn khá dụng khác nhau, tùy thuộc vào trạng thái hiện tại và việc bạn đã chọn một hình ảnh hoặc video clip hay chưa. Bạn cũng có thể xác định thanh công cụ hoạt động luôn hiển thị trên màn hình hoặc sẽ được kích hoạt bằng cách bấm phím.

Nếu muốn thanh công cụ hiển thị trên màn hình, chọn **Options > Show icons**.

Nếu muốn thanh công cụ hoạt động chỉ hiển thị một lúc khi bạn cần đến nó, chọn **Options > Hide icons**. Để kích hoạt thanh công cụ hoạt động, bấm phím di chuyển.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

để phát video clip đã chọn

để gửi hình ảnh hoặc video clip đã chọn

/ để thêm hoặc xóa hình ảnh trong Thùng In. Xem phần “[Thùng In](#)”, trên trang [21](#).

để xem hình ảnh trong Thùng In

để bắt đầu trình chiếu hình ảnh trong album đã chọn

để xóa hình ảnh hoặc video clip đã chọn

để in hình ảnh đã xem

Các tùy chọn khá dụng có thể khác nhau, tùy thuộc vào giao diện hiện tại.

Làm trống bộ nhớ

Để giảm độ phân giải và kích thước hình ảnh được lưu trong **Gallery** và làm trống bộ nhớ cho các ảnh mới, chọn **Options > Shrink**. Để sao lưu hình ảnh, sao chép chúng sang một máy PC tương thích hoặc một vị trí khác. Chọn **Shrink** sẽ giảm độ phân giải của hình xuống còn 640x480.

Để tăng chỗ trống trong bộ nhớ sau khi bạn sao chép các mục vào các vị trí hoặc thiết bị khác, chọn **Options > Free memory**. Bạn có thể duyệt danh sách các tập tin vừa được sao chép. Để xóa một tập tin đã sao chép trong **Gallery**, chọn **Options > Delete**.

Thùng In

Bạn có thể thêm hình ảnh vào Thùng In và in chúng sau với một máy in tương thích hoặc tại một điểm dịch vụ in nếu có. Xem phần “[In ảnh](#)”, trên trang [26](#). Hình ảnh đã thêm vào được chỉ báo bằng trong thư mục **Images & video** và album.

Để thêm hình ảnh cho lần in sau, chọn hình ảnh và chọn **Add to Print Basket** trên thanh công cụ hoạt động.

Để xem hình ảnh trong Thùng In, chọn **View Print Basket** trên thanh công cụ hoạt động, hoặc chọn biểu tượng Thùng In  trong thư mục **Images & video** (chỉ khả dụng khi bạn đã thêm hình ảnh vào Thùng In).

Để xóa hình ảnh trong Thùng In, chọn hình ảnh trong thư mục **Images & video** hoặc trong album, và chọn **Remove from print** trên thanh công cụ hoạt động.

Album

Với album, bạn có thể quản lý hình ảnh và các video clip một cách thuận tiện. Để xem danh sách album, trong thư mục **Images & video**, chọn **Options > Albums > View albums**.

Để thêm hình hoặc một đoạn phim vào album trong bộ sưu tập, di chuyển đến một hình hoặc đoạn phim và chọn **Options > Albums > Add to album**.

Một danh sách các album sẽ mở ra. Chọn album bạn muốn thêm hình hoặc video clip vào và bấm .

Để xóa một tập tin trong album, bấm . Tập tin đó sẽ vẫn còn trong thư mục **Images & video** trong **Gallery**.

Để tạo một album mới, trong giao diện danh sách các album, chọn **Options > New album**.

Chỉnh sửa hình ảnh

Để chỉnh sửa hình ảnh sau khi chụp xong, hoặc các hình ảnh đã được lưu trong **Gallery**, chọn **Options > Edit**.

Chọn **Options > Apply effect** để mở bảng các tùy chọn chỉnh sửa khác nhau được chỉ báo bởi những biểu tượng nhỏ mà bạn có thể chọn. Bạn có thể cắt và xoay hình; điều chỉnh độ sáng, màu sắc, độ tương phản, và độ phân giải; và thêm hiệu ứng, văn bản, hình nghệ thuật, hoặc khung cho hình chụp.

Cắt hình

Để cắt ảnh, chọn **Options > Apply effect > Crop**.

Để cắt kích thước hình theo cách thủ công, chọn **Manual** hoặc chọn một tỷ lệ co từ danh sách. Nếu bạn chọn **Manual**, dấu thập sẽ xuất hiện ở góc trái phía trên của hình. Di chuyển phím di chuyển đến vùng để cắt, và chọn **Set**. Một dấu thập khác sẽ xuất hiện ở góc dưới bên phải. Chọn lại vùng sẽ

được cắt. Để hiệu chỉnh vùng được chọn lúc đầu, chọn **Back**. Các vùng được chọn sẽ tạo thành hình chữ nhật, là dạng hình sẽ được cắt.

Nếu bạn chọn một tỷ lệ co định sẵn, chọn góc trái phía trên của vùng sẽ được cắt. Để chỉnh lại kích thước của vùng đã chọn, sử dụng phím di chuyển. Để cố định vùng đã chọn, bấm . Để di chuyển vùng này trong hình, sử dụng phím di chuyển. Để chọn vùng sẽ được cắt, bấm .

Giảm hiện tượng mắt đỏ

Để giảm hiện tượng mắt đỏ trong một hình, chọn **Options > Apply effect > Red eye reduction**. Di chuyển dấu thập vào mắt, và bấm . Một vòng tròn sẽ xuất hiện trên màn hình. Để chỉnh lại kích thước của vòng tròn cho vừa khít với mắt, di chuyển phím di chuyển. Để giảm hiện tượng mắt đỏ, bấm .

Các phím tắt hữu dụng

Các phím tắt trong chế độ chỉnh sửa hình ảnh:

- Để xem ảnh ở chế độ vừa màn hình, bấm *****.
- Để trở lại xem bình thường, nhấn ***** lần nữa.
- Để xoay hình theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ, bấm **3** hoặc **1**.

- Để phóng to hoặc thu nhỏ hình, bấm **5** hoặc **0**.
- Để di chuyển hình đã được phóng to hoặc thu nhỏ, di chuyển lên, xuống, sang trái, hoặc phải.

Biên tập các đoạn phim

Để chỉnh sửa các video clip trong **Gallery** và tạo các video clip tùy chỉnh, di chuyển đến một video clip, và chọn **Options > Edit > Merge, Change sound, Add text, Cut**, hoặc **Create muvee**. Xem phần “**Gallery**”, trên trang 19.

Mẹo! Bạn có thể sử dụng ứng dụng **Movie** để tạo các video clip tùy chỉnh. Chọn những video clip và hình ảnh bạn muốn tạo một muvee và chọn **Options > Edit > Create muvee**. Xem phần “**Movie director**”, trên trang 37.

Chương trình biên tập video hỗ trợ tập tin video dạng 3gp và .mp4, và tập tin âm thanh dạng .aac, .amr, .mp3 và .wav.

Các video clip tùy chỉnh sẽ tự động được lưu trong **Images & video** trong **Gallery**. Các clip này sẽ được lưu trong thẻ nhớ. Nếu thẻ nhớ không khả dụng, bộ nhớ điện thoại sẽ được sử dụng.

Thêm hình ảnh, video, âm thanh, và văn bản

Bạn có thể thêm hình ảnh, video clip, và văn bản vào một video clip được chọn trong **Gallery** để tạo các video clip tùy chỉnh.

Để kết hợp một hình ảnh hoặc một video clip với một video clip đã chọn, trong thư mục **Images & video**, chọn **Options > Edit > Merge > Image** hoặc **Video clip**. Chọn tập tin bạn cần và bấm **Select**.

Để thêm đoạn âm thanh mới và thay đoạn âm thanh gốc trong video clip, chọn **Options > Edit > Change sound** và chọn đoạn âm thanh.

Để thêm văn bản vào đoạn đầu và đoạn cuối của video clip, chọn **Options > Edit > Add text**, nhập văn bản bạn muốn thêm vào và bấm **OK**. Sau đó chọn vị trí bạn muốn thêm văn bản vào: **Beginning** hoặc **End**.

Cắt video clip

Bạn có thể cắt cảnh video clip, và đánh dấu điểm đầu và điểm cuối để loại các phần ra khỏi video clip. Trong thư mục **Images & video**, chọn **Options > Edit > Cut**.

Để phát từ đầu một video clip đã chọn, chọn **Options > Play**.

 **Mẹo!** Để chụp hình các cảnh trong một video clip, bấm phím chỉnh sửa.

Để chọn các phần trong video clip cho video clip tùy chỉnh, và xác định điểm đầu và điểm cuối của các phần này, di chuyển đến điểm bạn muốn trong video và chọn **Options > Start mark** hoặc **End mark**.

Để chỉnh sửa điểm đầu và điểm cuối của phần đã chọn, di chuyển đến phần đánh dấu bạn cần và bấm phím di chuyển. Bạn có thể chuyển phần đánh dấu đã chọn về phía trước hoặc ngược trở lại trên thanh thời gian.

Để xóa tất cả các phần đánh dấu, chọn **Options > Remove > All marks**.

Để xem trước video clip, chọn **Options > Play marked section**. Để chuyển đến một thanh thời gian, di chuyển sang trái hoặc phải.

Để ngừng phát video clip, bấm **Pause**. Để tiếp tục phát video clip, chọn **Options > Play**. Để trở lại giao diện cắt video, bấm **Back**.

Để lưu các thay đổi và trở lại **Gallery**, bấm **Done**.

Gửi video

Để gửi video, chọn **Options > Send > Via multimedia, Via e-mail, Via Bluetooth, Via infrared**, hoặc **Web upload**. Liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ của bạn để biết dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện có thể gửi đi được. Nếu video của bạn quá lớn không thể gửi đi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, biểu tượng  sẽ xuất hiện.

 **Mẹo!** Nếu muốn gửi video với dung lượng lớn hơn dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện được nhà cung cấp dịch vụ quy định, bạn có thể gửi qua công nghệ không dây Bluetooth. Xem phần "[Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth](#)", trên trang 95. Bạn cũng có thể chuyển video của bạn vào một máy PC tương thích sử dụng kết nối Bluetooth, cáp dữ liệu USB, hoặc bằng cách sử dụng phụ kiện đầu đọc thẻ nhớ (được bán rời).

Trình chiếu

Trên thanh công cụ hoạt động, chọn **Start slide show** để xem hình ảnh ở chế độ vừa màn hình.

Trình chiếu sẽ bắt đầu từ tập tin đã chọn. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **Pause**—để tạm ngưng trình chiếu
- **Continue**—để tiếp tục trình chiếu, nếu đã tạm ngừng
- **End**—để đóng trình chiếu

Để trình duyệt hình ảnh, bấm  (trước đó) hoặc  (tiếp theo) (chỉ khả dụng khi **Zoom and pan** được bật).

Để điều chỉnh tốc độ trình chiếu, trước khi bắt đầu trình chiếu, chọn **Options > Slide show > Settings > Delay between slides**.

Để trình chiếu chạy trơn tru giữa các trang, và để bộ sưu tập ngẫu nhiên thu nhỏ và phóng to hình ảnh, chọn **Zoom and pan**.

Để thêm âm thanh vào trình chiếu, chọn **Options > Slide show > Settings** và chọn các tùy chọn sau:

- **Music**—Chọn **On** hoặc **Off**.
- **Track**—Chọn một tập tin nhạc trong danh sách.

Để giảm hoặc tăng âm lượng, sử dụng phím âm lượng ở mặt bên của điện thoại.

Diễn thuyết

Với các diễn thuyết, bạn có thể xem các tập tin SVG (đồ họa vector có thể thay đổi tỷ lệ), chẳng hạn như truyện tranh và bản đồ. Các hình ảnh SVG giữ

nguyên hình dạng khi in và xem với các kích thước và độ phân giải màn hình khác nhau. Để xem các tập tin SVG, chọn thư mục **Presentations**, di chuyển đến một hình ảnh, và chọn **Options > Play**.

- Để phóng to, bấm **5**. Để thu nhỏ, bấm **0**.
- Để chuyển giữa chế độ xem vừa màn hình và chế độ xem bình thường, bấm *****.

In ảnh

Để in hình ảnh bằng **Image print**, chọn hình ảnh bạn muốn in, và chọn tùy chọn in trong bộ sưu tập camera, trình chỉnh sửa hình ảnh, hoặc giao diện hình ảnh.

Sử dụng **Image print** để in hình ảnh của bạn sử dụng cáp dữ liệu được cung cấp cùng với điện thoại, kết nối Bluetooth, hoặc một thẻ nhớ tương thích (nếu có).

Bạn chỉ có thể in hình ảnh ở dạng .jpeg. Hình ảnh được chụp bằng camera sẽ tự động được lưu ở dạng .jpeg.

Để in bằng một máy in tương thích với PictBridge, kết nối cáp dữ liệu trước khi chọn tùy chọn in.

Chọn máy in

Khi bạn sử dụng chức năng **Image print** lần đầu tiên, danh sách các máy in tương thích hiện có sẽ hiển thị sau khi bạn chọn hình ảnh. Chọn một máy in. Máy in sẽ được cài làm máy in mặc định.

Nếu bạn đã kết nối một máy in tương thích với PictBridge sử dụng Cáp Kết nối Nokia CA-53, máy in sẽ tự động hiển thị.

Nếu máy in mặc định không có, danh sách các thiết bị in hiện có sẽ được hiển thị.

Để thay đổi máy in mặc định, chọn **Options > Settings > Default printer**.

Xem trước bản in

Giao diện xem trước khi in chỉ mở ra khi bạn in một hình ảnh trong bộ sưu tập.

Hình ảnh đã chọn sẽ được hiển thị theo bố cục đã định trước. Để thay đổi bố cục này, di chuyển sang trái và phải để duyệt qua các bố cục có sẵn ứng với máy in đã chọn. Nếu hình ảnh không đủ để trình bày trên một trang đơn, di chuyển lên hoặc xuống để xem tiếp các trang khác.

Cài đặt in ấn

Các tùy chọn được hiển thị sẽ khác nhau tùy vào tính năng của thiết bị in mà bạn chọn.

Để cài máy in mặc định, chọn **Options > Default printer**.

Để chọn khổ giấy, chọn **Paper size**, chọn khổ giấy trong danh sách và bấm **OK**. Chọn **Cancel** để quay về màn hình trước đó.

In trực tuyến

 **Lưu ý:** Tính khả dụng của dịch vụ này có thể khác nhau tùy theo quốc gia hoặc khu vực bán hàng, và dịch vụ này có thể chỉ được địa phương hóa theo một số ngôn ngữ.

Với ứng dụng **PrintOnline** bạn có đặt hàng các bản in trực tuyến giao tại nhà, hoặc tại một cửa hàng mà bạn có thể nhận chúng. Bạn cũng có thể đặt hàng các sản phẩm khác nhau có hình ảnh đã chọn, ví dụ như cốc hoặc tấm lót chuột vi tính. Tính khả dụng của các sản phẩm tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ.

Để sử dụng **PrintOnline**, bạn phải cài đặt ít nhất một cấu hình dịch vụ in. Các tập tin này có thể có được từ các nhà cung cấp dịch vụ in hỗ trợ **PrintOnline**.

Bạn có thể bị tính phí truyền dữ liệu cho việc gửi hình ảnh đến dịch vụ này. Gửi hình ảnh để tải lên mạng trong khi sử dụng dịch vụ chuyển vùng ở bên ngoài nhà diều hành mạng của bạn có thể làm tăng cước phí dữ liệu. Xem phần “[Network](#)”, trên trang 119 cho chuyển vùng.

Đặt hàng in

Bạn chỉ có thể in hình ảnh ở dạng .jpeg.

Bấm  , và chọn **Gallery > Images & video**.

- Chọn một hoặc nhiều hình ảnh trong **Gallery**, và chọn **Options > Print > Order prints**.
- Chọn một nhà cung cấp dịch vụ trong danh sách.
- Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Open—để kết nối với nhà cung cấp dịch vụ.

Info—để xem thông tin về nhà cung cấp dịch vụ, ví dụ như địa chỉ cửa hàng, chi tiết liên hệ, và các liên kết Web để có thêm thông tin về nhà cung cấp dịch vụ.

Remove—để xóa nhà cung cấp dịch vụ khỏi danh sách.

Log—để xem chi tiết về những đơn đặt hàng trước đó.

- Nếu dịch vụ được cung cấp là một dịch vụ cửa hàng riêng lẻ, bạn sẽ được kết nối với nhà cung cấp dịch vụ, và giao diện xem trước hình ảnh sẽ

- hiển thị hình ảnh bạn đã chọn trong **Gallery**. Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:
- Preview**—để xem hình ảnh trước khi lệnh in.
 - Di chuyển lên hoặc xuống để xem hình ảnh.
 - Order now**—để gửi đơn đặt hàng.
 - Change product order**—để hiệu chỉnh chi tiết sản phẩm và số bản sao hình ảnh đã chọn. Trong giao diện đặt hàng sản phẩm, bạn có thể chọn sản phẩm và loại bạn muốn đặt hàng. Những tùy chọn và sản phẩm khả dụng tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ.
 - Di chuyển sang trái hoặc phải để xem và thay đổi chi tiết hình của các hình ảnh khác.
 - Change customer info**—để thay đổi thông tin về khách hàng và đơn đặt hàng.
 - Add image**—để bổ sung thêm hình ảnh vào đơn đặt hàng.
 - Remove image**—để xóa hình ảnh khỏi đơn đặt hàng.
- 5 Nếu dịch vụ được cung cấp là một dịch vụ nhóm người bán lẻ, bạn sẽ được kết nối với nhà cung cấp dịch vụ và cần chọn một cửa hàng bạn muốn nhận về các bản in. Giao diện xem trước hình ảnh sẽ hiển thị những hình ảnh bạn đã chọn trong **Gallery**. Tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ, bạn có thể sử dụng các tùy chọn để duyệt và tìm

các cửa hàng với những tiêu chí tìm kiếm khác nhau.

Bạn có thể kiểm tra các chi tiết như giờ mở cửa của cửa hàng đã chọn bằng cách chọn **Options > Info** (nếu được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ).

Di chuyển đến điểm giao hàng bạn muốn và bấm phím di chuyển. Bạn có thể xem trước hình ảnh trước khi đặt hàng, thay đổi chi tiết hình ảnh hoặc thông tin khách hàng, hoặc thêm hoặc xóa hình ảnh trong đơn đặt hàng. Để đặt hàng bản in, chọn **Options > Order now**.

Online sharing (Chia sẻ trực tuyến)

 **Lưu ý:** Tính khả dụng của dịch vụ này có thể khác nhau tùy theo quốc gia hoặc khu vực bán hàng, và dịch vụ này có thể chỉ được địa phương hóa theo một số ngôn ngữ.

Với ứng dụng **Online sharing**, bạn có thể chia sẻ hình ảnh và video trên các album trực tuyến tương thích, weblog, hoặc các dịch vụ chia sẻ trực tuyến khác trên Web. Bạn có thể tải lên nội dung, lưu những bài viết chưa hoàn tất dưới dạng nháp và tiếp tục sau, và xem nội dung của các album.

Những kiểu nội dung được hỗ trợ có thể khác nhau tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ.

Bạn có thể bị tính phí truyền dữ liệu cho việc gửi hình ảnh đến dịch vụ này.

Bắt đầu sử dụng

Để sử dụng **Online sharing**, bạn phải đăng ký dịch vụ với một nhà cung cấp dịch vụ chia sẻ hình ảnh trực tuyến. Thông thường, bạn có thể đăng ký dịch vụ trên trang Web của nhà cung cấp dịch vụ này. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết chi tiết về việc đăng ký dịch vụ. Để biết thêm thông tin về các nhà cung cấp dịch vụ tương thích, hãy xem trên trang web www.nokia-asia.com/support.

Lần đầu tiên mở dịch vụ trong ứng dụng **Online sharing**, bạn sẽ được nhắc tạo một tài khoản mới và xác nhận tên thuê bao và mật mã. Bạn có thể truy cập vào các cài đặt tài khoản này sau từ **Options > Settings** trong ứng dụng **Online sharing**.

Xem phần “**Cài đặt chia sẻ trực tuyến**”, trên trang 30.

Tải lên các tập tin

Bấm  , và chọn **Gallery > Images & video**, chọn những tập tin bạn muốn tải lên, và chọn **Options >**

Send > Web upload. Bạn cũng có thể truy cập vào ứng dụng **Online sharing** từ camera chính.

Giao diện **Select service** sẽ mở ra. Để tạo một tài khoản với một dịch vụ, **Options > Add new account** hoặc biểu tượng dịch vụ cùng với dòng chữ **Create new** trong danh sách dịch vụ. Nếu bạn đã tạo một tài khoản mới ở trạng thái không trực tuyến, hoặc chỉnh sửa một tài khoản hoặc cài đặt dịch vụ bằng trình duyệt Web trên một máy PC tương thích, để cập nhật danh sách dịch vụ trên điện thoại, chọn **Options > Retrieve services**. Để chọn một dịch vụ, bấm phím di chuyển.

Khi chọn dịch vụ này, những hình ảnh và video được chọn sẽ hiển thị ở trạng thái chính sửa. Bạn có thể mở và xem các tập tin, sắp xếp lại chúng, và thêm văn bản cho chúng, hoặc thêm các tập tin mới.

Để hủy quá trình tải lên Web, và lưu bài viết mới tạo dưới dạng nháp, chọn **Back > Save as draft**. Nếu quá trình tải lên đã bắt đầu, chọn **Cancel > Save as draft**.

Để kết nối với dịch vụ và tải các tập tin lên Web, chọn **Options > Upload**, hoặc bấm .

Mở dịch vụ trực tuyến

Để xem những hình ảnh và video đã được tải lên trong dịch vụ trực tuyến, và các mục nhập nháp và

các mục nhập đã gửi trong điện thoại, chọn **Images & video > Options > Open online service**.

Nếu bạn đã tạo một tài khoản mới ở trạng thái không trực tuyến, hoặc chỉnh sửa cài đặt của một tài khoản hoặc dịch vụ bằng trình duyệt Web trên một máy PC tương thích, chọn **Options > Retrieve services** để cập nhật danh sách dịch vụ trên điện thoại.

Chọn một dịch vụ trong danh sách.

Sau khi đã mở một dịch vụ, chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **Open in Web browser**—để kết nối với dịch vụ đã chọn và xem các album đã tải lên và album nhập trong trình duyệt Web. Giao diện này có thể khác nhau tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ.
- **Drafts**—để xem và chỉnh sửa các mục nhập nhập, và tái chung lên Web.
- **Sent**—để xem 20 mục nhập mới nhất được tạo bằng điện thoại.
- **New post**—để tạo mục nhập mới.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ.

Cài đặt chia sẻ trực tuyến

Để chỉnh sửa cài đặt **Online sharing**, trong ứng dụng **Online sharing**, chọn **Options > Settings**.

My accounts

Trong **My accounts**, bạn có thể tạo các tài khoản mới hoặc chỉnh sửa các tài khoản đã có. Để tạo một tài khoản mới, chọn **Options > Add new account**. Để chỉnh sửa một tài khoản đã có, chọn một tài khoản và chọn **Options > Edit**. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Account name—để nhập tên bạn muốn cho tài khoản.

Service provider—để chọn nhà cung cấp dịch vụ bạn muốn sử dụng. Bạn không thể thay đổi nhà cung cấp dịch vụ cho một tài khoản hiện có, bạn phải tạo một tài khoản mới cho nhà cung cấp dịch vụ mới. Nếu xóa một tài khoản trong **My accounts**, các dịch vụ liên quan đến tài khoản này cũng sẽ bị xóa khỏi điện thoại, bao gồm cả các mục đã gửi cho dịch vụ này.

User name và **Password**—nhập tên thuê bao và mật mã đã tạo cho tài khoản của bạn khi đăng ký với dịch vụ trực tuyến.

Upload image size—để chọn kích cỡ cho hình ảnh sẽ được tải lên dịch vụ này.

Application settings

Display image size—để chọn kích cỡ cho hình ảnh sẽ được hiển thị trên màn hình điện thoại. Cài đặt này sẽ không ảnh hưởng tới kích cỡ hình tải lên.

Display text size—để chọn cỡ chữ sử dụng để hiển thị văn bản trong các mục nhập nháp và mục nhập đã gửi, hoặc khi bạn thêm hoặc chỉnh sửa văn bản cho mục nhập mới.

Advanced

Service providers—để xem hoặc chỉnh sửa cài đặt nhà cung cấp dịch vụ, thêm nhà cung cấp dịch vụ mới, hoặc xem chi tiết về một nhà cung cấp dịch vụ. Nếu bạn thay đổi nhà cung cấp dịch vụ, tất cả thông tin **My accounts** cho nhà cung cấp dịch vụ trước đó sẽ bị mất. Bạn không thể thay đổi cài đặt cho các nhà cung cấp dịch vụ đã được định trước.

Default access point—để thay đổi điểm truy cập sử dụng để kết nối với dịch vụ trực tuyến, chọn điểm truy cập bạn muốn.

Các ứng dụng media



Máy nghe nhạc (Nokia N73 (phiên bản gốc))

Mục này sẽ mô tả máy nghe nhạc trong điện thoại Nokia N73 (phiên bản gốc) của bạn.

Bấm , và chọn **Music**. Với máy nghe nhạc, bạn có thể nghe các tập tin nhạc, tạo và nghe các danh sách nhạc.



Cảnh báo: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn. Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Thêm nhạc

Khi bạn mở máy nghe nhạc lần đầu tiên, máy nghe nhạc sẽ tìm kiếm các tập tin nhạc trong bộ nhớ trên máy để tạo một thư viện nhạc.

Sau khi thêm hoặc xóa các tập tin nhạc trong điện thoại, hãy cập nhật thư viện nhạc của bạn.

Chọn **Options > Music library > Options > Update Music library**.

Mẹo! Bạn có thể truyền tải các tập tin nhạc từ điện thoại vào thẻ nhớ tương thích (nếu có) bằng ứng dụng Nokia Audio Manager trong bộ Nokia PC Suite.

Phát nhạc

Khi mở máy nghe nhạc, bài nhạc hoặc danh sách nhạc được phát trước đó sẽ được hiển thị. Để xem thư viện nhạc, chọn hoặc **Options > Music library** và chọn danh sách bài hát bạn muốn. Để bắt đầu phát các bài hát trong giao diện, chọn **Options > Play**.



Khi một bài hát đang được phát, để thay đổi giữa phát và tạm dừng, bấm hoặc .

Để dừng bài hát, bấm . Để tiến nhanh về trước hoặc tua lại, bấm và giữ hoặc . Để phát bài hát kế tiếp hoặc bài hát trước đó, bấm hoặc .

Để xem danh sách bài hát đang được phát, chọn hoặc **Options > Open 'Now playing'**. Để lưu danh sách bài hát làm danh sách nhạc, chọn **Options > Add to a playlist**, và tạo một danh sách nhạc mới, hoặc chọn một danh sách đã lưu.

Để điều chỉnh âm lượng, sử dụng phím âm lượng ở mặt bên của điện thoại.

Để thay đổi giữa chế độ phát ngẫu nhiên và phát bình thường, chọn **Options > Random play**.

Để chọn ngừng phát ở cuối danh sách nhạc hoặc bắt đầu lại từ đầu danh sách nhạc, chọn **Options > Loop**.

Mẹo! Để thoát khỏi một ứng dụng đang mở và máy nghe nhạc đang chạy ẩn, bấm hai lần để trở về chế độ chờ. Để trở về ứng dụng, bấm , và chọn **Music**.

Để mở các chỉ mục Web để tải nhạc xuống, chọn **Options > Track downloads**.

Để trở về chế độ chờ và vẫn giữ máy nghe nhạc chạy ẩn, chọn **Options > Play in background**.

Thư viện nhạc

Để xem thư viện nhạc, chọn **Options > Music library**. **All tracks** liệt kê tất cả các bài nhạc.

Để xem các bài hát theo thứ tự, chọn **Albums**, **Artists**, **Genres**, hoặc **Composers**. Thông tin về album, nghệ sĩ, thể loại và nhạc sĩ này được thu thập từ các tag ID3 hoặc M4A của các tập tin bài hát, nếu có.

Để thêm bài hát, album, nghệ sĩ, thể loại hoặc nhạc sĩ vào danh sách nhạc, chọn các mục và chọn **Options > Add to a playlist**. Bạn có thể tạo danh sách bài hát mới hoặc thêm vào một danh sách hiện có.

Để xem các danh sách nhạc, chọn **Playlists**. Để tạo một danh sách nhạc mới, chọn **Options > New playlist**. Khi đang xem một danh sách nhạc do bạn tự tạo, để thêm bài hát, chọn **Options > Add tracks**.

Để xóa danh sách nhạc, bấm . Việc xóa danh sách bài hát chỉ có thể xóa danh sách bài hát, không xóa được các tập tin nhạc trong đó.



Flash Player

Với **Flash Player**, bạn có thể xem, phát, và tương tác với các tập tin flash tương thích được tạo cho các thiết bị di động.

Sắp xếp các tập tin flash

Bấm , và chọn **Applications > Flash Player**.

Để mở một thư mục hoặc phát một tập tin flash, di chuyển đến tập tin này, và bấm phím di chuyển.

Để gửi tập tin flash tới một thiết bị tương thích, di chuyển đến tập tin này, và bấm phím đàm thoại.

Để sao chép một tập tin flash vào một thư mục khác, chọn **Options > Organise > Copy to folder**.

Để dời một tập tin flash vào một thư mục khác, chọn **Options > Organise > Move to folder**.

Để tạo một thư mục để sắp xếp các tập tin flash, chọn **Options > Organise > New folder**.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Để xóa một tập tin flash, di chuyển đến tập tin đó và bấm .

Phát các tập tin flash

Bấm , và chọn **Applications > Flash Player**.

Di chuyển đến một tập tin flash, và bấm phím di chuyển.

Để tăng hoặc giảm âm lượng, sử dụng phím âm lượng ở mặt bên của điện thoại.

Nếu có, chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Pause — để tạm ngưng phát.

Stop — để ngừng phát.

Quality — để chọn chất lượng phát. Nếu chất lượng phát có vẻ không đều hoặc chậm, chọn **Normal** hoặc **Low**.

Full screen — để phát tập tin sử dụng cả màn hình. Để trở lại màn hình bình thường, chọn **Normal screen**.

Mặc dù không hiện trên cả màn hình nhưng các phím chức năng vẫn khả dụng khi bạn bấm một trong các phím chọn.

Fit to screen — để phát tập tin ở dạng kích thước gốc sau khi điều chỉnh tỷ lệ.

Pan mode on — để có thể di chuyển qua lại trên màn hình bằng phím điều khiển khi bạn đã phóng to.



Visual Radio

Bấm , và chọn **Applications > Radio**. Bạn có thể sử dụng ứng dụng như một đài FM bình thường với chức năng chỉnh đài tự động và các kênh đã lưu, hoặc với thông tin trực quan song hành liên quan đến chương trình radio trên màn hình, nếu bạn chỉnh đến các đài cung cấp dịch vụ Visual Radio. Các dịch vụ Visual Radio sử dụng dữ liệu gói (dịch vụ mạng). Bạn có thể nghe đài FM trong khi sử dụng các ứng dụng khác trên điện thoại.

Mẹo! Để truy cập vào **Radio** ở chế độ chờ trên điện thoại Nokia N73 Music Edition, bấm và giữ .

Nếu bạn không có điểm truy cập vào dịch vụ Visual Radio, các nhà điều hành và trạm phát radio tại khu vực của bạn có thể không hỗ trợ dịch vụ này. Dịch vụ Visual Radio có thể không có tại tất cả các khu vực và quốc gia.

Bạn có thể gọi hoặc trả lời cuộc gọi đến bình thường khi đang nghe radio. Radio sẽ tắt tiếng khi có cuộc gọi.

Radio chọn bằng tần dựa trên thông tin nhận được từ mạng. Nếu thông tin này không có, bạn sẽ được yêu cầu chọn vùng mà bạn đang ở hoặc bạn có thể

chọn vùng trong cài đặt Visual Radio. Xem phần “[Cài đặt](#)”, trên trang 36.

Nghe radio

Lưu ý chất lượng phát sóng radio phụ thuộc mức độ phủ sóng của đài phát thanh ở từng khu vực cụ thể.

Chất lượng nghe Radio FM không phụ thuộc vào ăng-ten vô tuyến của điện thoại mà tùy thuộc vào ăng-ten radio. Bạn phải gắn tai nghe hoặc phụ kiện tương thích với điện thoại để đài FM hoạt động đúng.

Bấm , và chọn **Applications > Radio**. Để dò tìm kênh, chọn hoặc . Để thay đổi tần số theo cách thủ công, chọn **Options > Manual tuning**.

Nếu bạn đã lưu kênh radio trước đó, chọn hoặc để chuyển sang kênh radio kế tiếp hoặc trước đó, hoặc bấm phím số tương ứng để chọn vị trí kênh.

Để điều chỉnh âm lượng, bấm các phím âm lượng. Để nghe radio qua loa, chọn **Options > Activate loudspeaker**.



Cảnh báo: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn. Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Để xem các kênh hiện có dựa trên vị trí, chọn **Options > Station directory** (dịch vụ mạng).

Để lưu kênh đã dò vào danh sách, chọn **Options > Save station**. Để mở danh sách các kênh đã lưu, chọn **Options > Stations**.

Để trở về chế độ chờ và chức năng dài FM vẫn hoạt động ẩn, chọn **Options > Play in background**.

Xem nội dung trực quan

Để kiểm tra tính khả dụng và mức cước phí cũng như cách thức đăng ký thuê bao dịch vụ, xin liên hệ nhà điều hành mạng và nhà cung cấp dịch vụ.

Để xem nội dung trực quan hiện có của kênh đã dò, chọn  hoặc **Options > Start visual service**.

Nếu ID dịch vụ trực quan chưa được lưu, nhập số này vào hoặc chọn **Retrieve** để tìm trong danh mục kênh (dịch vụ mạng).

Khi kết nối với dịch vụ trực quan được thiết lập, màn hình sẽ hiển thị nội dung trực quan.

Để hiệu chỉnh cài đặt hiển thị cho giao diện nội dung trực quan, chọn **Options > Display settings**.

Các kênh đã lưu

Bạn có thể lưu tối đa 20 kênh radio. Để mở danh sách kênh, chọn **Options > Stations**.

Để nghe kênh đã lưu, chọn **Options > Station > Listen**. Để xem nội dung trực quan hiện có của kênh với dịch vụ Visual Radio, chọn **Options > Station > Start visual service**.

Để thay đổi chi tiết kênh, chọn **Options > Station > Edit**.

Cài đặt

Chọn **Options > Settings** và các tùy chọn sau:

Start-up tone—Chọn phát hoặc không phát âm báo khi khởi động ứng dụng.

Auto-start service—Chọn **Yes** để dịch vụ Visual Radio tự khởi động khi bạn chọn kênh đã lưu có cung cấp dịch vụ Visual Radio.

Access point—Chọn điểm truy cập dùng để kết nối dữ liệu. Bạn không cần phải có điểm truy cập để sử dụng ứng dụng như một đài FM thông thường.

Current region—Chọn vùng mà bạn đang ở.

Cài đặt này chỉ hiển thị khi khởi động ứng dụng, điện thoại không nằm trong phạm vi phủ sóng.



RealPlayer

Bấm , và chọn **Applications > RealPlayer**. Với trình **RealPlayer**, bạn có thể xem lại các video clip, hoặc thưởng thức các tập tin media trực tuyến. Bạn có thể kích hoạt liên kết trực tuyến khi trình duyệt các trang Web, hoặc lưu liên kết này vào bộ nhớ điện thoại hoặc một thẻ nhớ tương thích (nếu có).

RealPlayer hỗ trợ các tập tin có đuôi dạng .3gp, .mp4 hoặc .rm. Tuy nhiên, **RealPlayer** không nhất thiết hỗ trợ tất cả các định dạng hay biến thể của các dạng tập tin này. Ví dụ, **RealPlayer** có thể phát các tập tin .mp4, nhưng một số tập tin .mp4 có thể chứa nội dung không tương thích với các chuẩn 3GPP, và vì vậy sẽ không được điện thoại hỗ trợ.

Phát video clip

- Để phát tập tin media được lưu trong bộ nhớ điện thoại, hoặc thẻ nhớ (nếu có), chọn **Options > Open** và chọn một trong các tùy chọn sau:
Most recent clips—để phát một trong sáu tập tin mới nhất được phát bằng **RealPlayer**.
Saved clip—để phát lại tập tin được lưu trong **Gallery**. Xem phần “**Gallery**”, trên trang 19.

- Di chuyển đến một tập tin và bấm để phát tập tin đó.

Các phím tắt khi phát ứng dụng media:

- Để tiến nhanh về trước, bấm và giữ .
- Để trở về điểm đầu của tập tin media, bấm và giữ .
- Để tắt tiếng, bấm và giữ phím âm lượng ở mặt bên của điện thoại cho đến khi chỉ báo hiển thị. Để bật âm, bấm và giữ phím âm lượng cho đến khi bạn nhìn thấy chỉ báo .

Xem nội dung trực tuyến

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu bạn sử dụng điểm truy cập Internet (IAP) làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP.

Bạn có thể cài đặt các điểm truy cập khi bạn khởi động điện thoại lần đầu tiên.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Trong ứng dụng **RealPlayer**, bạn chỉ có thể truy cập một địa chỉ URL rtsp://. Tuy nhiên, **RealPlayer** có khả năng nhận dạng liên kết http với tập tin .ram.

Để xem các nội dung trực tuyến, chọn một đường dẫn đến nội dung trực tuyến trong **Gallery**, trên

trang Web, hoặc nhận đường dẫn trong tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện. Trước khi nội dung được phát trực tuyến, điện thoại của bạn sẽ kết nối với trang này và bắt đầu tải nội dung. Nội dung sẽ không được lưu vào điện thoại.

Nhận các thông số cài đặt RealPlayer

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt **RealPlayer** trong tin nhắn văn bản đặc biệt được gửi từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang 61. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Thay đổi các cài đặt của RealPlayer

Chọn **Options > Settings** và các tùy chọn sau:

Video—để **RealPlayer** tự động phát lại các đoạn phim đã phát xong.

Connection—để chọn sử dụng một server proxy, thay đổi điểm truy cập mặc định, và cài khoảng trị số cổng được dùng khi kết nối. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Cài đặt proxy

Use proxy—Để sử dụng server proxy, chọn **Yes**.

Proxy serv. address—Nhập địa chỉ IP của server proxy.

Proxy port number—Nhập số cổng của máy chủ proxy.

 **Chú giải:** Các máy chủ proxy là các máy chủ trung gian giữa các máy chủ cung cấp nội dung media và người sử dụng chúng. Một số nhà cung cấp dịch vụ sử dụng chúng để cung cấp các tính năng bảo mật bổ sung hoặc tăng tốc độ truy cập các trang web chứa các đoạn âm thanh hoặc các video clip.

Cài đặt mạng:

Default access point—Di chuyển đến điểm truy cập bạn muốn dùng để kết nối vào Internet và bấm .

Online time—Cài thời lượng để **RealPlayer** ngắt khỏi mạng khi bạn ngưng phát đoạn media qua liên kết mạng. Chọn **User defined**, và bấm . Nhập khoảng thời gian, và chọn **OK**.

Lowest UDP port—Nhập trị số cổng thấp nhất trong khoảng trị số các cổng của server. Giá trị cực tiểu là 1024.

Highest UDP port—Nhập trị số cổng cao nhất trong khoảng trị số các cổng của server. Giá trị cực đại là 65535.

Chọn **Options > Advanced settings** để hiệu chỉnh các giá trị băng thông cho các mạng khác nhau.

Movie director



Để tạo muvee, bấm  , và chọn **Gallery > Images & video > Options > Edit > Create muvee**.

muvee là các video clip ngắn được biên tập có chứa video, hình ảnh nhạc, và văn bản. Quick muvee được tự động tạo bởi **Movie** sau khi bạn đã chọn kiểu muvee. **Movie** sử dụng văn bản và âm nhạc mặc định kết hợp với kiểu đã chọn. Trong một muvee tùy chỉnh bạn có thể chọn các video clip và các đoạn nhạc riêng, hình ảnh và kiểu thể hiện, đồng thời thêm phần thông điệp mở đầu và kết thúc. Bạn có thể gửi muvee qua MMS.

Các muvee có thể được lưu trong thư mục **Images & video** trong **Gallery** dưới dạng .3gp.

Tạo quick muvee

- Trong **Gallery**, chọn hình ảnh và video cho muvee, và chọn **Options > Edit > Create muvee**. Giao diện chọn kiểu sẽ mở ra.
- Chọn một kiểu muvee trong danh sách.
- Chọn **Options > Create muvee**.

Tạo muvee tùy chỉnh

- Trong **Gallery**, chọn hình ảnh và video cho muvee, và chọn **Options > Edit > Create muvee**. Giao diện chọn kiểu sẽ mở ra.
- Di chuyển đến kiểu bạn muốn, và bấm **Options > Customise**.
- Chọn các clip bạn muốn thêm vào muvee trong **Videos & images** hoặc **Music**.

Trong **Videos & images**, bạn có thể xác định thứ tự mà các tập tin sẽ được phát trong muvee. Để chọn tập tin bạn muốn chuyển, bấm  . Sau đó, di chuyển đến tập tin mà sau đó bạn muốn thay thế bằng tập tin được đánh dấu, và bấm  . Để thêm hoặc xóa hình ảnh và video trong muvee, chọn **Options > Add/Remove**.

Để cắt các video clip, trong **Videos & images**, chọn **Options > Select contents**. Xem phần “**Chọn nội dung**”, trên trang 40.

Trong **Message** bạn có thể thêm đoạn văn bản mở đầu và kết thúc cho muvee.

Trong **Length**, bạn có thể xác định độ dài muvee. Chọn một trong số các tùy chọn sau:
User defined—để xác định độ dài muvee
Multimedia message—để tối ưu độ dài của muvee khi gửi MMS

Same as music—để cài thời lượng muvee giống như đoạn nhạc đã chọn

Auto-select—để bao gồm tất cả các hình ảnh và các video clip đã chọn trong muvee

- 4 Chọn **Options > Create muvee**. Màn hình xem trước sẽ mở ra.
- 5 Để xem trước muvee tùy chỉnh trước khi lưu, chọn **Options > Play**.
- 6 Để lưu muvee, chọn **Options > Save**.

Để tạo một muvee tùy chỉnh mới bằng cách sử dụng cài đặt cùng loại, chọn **Options > Recreate**.

Chọn nội dung

Để chỉnh sửa các video clip đã chọn, trong thư mục **Videos & images**, chọn **Options > Select contents**.

Bạn có thể chọn những phần của video clip nào sẽ được thêm vào hoặc loại ra trong muvee.

Trên trang trình chiếu, màu xanh lá cây là phần được thêm vào, màu đỏ là phần được loại ra, và màu xám là các phần trùng lặp.

Để thêm một phần của video clip vào muvee, di chuyển đến phần đó, và chọn **Options > Include**.

Để loại bỏ một đoạn, chọn **Options > Exclude**.

Để loại bỏ một cảnh, chọn **Options > Exclude shot**.

Để ứng dụng **Movie** thêm vào hoặc loại trừ ngẫu nhiên một phần của video clip, di chuyển đến phần đó, và chọn **Options > Mark as neutral**.

Để ứng dụng **Movie** thêm vào hoặc loại trừ ngẫu nhiên các phần của video clip, chọn **Options > Mark all as neutral**.

Cài đặt

Trong giao diện chọn kiểu, chọn **Options > Customise > Settings** để chỉnh sửa các tùy chọn sau:

Memory in use—Chọn nơi lưu các muvee của bạn.

Resolution—Chọn độ phân giải cho các đoạn muvee của bạn. Chọn **Automatic** để sử dụng độ phân giải tối ưu dựa trên số lượng và độ dài của các video clip bạn đã chọn.

Default muvee name—Đặt tên mặc định cho các muvee.

Nokia N73 Music Edition

Phím truy cập nhạc (Nokia N73 Music Edition)

Mục này sẽ mô tả phím truy cập nhạc trong điện thoại Nokia N73 Music Edition.

Với phím truy cập nhạc, bạn có khả năng truy cập nhanh vào **Music player** và **Radio**.

Để mở giao diện **Now playing** trong **Music player**, bấm  .

Để mở **Radio**, bấm và giữ  . Để nghe **Radio** và lập cấu hình cài đặt, xem phần “**Visual Radio**”, trên trang 35. Để đóng **Radio**, chọn **Exit**.

 **Mẹo!** Để giữ các ứng dụng ở trạng thái hoạt động và phát nhạc ẩn, bấm  hai lần để trở về chế độ chờ.



Music player (Nokia N73 Music Edition)

Mục này sẽ mô tả máy nghe nhạc trong điện thoại Nokia N73 Music Edition của bạn.

Music player hỗ trợ các tập tin có đuôi AAC, AAC+, eAAC+, MP3, WMA, WAV, 3GP, 3GPP, MPEG, MP4, M4A, DCF, và M3U. **Music player** không nhất thiết hỗ trợ tất cả các chức năng của một định dạng tập tin hoặc các dạng khác nhau của tập tin.

Để có thêm thông tin về máy nghe nhạc, chọn **Options > Help** để có văn bản trợ giúp theo ngữ cảnh.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.



Cảnh báo: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn. Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Phát một bài hát

- 1 Bấm  .
- 2 Sử dụng phím di chuyển để di chuyển đến bài hát, nghệ sĩ, hoặc loại khác bạn muốn, và bấm phím di chuyển để mở các danh sách loại.
- 3 Bấm phím di chuyển để bắt đầu phát bài hát đã chọn. Sử dụng phím di chuyển để duyệt qua các chức năng điều khiển.

Để mở giao diện **Now playing** của máy nghe nhạc từ bất kỳ giao diện nào khác, bấm  . Để trở về giao diện trước đó, bấm lại phím này.

Để chọn thêm nhạc để nghe trong giao diện **Now playing**, chọn **Options > Go to Music menu**.

Để làm mới thư viện sau khi cập nhật lựa chọn bài hát trong điện thoại, đến **Music menu**, và chọn **Options > Refresh Music library**.

Các bài hát trong thẻ nhớ chỉ khả dụng khi đã lắp thẻ nhớ vào điện thoại.

Các chí báo

Các biểu tượng trong **Music player**:

-  —Lặp lại bài hát
-  —Lặp lại tất cả
-  —Bật trộn bài
-  —Loa tắt (được hiển thị trong pop-up âm lượng)



Các chế độ phát

Phát trộn bài

- 1 Để bật hoặc tắt chế độ trộn bài, chọn **Options > Shuffle**.
- 2 Chon **Off** hoặc **On**. Giao diện **Now playing** sẽ được hiển thị có hoặc không có biểu tượng trộn bài  ở góc trên cùng bên phải.

Phát lặp lại

- 1 Để lặp lại bài hát hiện thời, tất cả các bài hát, hoặc tắt chức năng lặp lại, chọn **Options > Repeat**.

- 2 Chọn **Off**, **All**, hoặc **Repeat song**. Giao diện **Now playing** sẽ được hiển thị có hoặc không có biểu tượng lặp lại tất cả hoặc biểu tượng lặp bài hát ở góc trên cùng bên phải.

Sửa đổi âm thanh

Bộ lọc âm thanh

Để sửa đổi âm của nhạc đang phát, trong giao diện **Now playing**, chọn **Options > Equaliser**.

Để sử dụng một trong những cài đặt bộ lọc âm được cài sẵn, chọn cài đặt này bằng phím di chuyển, và chọn **Activate**. Mỗi cài đặt gốc có những cài đặt khác nhau trên một bộ lọc âm đồ họa có dải.

Sửa đổi các cài đặt gốc của bộ lọc âm

- Để tạo một cài đặt sẵn, chọn **Options > New preset**. Để sửa đổi một cài đặt sẵn hiện có, chọn **Options > Edit**. Bạn không thể đổi cài đặt sẵn mặc định.
- Để hiệu chỉnh cài đặt tần số, di chuyển phím di chuyển sang trái hoặc sang phải để chọn tần số thấp, trung bình, hoặc, cao và di chuyển lên hoặc xuống để tăng hoặc giảm âm lượng của tần số âm thanh đã chọn.
- Để cài lại các cài đặt trở về giá trị ban đầu, chọn **Options > Reset to defaults**.

Để xóa cài đặt sẵn, di chuyển đến cài đặt đó, và bấm **C**. Bạn không thể đổi tên cài đặt sẵn mặc định.

Cài đặt âm thanh

Để chỉnh sửa cân bằng và hình ảnh âm thanh nổi hoặc tăng cường âm trầm, chọn **Options > Audio settings**.

Đến Cửa hàng nhạc

Trong Cửa hàng nhạc bạn có thể tìm kiếm, trình duyệt, và mua nhạc để tải về điện thoại. Tính đa dạng, tính khả dụng và hình thức của các dịch vụ Cửa hàng nhạc có thể khác nhau.

- Trong **Music menu**, chọn **Options > Go to Music shop**. (Tùy chọn này không khả dụng nếu địa chỉ Web của dịch vụ nhạc chưa được xác định. Xem phần “[Cài đặt cửa hàng nhạc](#)”, trên trang 43).
- Chọn từ các tùy chọn trên màn hình để tìm kiếm, trình duyệt, hoặc chọn kiểu chuông.

Cài đặt cửa hàng nhạc

Các cài đặt có thể cũng đã được định trước và không thể chỉnh sửa.

Bạn phải có kết nối Internet thích hợp để sử dụng dịch vụ này. Để biết thêm chi tiết, xem phần “[Access points](#)”, trên trang 113.

Tính khả dụng và hình thức của cài đặt Cửa hàng nhạc có thể khác nhau.

Bạn cũng phải xác định địa chỉ Web của Cửa hàng nhạc trong cài đặt cho Cửa hàng nhạc.

Để thay đổi hoặc xác định địa chỉ Web cho Cửa hàng nhạc, đến **Music menu**, và chọn **Options > Go to Music shop**. (Cửa hàng nhạc có thể cũng khả dụng dưới dạng một phím tắt riêng trong thư mục Nhà điều hành.)

Trong Cửa hàng nhạc, chọn **Options > Settings**. Xác định các tùy chọn sau:

Address:—Nhập địa chỉ Web của dịch vụ Cửa hàng nhạc vào.

User name:—Nhập tên thuê bao cho Cửa hàng nhạc. Nếu bỏ trống trường này, bạn có thể phải nhập tên thuê bao khi đăng nhập.

Password:—Nhập mật khẩu cho Cửa hàng nhạc. Nếu bỏ trống trường này, bạn có thể phải nhập mật mã khi đăng nhập.

Truyền nhạc

Bạn có thể chuyển nhạc từ một máy PC tương thích hoặc các thiết bị tương thích khác sử dụng cáp USB hoặc kết nối Bluetooth. Để có chi tiết về cách kết nối điện thoại, xem phần “[Kết nối](#)”, trên trang [93](#).

Các yêu cầu đối với máy PC:

- Hệ điều hành Windows XP (hoặc mới hơn).
- Phiên bản Windows Media Player tương thích.
- Bộ Nokia PC Suite 6.7 hoặc mới hơn. Phần mềm này có sẵn để cài đặt trên đĩa CD-ROM trong gói sản phẩm.

Cách kết nối:

- Cáp dữ liệu USB (miniUSB - USB)
- Máy PC tương thích có kết nối Bluetooth

Chuyển từ máy PC

Bạn có thể sử dụng ba cách khác nhau để chuyển các tập tin:

- Để xem điện thoại trên máy PC như một ổ cứng ngoài nơi bạn có thể chuyển các tập tin dữ liệu, thiết lập kết nối bằng cáp CA-53 hoặc kết nối Bluetooth. Nếu sử dụng cáp USB, chọn **Data transfer** làm phương thức kết nối trong điện thoại. Cách này cho bạn quyền kiểm soát đối với những gì bạn di chuyển và nơi chuyển, nhưng bạn không thể nhìn thấy tất cả thông tin của tập tin. Bạn có thể không chuyển được dữ liệu đã được bảo vệ chống lại việc sao chép. Để làm mới thư viện sau khi cập nhật lựa chọn bài hát trong điện thoại, đến **Music menu**, và chọn **Options > Refresh Music library**.

- Để đồng bộ nhạc với Windows Media Player, nối cáp USB và chọn **Media player** làm cách kết nối. Cách này là cách tốt nếu bạn muốn đồng bộ tất cả hoặc một số tập tin nhạc giữa một máy PC tương thích và điện thoại.
- Để sử dụng ứng dụng Nokia Music Manager trong bộ Nokia PC Suite, nối cáp USB, và chọn **PC Suite** làm cách kết nối.

Chuyển nhạc

Cả Windows Media Player và Nokia Music Manager trong Nokia PC Suite đã được tối ưu hóa để chuyển các tập tin nhạc. Để biết thông tin về việc chuyển nhạc bằng Nokia Music Manager, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng dành cho Nokia PC Suite trên đĩa CD đi kèm với điện thoại Nokia N73 của bạn.

Các hướng dẫn sau được soạn dựa trên thông tin về phiên bản Windows Media Player tương thích mới nhất khi viết. Để biết thêm thông tin mới nhất, xem hướng dẫn và trợ giúp thích hợp của Windows Media Player.

Đồng bộ theo cách thủ công

Sau khi kết nối điện thoại với một máy PC tương thích, Windows Media Player sẽ chọn đồng bộ theo cách thủ công nếu không đủ bộ nhớ trên điện thoại. Với đồng bộ theo cách thủ công, bạn có thể chọn

những bài hát và danh sách nhạc bạn muốn chuyển, sao chép, hoặc xóa.

Lần đầu tiên kết nối điện thoại, bạn phải nhập tên được sử dụng làm tên điện thoại của bạn trong Windows Media Player.

Để chuyển các lựa chọn thủ công:

- Sau khi điện thoại được kết nối với Windows Media Player, chọn điện thoại của bạn trong panen điều khiển, nếu có nhiều thiết bị được kết nối.
- Kéo các bài hát hoặc album vào panen danh sách để đồng bộ. Để xóa bài hát hoặc album, chọn một mục trong danh sách và bấm vào **Remove from list**.
- Kiểm tra xem panen danh sách đã có những tập tin bạn muốn đồng bộ chưa và xem có đủ bộ nhớ trên điện thoại không. Bấm **Start Sync**, để bắt đầu đồng bộ.

Đồng bộ tự động

Để thay đổi tùy chọn chuyển mặc định trong Windows Media Player, bấm vào mũi tên phía dưới **Sync**, chọn điện thoại của bạn, và bấm vào **Set up Sync..**. Xóa hoặc chọn hộp chọn **Sync this device automatically**.

Nếu bạn chọn hộp chọn **Sync this device automatically** và kết nối điện thoại với máy PC, thư viện nhạc của N73 của bạn sẽ tự động cập nhật dựa trên danh sách nhạc bạn đã chọn trong Windows Media Player.

Nếu không có danh sách nhạc nào được chọn, toàn bộ thư viện nhạc của msy PC sẽ được chọn để đồng bộ. Xin lưu ý rằng thư viện của máy PC có thể chứa nhiều tập tin hơn so với khả năng lưu trữ của bộ nhớ điện thoại và thẻ nhớ của Nokia N73. Xem mục trợ giúp của Windows Media Player để biết thêm thông tin.

Danh sách nhạc trên điện thoại của bạn sẽ không được đồng bộ với danh sách nhạc của Windows Media Player.

Danh sách nhạc

Tạo danh sách nhạc

Để tạo một danh sách các bài hát:

- Chọn **Options > Create playlist** trong giao diện **Playlists**.
- Nhập tên cho danh sách nhạc, và chọn **OK** hoặc bấm phím di chuyển.
- Mở rộng hoặc thu nhỏ tiêu đề nghệ sĩ để tìm những bài hát bạn muốn đưa vào danh sách nhạc. Bấm phím di chuyển để thêm các mục.

Để hiển thị danh sách bài hát theo tên nghệ sĩ, di chuyển phím di chuyển sang phải. Để ẩn danh sách bài hát, di chuyển phím di chuyển sang trái.

- Khi bạn đã chọn xong, chọn **Done**.

Thêm bài hát vào một danh sách nhạc

Bạn có thể thêm bài hát vào một danh sách nhạc hiện có hoặc trước tiên hãy tạo một danh sách nhạc mới.

- Trong danh sách bài hát, chọn **Options > Add songs**.
- Mở rộng hoặc thu nhỏ tiêu đề nghệ sĩ để tìm những bài hát bạn muốn đưa vào danh sách nhạc. Bấm phím di chuyển để thêm các mục. Để hiển thị danh sách bài hát theo tên nghệ sĩ, di chuyển phím di chuyển sang phải. Để ẩn danh sách bài hát, di chuyển phím di chuyển sang trái.
- Khi bạn đã chọn xong, chọn **Done**.

 **Mẹo!** Thật chí bạn có thể thêm bài hát vào danh sách nhạc đang được phát.

Để tìm kiếm một bài hát hãy nhập các chữ cái vào bằng bàn phím.

Sắp xếp lại các bài hát

- Chọn **Options > Reorder list** trong giao diện danh sách nhạc.
- Bài hát đã chọn sẵn sàng để dời. Di chuyển lên hoặc xuống để dời bài hát hoặc để bài hát ở đó.

- 3 Chọn **Drop**.
 - 4 Di chuyển đến bài hát bạn muốn dời đi.
 - 5 Chọn **Grab**.
 - 6 Di chuyển đến vị trí mới.
 - 7 Chọn **Drop**.
 - 8 Khi bạn đã sắp xếp lại danh sách, chọn **Done**.
-  **Mẹo!** Để giữ và thả, bạn cũng có thể bấm phím di chuyển.

Xóa bài hát khỏi một danh sách nhạc.

Bạn cũng có thể xóa các bài hát khỏi một danh sách nhạc.

- 1 Di chuyển đến một bài hát trong một danh sách nhạc.
- 2 Chọn **Options > Remove from playlist**.
- 3 Chọn **Yes** để xác nhận. Xóa một bài hát sẽ không xóa bài hát này trong điện thoại; bài hát chỉ bị xóa khỏi danh sách nhạc.

Thêm mục từ các cửa sổ vào một danh sách nhạc.

Bạn có thể thêm bài hát, nghệ sĩ, thể loại, và nhạc sĩ từ những cửa sổ khác nhau của **Music menu** vào danh sách nhạc hiện có hoặc vào danh sách nhạc mới.

- 1 Trong một cửa sổ đang mở từ **Music menu**, chọn một mục.

- 2 Chọn **Options > Add to a playlist > Saved playlist** hoặc **New playlist**.
 - 3 Nếu bạn chọn **New playlist**, nhập tên cho danh sách nhạc, và chọn **OK**. Nếu bạn chọn **Saved playlist**, chọn danh sách nhạc và chọn **OK**.
-  **Mẹo!** Trong một số giao diện bạn có thể chọn nhiều bài hát để thêm bằng cách chọn **Options > Mark/Unmark > Mark**.
-  **Mẹo!** Bạn có thể thêm một bài hát đang nghe vào một danh sách nhạc.

Chi tiết danh sách nhạc

Trong giao diện **Playlists**, Chọn **Options > Playlist details**. Những thông tin sau sẽ hiển thị:

Name—Tên danh sách nhạc

Songs—Số bài hát hiện có trong danh sách nhạc

Date—Ngày sửa đổi danh sách nhạc gần đây nhất

Time—Thời gian danh sách nhạc được sửa đổi gần đây nhất

Các danh sách nhạc tự động

Các danh sách nhạc sau đây sẽ tự động xuất hiện trong giao diện danh sách nhạc:

Most played tracks—Bao gồm 40 bài hát được phát nhiều nhất được liệt kê từ những bài hát được phát gần đây

Recent tracks—Bao gồm 40 bài hát được phát gần đây nhất theo thứ tự ngược, kết thúc bằng bài hát được phát gần đây nhất.

Recent additions—Bao gồm những bài hát mới được thêm vào trong vòng một tuần trước.

Các tùy chọn khả dụng

Có các mục sau như các tùy chọn trong những giao diện khác nhau của máy nghe nhạc.

Go to Now playing—Mở một giao diện hiển thị thông tin về bài hát đang được phát

Go to Music shop—Mở kết nối không dây với một cửa hàng Web, trong đó bạn có thể tìm kiếm, trình duyệt, và mua nhạc

Refresh Music library—Cập nhật danh sách thư viện bằng cách quét bộ nhớ trên máy và thẻ nhớ của điện thoại để tìm các bài hát mới và xóa những liên kết bị lỗi

Song details/Playlist details/Music library details—Hiển thị thông tin của mục đã chọn

Help—Mở ứng dụng trợ giúp

Create playlist—Mở giao diện để tạo một danh sách nhạc mới

Send—Cho phép gửi mục đã chọn đến một thiết bị tương thích khác

Delete—Xóa mục đã chọn sau khi xác nhận. Bài hát sẽ bị xóa vĩnh viễn khỏi bộ nhớ trên máy và thẻ nhớ của điện thoại.

Rename—Đổi tên mục đã chọn

Add to a playlist—Thêm mục đã chọn vào một danh sách nhạc hiện có hoặc danh sách nhạc mới

Album art—Mở giao diện hiển thị hình ảnh album hiện được gắn với album hoặc bài hát. Bạn có thể thay đổi hình ảnh album sử dụng hình ảnh trên điện thoại.

Mark/Unmark—Cho phép chọn nhiều mục để hoạt động

Set as ringing tone—Chọn bài hát đã chọn làm kiểu chuông cho cấu hình hiện hành. Để có hiệu suất tối ưu, lưu các tập tin nhạc chuông trong bộ nhớ trên máy.

Reorder list—Sắp xếp lại các bài hát của một danh sách nhạc

Những tùy chọn chỉ có trong giao diện Đang phát

Go to Music menu—Mở giao diện **Music menu**

Shuffle—Bật hoặc tắt chế độ trộn bài. Trong chế độ trộn bài, các bài hát được phát theo thứ tự ngẫu nhiên.

Repeat—Lặp lại một bài hát hoặc tất cả các bài hát trong danh sách đang được phát.

Equaliser—Mở giao diện nơi bạn có thể hiệu chỉnh cân bằng tần số âm thanh.

Start visualisation—Chọn hình ảnh album hoặc hoạt hình sẽ hiển thị khi một bài nhạc được phát. Chọn **Close** để trở về giao diện **Now playing**.

Audio settings—Mở giao diện để thay đổi cân bằng âm thanh, hình ảnh âm thanh nổi, và phản hồi bass.

Đổi tên các mục

- 1 Chọn một **Artist**, **Album**, **Genre**, hoặc **Composer** từ danh sách.
- 2 Chọn **Options > Rename**.
- 3 Nhập tên mới vào, và chọn **OK**. Tất cả các bài hát của nhạc sĩ, album, thể loại, hoặc nghệ sĩ được chọn sẽ được cập nhật.

Xem và chỉnh sửa chi tiết bài hát

Trong một giao diện bài hát, Chọn **Options > Song details**. Những thông tin sau sẽ hiển thị và có thể chỉnh sửa:

Song name—Tên bài hát

Artist—Tên nghệ sĩ

Album—Tên album của bài hát này

Track number—Vị trí của bài hát trong album của nó

Year—Năm phát hành album

Genre—Thể loại của bài hát này

Composer—Tên nhạc sĩ của bài hát

Comment—Tất cả những thông tin khác về bài hát này

Để xem những chi tiết như **Format**, **Duration**, và **Copyright**, chọn **Options > View file details** trong giao diện **Song details**.

Chi tiết về thư viện

Trong **Music menu** chọn **Options > Music library details**. Những thông tin sau sẽ hiển thị:

Songs—Số bài hát hiện có trong thư viện

Duration—Thời lượng của tất cả các bài hát hiện có
Used—Tổng kích cỡ của tất cả các tập tin trong thư viện nhạc

Refreshed—Ngày sửa đổi thư viện gần đây nhất

Chọn một bài hát làm kiểu chuông

- 1 Chọn một bài hát.
- 2 Chọn **Options > Set as ringing tone**. Bài hát đã chọn đã được đặt làm kiểu chuông cho cấu hình hiện hành.

Đổi hình ảnh album

- 1 Chọn một bài hát.
- 2 Chọn **Options > Album art**.
- 3 Chọn **Options > Change**.
- 4 Di chuyển qua các hình ảnh trong bộ sưu tập của điện thoại, và chọn **Select**:
- 5 Để khôi phục hình ảnh album ban đầu, chọn **Restore original**.

Thông tin về âm thanh được mã hóa

Những ứng dụng như Windows Media Player và Nokia Audio Manager mã hóa các tập tin âm thanh bằng các codec như WMA hoặc MP3 để tiết kiệm bộ nhớ.

Việc mã hóa được thực hiện bằng cách xóa những phần tín hiệu âm thanh không thể nghe thấy hoặc khó có thể nghe được bằng tai thường.

Chất lượng âm thanh của tập tin được xuất ra không thể tốt như tập tin gốc, bất kể bộ mã hóa hay chất lượng của codec.

Những codec cơ bản được hỗ trợ bởi điện thoại này là AAC, WMA, và MP3. Tất cả các codec này có các biến thể khác nhau.

Bitrate

Khi mã hóa âm thanh, chất lượng âm thanh được tạo ra phụ thuộc vào tỷ lệ lấy mẫu và tốc độ bit được sử dụng khi mã hóa. Tỷ lệ lấy mẫu được tính theo nghìn mẫu trên mỗi giây (kHz), và để có chất lượng như đĩa CD tỷ lệ lấy mẫu được cố định ở mức 44,1 kHz.

Tốc độ Bit được tính theo kilobit trên mỗi giây (Kbps). Bitrate càng cao, chất lượng âm thanh càng cao.

Mức chất lượng yêu cầu tùy thuộc vào nhu cầu của bạn, tai nghe được sử dụng, và nhiều môi trường xung quanh. Với các tập tin MP3 bitrate trong khoảng 128 đến 192 Kbps thường đủ cao để nghe nhạc pop bằng điện thoại. WMA hoặc AAC thường có kết quả tương tự như MP3 với bitrate thấp hơn một bước (96-160 Kbps). Các dạng AAC khác nhau, như là AAC+ và AAC+ nâng cao (eAAC+) cho âm thanh có chất lượng như đĩa CD ở chỉ với mức bitrate thấp 48 Kbps. Nhạc cổ điển và nhạc có các sắc thái đòi hỏi bitrate cao hơn nhạc pop cơ bản.

Với bài nói hoặc các nguồn khác mà yêu cầu về chất lượng âm thanh không quan trọng bằng việc tiết kiệm bộ nhớ, bạn có thể sử dụng bitrate trong khoảng 8 đến 64 Kbps. WMA hoặc AAC ở các mức bitrate thấp thường cho kết quả tốt hơn MP3.

Bitrate thay đổi

Điện thoại của bạn còn hỗ trợ cá bitrate thay đổi (VBR). Bitrate thay đổi có nghĩa là tốc độ bit của việc mã hóa thay đổi theo tính phức tạp của nội dung được mã hóa. Khi sử dụng VBR, việc mã hóa được tối ưu hóa để giữ chất lượng âm thanh ổn định trên toàn bộ bài hát, thay vì mất chất lượng của những phần nhạc phức tạp như với việc mã hóa sử dụng bitrate không thay đổi (CBR).

Quản lý thời gian



Đồng hồ

Bấm và chọn **Applications > Clock**. Để cài âm báo mới, chọn **Options > Set alarm**. Khi báo thức được kích hoạt, sẽ hiển thị.

Để tắt báo thức, chọn **Stop**, hoặc để tạm ngừng báo thức trong 5 phút, chọn **Snooze**.

Nếu đến giờ báo thức trong khi tắt điện thoại, điện thoại sẽ tự bật và phát âm báo. Nếu bạn chọn **Stop**, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn khởi động để gọi điện thoại không. Chọn **No** để tắt điện thoại hoặc **Yes** để gọi và nhận cuộc gọi. Không được chọn **Yes** khi điện thoại có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để hủy báo thức, chọn **Applications > Clock > Options > Remove alarm**.

Cài đặt đồng hồ

Để thay đổi cài đặt đồng hồ, bấm , và chọn **Applications > Clock > Options > Settings**.

Để thay đổi thời gian và ngày tháng, chọn **Time** hoặc **Date**.

Để thay đổi dạng hiển thị đồng hồ ở chế độ chờ, chọn **Clock type > Analogue** hoặc **Digital**.

Để cho phép mạng điện thoại di động cập nhật thông tin về thời gian, ngày tháng, và múi giờ cho điện thoại của bạn (dịch vụ mạng), chọn **Network operator time > Auto-update**.

Để thay đổi âm báo, chọn **Clock alarm tone**.

Đồng hồ thế giới

Để mở giao diện đồng hồ thế giới, mở **Clock**, và bấm . Trên màn hình đồng hồ thế giới, bạn có thể xem giờ ở những thành phố khác nhau.

Để thêm thành phố vào danh sách, chọn **Options > Add city**. Bạn có thể thêm tối đa 15 thành phố vào danh sách.

Để cài thành phố hiện bạn đang ở, di chuyển đến một thành phố và chọn **Options > My current city**. Thành phố sẽ được hiển thị trong cửa sổ đồng hồ chính và thời gian trong điện thoại của bạn sẽ thay đổi tương ứng với thành phố được chọn. Kiểm tra xem thời gian có chính xác và khớp với múi giờ của bạn hay không.



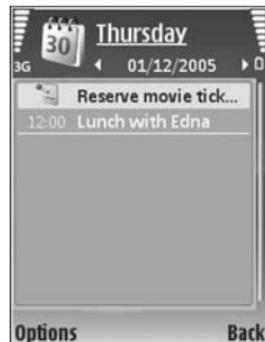
Lịch

Sử dụng **Calendar** để nhắc bạn về những cuộc họp và ngày kỷ niệm, và theo dõi công việc và các ghi chú khác.

Tạo các mục nhập lịch

- 💡 Phím tắt:** Trong giao diện ngày, tuần, hoặc tháng, bấm phím bất kỳ (**1 — 0**). Mục cuộc hẹn sẽ được mở và các ký tự mà bạn đã nhập vào sẽ được thêm vào trường **Subject**.
Trong giao diện công việc, bấm phím bất kỳ sẽ mở một mục nhập ghi chú công việc.

- 1 Bấm , và chọn **Calendar > Options > New entry** và một trong các tùy chọn sau:
Meeting — để nhắc bạn ngày và giờ cụ thể của cuộc hẹn
Memo — Để viết một mục chung trong ngày
Anniversary — để nhắc bạn về ngày sinh nhật và các ngày đặc



biệt (các mục nhập được lặp lại hàng năm)
To-do—để nhắc bạn về một công việc cần làm trước một ngày cụ thể.

- 2 Diền thông tin vào các trường cho sẵn. Để cài giờ báo thức, chọn **Alarm > On**, và nhập **Alarm time** và **Alarm date**.
Để thêm mô tả cho một cuộc hẹn, chọn **Options > Add description**.
- 3 Để lưu các mục lịch, chọn **Done**.

Khi lịch phát âm báo cho một ghi chú, chọn **Silence** để tắt âm báo lịch. Văn bản nhắc nhở vẫn còn ở trên màn hình. Để tắt âm báo lịch, chọn **Stop**. Để cài phát lại âm báo, chọn **Snooze**.

- 💡 Mẹo!** Bạn có thể đồng bộ hóa lịch với một máy PC tương thích sử dụng bộ Nokia PC Suite.
Khi tạo một mục nhập lịch, cài tùy chọn **Synchronisation** bạn muốn.

Xem lịch

- 💡 Mẹo!** Chọn **Options > Settings** để thay đổi ngày đầu tuần hoặc giao diện để hiển thị khi bạn mở lịch.

Trong chế độ xem tháng, những ngày có ghi chú lịch sẽ được đánh dấu bằng một hình tam giác nhỏ ở góc phải bên dưới. Trong chế độ xem tuần, các memo

và ngày kỷ niệm được đặt trước 8 giờ. Để chuyển xem giữa tháng, tuần, ngày và công việc, bấm *.

Để đến một ngày cụ thể, chọn **Options > Go to date**. Để trở về ngày hôm nay, bấm #.

Để gửi ghi chú lịch tới một thiết bị tương thích, chọn **Options > Send**.

Để in các mục nhập lịch trên một máy in tương thích có tính năng Câu Hình In Cơ Bản (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options > Print**.

Quản lý các mục nhập lịch của bạn

Việc xóa các mục cũ trong **Calendar** sẽ tiết kiệm bộ nhớ của điện thoại.

Để xóa nhiều sự kiện cùng lúc, mở giao diện tháng, và chọn, **Options > Delete entry > Before date** hoặc **All entries**.

Để đánh dấu một công việc đã hoàn tất, di chuyển đến công việc đó trong giao diện công việc, và chọn **Options > Mark as done**.

Cài đặt lịch

Để chỉnh sửa **Calendar alarm tone**, **Default view**, **Week starts on**, và **Week view title**, chọn **Options > Settings**.



Nhắn tin

Bấm , và chọn **Messag..** (dịch vụ mạng). Trong **Messaging** bạn có thể tạo, gửi, nhận, xem, soạn thảo, và sắp xếp các tin nhắn văn bản, các tin nhắn đa phương tiện, e-mail, và các tin nhắn văn bản đặc biệt chứa dữ liệu. Bạn cũng có thể nhận các tin nhắn dịch vụ Web, các tin nhắn quảng bá, và gửi các lệnh dịch vụ. Các tin nhắn và dữ liệu nhận được qua kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại được lưu trong thư mục **Inbox** trong **Messaging**.

Để tạo một tin nhắn mới, chọn **New message**.

Chỉ những thiết bị có các tính năng tương thích mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn đa phương tiện. Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Messaging chứa các thư mục sau:

Inbox—Chứa các tin nhắn đã nhận, ngoại trừ e-mail và các tin nhắn quảng bá. Các tin e-mail được lưu trong **Mailbox**.

My folders—Để sắp xếp tin nhắn của bạn vào trong các thư mục.



Mẹo! Bạn có thể sử dụng các văn bản trong thư mục mẫu để tránh phải viết lại những tin nhắn thường gửi.



Mailbox—Kết nối vào hộp thư từ xa của bạn để tải về các tin e-mail mới hoặc xem các tin e-mail đã được tải về từ trước ở chế độ không trực tuyến. Xem phần “**E-mail**”, trên trang 66.



Drafts—Các tin nhắn nháp chưa gửi sẽ được lưu ở đây.



Sent—Chứa 20 tin nhắn mới nhất đã gửi, ngoại trừ các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Để thay đổi số lượng tin nhắn sẽ được lưu, xem phần “**Other settings**”, trên trang 69.



Outbox—Tạm thời lưu các tin nhắn đang chờ để gửi.



Ví dụ: Các tin nhắn sẽ được lưu trong hộp thư di, ví dụ như trong trường hợp điện thoại bạn đang ở ngoài vùng phủ sóng. Bạn cũng có thể chỉ định thời điểm tin nhắn e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối kế tiếp với hộp thư từ xa.



Reports—Bạn có thể yêu cầu mạng gửi báo cáo về những tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa

phương tiện mà bạn đã gửi (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

 **Mẹo!** Khi bạn đã mở bất kỳ thư mục mặc định nào, để chuyển đổi giữa các thư mục, bấm  hoặc .

Để nhập và gửi các yêu cầu dịch vụ (còn gọi là các lệnh USSD) đến nhà cung cấp dịch vụ, ví dụ như những lệnh kích hoạt các dịch vụ mạng, chọn **Options > Service command** trong màn hình chính của phần **Messaging**.

Cell broadcast (dịch vụ mạng) cho phép bạn nhận tin nhắn về nhiều chủ đề khác nhau, ví dụ như thông tin thời tiết hoặc tình trạng giao thông, do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Để biết về các chủ đề có sẵn và các chủ đề thích hợp, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. Trong cửa sổ chính của **Messaging**, chọn **Options > Cell broadcast**. Trong cửa sổ chính, bạn có thể thấy thông tin trạng thái của chủ đề, mã số của chủ đề, tên chủ đề và chủ đề có được đánh dấu () cho biết có nhận những tin nhắn tiếp theo hay không.

Bạn không thể nhận các tin nhắn quảng bá qua mạng UMTS. Kết nối dữ liệu gói có thể ngăn không cho nhận tin nhắn quảng bá.

Viết văn bản

ABC, **abc**, và **Abc** cho biết kiểu nhập ký tự đã chọn. **123** cho biết kiểu nhập số.

Kiểu nhập văn bản truyền thống

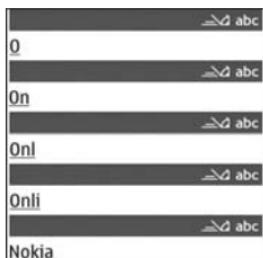
 sẽ hiển thị khi bạn viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống.

- Bấm một phím số (**1** — **9**) nhiều lần cho đến khi ký tự bạn cần dùng xuất hiện. Điện thoại sẽ cung cấp nhiều ký tự ứng với một phím số hơn số ký tự được in trên mặt của phím số đó.
- Nếu chữ kế tiếp nằm cùng phím với chữ hiện tại, hãy đợi đến khi con trỏ hiển thị (hoặc bấm  để kết thúc khoảng thời gian nghỉ rồi nhập chữ đó vào).
- Để thêm khoảng trắng, bấm **0**. Để di chuyển con trỏ đến dòng kế tiếp, bấm **0** ba lần.

Kiểu nhập văn bản tiên đoán

Bạn chỉ cần nhấn mỗi phím một lần để nhập bất kỳ ký tự nào. Kiểu nhập tiên đoán dựa trên một từ điển cài sẵn trong điện thoại mà bạn có thể thêm vào từ mới. Chỉ báo  sẽ hiển thị khi bạn viết văn bản sử dụng kiểu nhập tiên đoán.

- Để kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm , và chọn **Predictive text on**. Thao tác này sẽ kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên điện thoại.
- Để viết từ bạn muốn, bấm các phím **2** — **9**. Chỉ bấm mỗi phím một lần để nhập một chữ cái. Ví dụ như để viết từ "Nokia" bằng từ điển tiếng Anh đã chọn, bấm **6** để nhập N, **6** để nhập o, **5** để nhập k, **4** để nhập i, và **2** để nhập a.



- Tùy định viết sẽ thay đổi sau mỗi lần bấm phím.
- Khi bạn viết đúng một từ, bấm  để xác nhận lại, hoặc bấm **0** để thêm khoảng trắng. Nếu viết từ sai, bấm ***** nhiều lần để tìm lần lượt các từ phù hợp có thể có trong từ điển, hoặc bấm , và chọn **Predictive text > Matches**.

Nếu dấu ? hiển thị sau từ đó, từ bạn định viết không có trong từ điển. Để thêm từ vào từ điển, chọn **Spell**, nhập từ mới vào bằng kiểu nhập văn bản truyền thống, và chọn **OK**. Từ này sẽ được thêm vào từ điển. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

- Bắt đầu viết từ kế tiếp.

Viết từ ghép

Soạn phần đầu của từ ghép, bấm  để xác nhận phần này. Soạn phần sau của từ ghép. Để hoàn tất việc soạn từ ghép, bấm **0** để thêm khoảng trắng.

Tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán

Để tắt kiểu nhập tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên máy, bấm , và chọn **Predictive text > Off**.

 **Mẹo!** Để bật hoặc tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm nhanh **#** hai lần.

Mẹo khi nhập văn bản

Để chèn số khi ở chế độ nhập kiểu chữ, bấm và giữ phím số bạn cần.

Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ **#**.

Để chuyển giữa các kiểu chữ khác nhau, bấm **#**.

- Để xóa một ký tự, bấm **C**. Để xóa nhiều ký tự, bấm và giữ **C**.

Các dấu chấm câu phổ biến nhất hiện đang có trong **1**.

Để mở danh sách các ký tự đặc biệt, bấm và giữ *****.

Mèo! Để chèn một vài ký tự đặc biệt cùng lúc, bấm **5** khi bạn chọn mỗi ký tự.

Soạn và gửi tin nhắn

Trước khi bạn có thể soạn tin nhắn đa phương tiện hoặc viết e-mail, bạn phải có thông số cài đặt kết nối phù hợp. Xem phần “[Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail](#)” trên trang 60 và phần “[E-mail](#)” trên trang 66.

Mạng vô tuyến có thể giới hạn kích thước của tin nhắn MMS. Nếu hình được chèn vào vượt quá giới hạn này, điện thoại có thể giảm hình này xuống nhỏ hơn để có thể gửi qua tin nhắn MMS.

- Chọn **New message** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Text message—để gửi tin nhắn văn bản

Multimedia message—để gửi tin nhắn đa phương tiện (MMS)

E-mail—để gửi e-mail

Nếu bạn chưa thiết lập tài khoản e-mail, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start**.

- Trong trường **To**, bấm

để chọn người hoặc nhóm người nhận trong danh bạ, hoặc nhập số điện thoại hoặc địa chỉ e-mail của người nhận vào. Để thêm dấu chấm phẩy (;) phân cách những người nhận, bấm *****. Bạn cũng có thể sao chép và dán số điện thoại hoặc địa chỉ trong clipboard.



- Trong trường **Subject**, nhập chủ đề cho một tin nhắn đa phương tiện hoặc e-mail. Để thay đổi các trường bạn nhìn thấy, chọn **Options > Address fields**.

- Trong trường tin nhắn, viết tin nhắn. Để chèn một mẫu, chọn **Options > Insert** hoặc **Insert object > Template**.

- Để thêm một đối tượng media vào tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Insert object > Image, Sound clip, hoặc Video clip**.

- Khi âm thanh được thêm vào, biểu tượng  sẽ hiển thị.
- Bạn không thể gửi các đoạn phim được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện. Để thay đổi định dạng của các phim đã lưu, xem phần "[Cài đặt phim](#)" trên trang [17](#).
- 6 Để chụp hình hoặc ghi đoạn âm thanh hoặc phim mới cho một tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Insert new > Image, Sound clip**, hoặc **Video clip**. Để chèn một trang mới vào tin nhắn, chọn **Slide**. Để xem trước tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Preview**.
 - 7 Để chèn tập tin đính kèm vào e-mail, chọn **Options > Insert > Image, Sound clip, Video clip**, hoặc **Note**. Các phần đính kèm với e-mail được chỉ báo bởi biểu tượng .
-  **Mẹo!** Để đính kèm các loại tập tin khác, mở ứng dụng tương ứng, và chọn **Options > Send > Via e-mail**, nếu có.
- 8 Để gửi tin nhắn, chọn **Options > Send**, hoặc bấm .

 **Lưu ý:** Điện thoại có thể cho biết tin nhắn của bạn đã được gửi đến số trung tâm nhắn tin được lập trình trong điện thoại. Điện thoại có thể không cho biết tin nhắn có nhận được tại đích định gửi đến hay không. Để biết thêm chi tiết về dịch vụ tin nhắn, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Điện thoại hỗ trợ việc gửi tin nhắn văn bản không quá giới hạn ký tự của một tin nhắn đơn. Các tin nhắn dài hơn được gửi dưới dạng một chuỗi gồm hai hoặc nhiều tin nhắn. Nhà cung cấp dịch vụ có thể tính phí. Các ký tự sử dụng dấu trọng âm hoặc các ký hiệu khác và các ký tự trong một số tùy chọn ngôn ngữ như Tiếng Hoa, sẽ vượt quá số ký tự tối đa có thể được gửi trong một tin nhắn đơn. Trên thanh di chuyển, bạn có thể nhìn thấy chỉ báo độ dài tin nhắn đếm lùi. Ví dụ, 10(2) nghĩa là bạn vẫn có thể thêm 10 ký tự cho văn bản để gửi đi thành hai tin nhắn.

Các tin nhắn e-mail sẽ được tự động lưu tạm trong **Outbox** trước khi gửi. Nếu không gửi thành công, e-mail này sẽ được giữ trong **Outbox**, đầu tiên với tình trạng **Queued**, và sau đó nếu không gửi thành công vài lần, e-mail này sẽ có tình trạng **Failed**.

 **Mẹo!** Bạn có thể kết hợp các hình ảnh, video, âm thanh, và văn bản vào một diễn thuyết và gửi diễn thuyết này trong một tin nhắn đa phương tiện. Bắt đầu tạo một tin nhắn đa phương tiện, và chọn **Options > Create presentation**. Tùy chọn này chỉ được hiển thị nếu **MMS creation mode** được cài là **Guided** hoặc **Free**. Xem phần “[Tin nhắn đa phương tiện](#)”, trên trang 65.

Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail

Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang 61.

Nhập các thông số cài đặt MMS bằng tay

- 1 Chọn  , và chọn **Tools > Settings > Connection > Access points**, và xác định các thông số cài đặt dùng cho điểm truy cập tin nhắn đa phương tiện. Xem phần “[Connection](#)”, trên trang 112.
- 2 Bấm  , và chọn **Messag. > Options > Settings > Multimedia message > Access point in use** và điểm truy cập bạn đã tạo làm kết

nối ưu tiên. Xem thêm phần “[Tin nhắn đa phương tiện](#)”, trên trang 65.

Để có thể gửi, nhận, tải về, trả lời, và gửi chuyển tiếp e-mail, bạn cần phải thực hiện các thao tác sau:

- Cấu hình đúng Điểm Truy cập Internet (IAP). Xem phần “[Connection](#)”, trên trang 112.
- Xác định đúng thông số cài đặt e-mail. Nếu bạn chọn **Mailbox** trong màn hình chính của **Messaging** và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start**. Xem thêm phần “[E-mail](#)”, trên trang 66.

Bạn cần phải có tài khoản e-mail riêng. Thực hiện theo các hướng dẫn nhận được từ hộp thư từ xa và từ nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP).



Hộp thư đến—nhận tin nhắn

Trong thư mục **Inbox**, biểu tượng  cho biết tin nhắn văn bản chưa đọc, biểu tượng  cho biết tin nhắn đa phương tiện chưa đọc, biểu tượng  cho biết đã nhận dữ liệu qua cổng hồng ngoại, và biểu tượng  cho biết đã nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth.

Khi nhận tin nhắn, biểu tượng và thông báo **1 new message** sẽ được hiển thị khi ở chế độ chờ.

Để mở tin nhắn, chọn **Show**. Để mở tin nhắn trong **Inbox**, di chuyển đến tin nhắn này, và bấm .

Để trả lời một tin nhắn đã nhận, chọn **Options > Reply**

Để in một tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện trên một máy in có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options > Print**.

Tin nhắn đa phương tiện

Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các chủ đề tin nhắn đa phương tiện có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC.

Bạn có thể nhận được một thông báo rằng tin nhắn đa phương tiện đang chờ ở trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Để kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về điện thoại, chọn **Options > Retrieve**.

Khi mở một tin nhắn đa phương tiện () , bạn có thể thấy một hình ảnh và một tin nhắn. Chỉ báo sẽ hiển thị nếu có âm thanh, hoặc nếu có video.

Để phát âm thanh hoặc video, chọn biểu tượng được hiển thị.

Để xem các đối tượng media có trong tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Objects**.

Nếu tin nhắn có một diễn thuyết đa phương tiện, biểu tượng sẽ được hiển thị. Để phát diễn thuyết này, chọn biểu tượng được hiển thị.

Dữ liệu và các thông số cài đặt

Điện thoại có thể nhận nhiều loại tin nhắn có chứa dữ liệu ():

Configuration message—Bạn có thể nhận cài đặt từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc phòng quản lý thông tin của công ty dưới dạng một tin nhắn cấu hình. Để lưu các thông số cài đặt này, chọn **Options > Save all**.

Business card—Để lưu thông tin này vào **Contacts**, chọn **Options > Save business card**. Các chứng chỉ hoặc tập tin âm thanh được đính kèm với danh thiếp sẽ không được lưu.

Ringing tone—Để lưu kiểu chuông, chọn **Options > Save**.

Operat. logo—Để hiển thị logo mạng ở chế độ chờ thay cho tên nhận dạng nhà điều hành, chọn **Options > Save**.

Calen. entry—Để lưu lời mời, chọn **Options > Save to Calendar**.

Web message—Để lưu chỉ mục vào danh sách chỉ mục trong trình duyệt Web, chọn **Options > Add to bookmarks**. Nếu tin nhắn có chứa cả thông số cài đặt điểm truy cập lẫn các chỉ mục, để lưu lại các dữ liệu này, chọn **Options > Save all**.

E-mail notif.—Thông báo cho bạn biết số e-mail mới trong hộp thư từ xa của bạn. Phần thông báo mở rộng có thể liệt kê nhiều thông tin chi tiết hơn.

Tin nhắn dịch vụ Web

Những tin nhắn dịch vụ Web () là những thông báo vắn tắt (ví dụ như tiêu đề tin tức) và có thể chứa tin nhắn văn bản hoặc liên kết. Để biết tính khả dụng và thuê bao, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.



Hộp thư

Nếu bạn chọn **Mailbox** và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start**. Xem thêm phần “**E-mail**”, trên trang **66**.

Khi bạn tạo một hộp thư mới, tên bạn đặt cho hộp thư sẽ thay thế cho tên **Mailbox** trong cửa sổ chính của phần **Messaging**. Bạn có thể tạo tối đa sáu hộp thư.

Mở hộp thư

Khi bạn mở hộp thư, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn kết nối với hộp thư không (**Connect to mailbox?**).

Để kết nối với hộp thư của bạn và tải về các phần tiêu đề e-mail hoặc tin nhắn mới, chọn **Yes**. Khi bạn xem tin nhắn trực tuyến, bạn phải kết nối thường trực tới một hộp thư từ xa bằng cách sử dụng một kết nối truyền dữ liệu. Xem thêm phần “**Connection**”, trên trang **112**.

Để xem các tin nhắn e-mail đã tải về trước đó ở trạng thái không trực tuyến, chọn **No**. Khi bạn xem tin nhắn e-mail ở trạng thái không trực tuyến, điện thoại sẽ không kết nối với hộp thư từ xa.

Tải tin nhắn e-mail

Nếu bạn đang ở trạng thái không trực tuyến, chọn **Options > Connect** để bắt đầu kết nối với hộp thư từ xa.



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn.

Các tin nhắn e-mail có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC của bạn.

- 1 Khi bạn đang kết nối vào hộp thư từ xa, chọn **Options > Retrieve e-mail** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- New**—để tải tất cả các tin e-mail mới
Selected—để chỉ tải về những e-mail được đánh dấu
All—để tải về tất cả các tin nhắn từ hộp thư
Để ngừng việc tải tin nhắn về, chọn **Cancel**.
- 2 Sau khi bạn tải các tin e-mail về, bạn vẫn có thể xem chúng trực tuyến, hoặc chọn **Options > Disconnect** để ngắt kết nối và xem các tin e-mail không trực tuyến.
Các chỉ báo tình trạng e-mail:
 E-mail mới (trạng thái không trực tuyến hoặc trực tuyến) chưa được tải về điện thoại.
 E-mail đã được tải về điện thoại.
 E-mail đã đọc, và chưa được tải về điện thoại.
 Tin nhắn e-mail đã đọc.
 E-mail có tiêu đề đã đọc và nội dung tin nhắn đã bị xóa khỏi điện thoại.
- 3 Để mở một tin e-mail, bấm . Nếu tin nhắn e-mail chưa được tải về và bạn chưa kết nối vào mạng, bạn sẽ được hỏi xem bạn có muốn tải tin nhắn này về từ hộp thư không.
- Để xem những tập tin đính kèm với e-mail, mở tin nhắn được đánh dấu có phần đính kèm , và chọn **Options > Attachments**. Nếu chỉ báo đính kèm bị mờ, có nghĩa là nội dung đó chưa được tải về điện thoại; chọn **Options > Retrieve**.

Để in một tin e-mail trên một máy in có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options > Print**.

Tự động tải tin nhắn e-mail

Để tự động tải các tin nhắn, chọn **Options > E-mail settings > Automatic retrieval > Header retrieval > Always enabled** hoặc **Only in home net**, và chọn thời điểm và chu kỳ tải tin nhắn.

Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

Xóa các tin nhắn e-mail

Để xóa nội dung của e-mail khỏi điện thoại nhưng vẫn giữ lại nội dung đó trên hộp thư từ xa, chọn **Options > Delete**. Trong menu **Delete msg. from:**, chọn **Phone only**.

Điện thoại sẽ sao lại tiêu đề e-mail trong hộp thư từ xa. Mặc dù bạn đã xóa nội dung tin nhắn, tiêu đề e-mail vẫn còn lưu trong điện thoại. Nếu bạn muốn xóa cả tiêu đề, bạn phải xóa tin nhắn e-mail từ hộp thư từ xa, sau đó kết nối điện thoại với hộp thư từ xa lại để cập nhật tình trạng.

Để xóa e-mail cá trên điện thoại lẫn trên hộp thư từ xa, chọn **Options > Delete**. Trong **Delete msg. from:**, chọn **Phone and server**.

Nếu bạn chưa kết nối vào mạng, e-mail trong điện thoại sẽ bị xóa trước. Trong lần kết nối kế tiếp vào hộp thư từ xa, e-mail sẽ được xóa tự động khỏi hộp thư từ xa. Nếu bạn đang sử dụng giao thức POP3, tin nhắn được đánh dấu xóa sẽ bị xóa chỉ sau khi bạn đã ngắt kết nối với hộp thư từ xa.

Để hủy thao tác xóa e-mail khỏi điện thoại lẫn trên server, di chuyển đến e-mail đã bị đánh dấu xóa khi đang ở phiên kết nối kế tiếp () , và chọn **Options > Restore**.

Ngắt kết nối khỏi hộp thư

Khi bạn đang ở trạng thái trực tuyến, để ngắt kết nối dữ liệu với hộp thư từ xa, chọn **Options > Disconnect**.

Xem tin nhắn trên thẻ SIM

Trước khi bạn có thể xem các tin nhắn trong thẻ SIM, bạn cần phải sao chép các tin nhắn này vào một thư mục trong điện thoại.

- Trong cửa sổ chính của phần **Messaging**, chọn **Options > SIM messages**.

- Chọn **Options > Mark/Unmark > Mark** hoặc **Mark all** để đánh dấu tin nhắn.
- Chọn **Options > Copy**. Một danh sách các thư mục sẽ được mở ra.
- Để bắt đầu sao chép, chọn một thư mục và chọn **OK**. Để xem các tin, mở thư mục này.

Cài đặt nhắn tin

Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng đoạn **Must be defined**, hoặc có dấu hoa thị màu đỏ. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Bạn cũng có thể nhận cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng một tin nhắn cấu hình.

Một số hoặc tất cả các trung tâm nhắn tin hoặc các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

Tin nhắn văn bản

Bấm  , và chọn **Messag. > Options > Settings > Text message** và chọn các tùy chọn sau:

Message centres—Xem danh sách tất cả các trung tâm nhắn tin văn bản mà bạn xác định.

Msg. centre in use—Chọn trung tâm nhắn tin sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản.

Character encoding—Để sử dụng chuyển đổi ký tự sang một hệ thống mã hóa khác, nếu có, chọn **Reduced support**.

Receive report—Để yêu cầu mạng gửi báo cáo gửi cho tin nhắn của bạn (dịch vụ mạng).

Message validity—Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ chờ để gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.

Message sent as—Chi nên thay đổi tùy chọn này trong trường hợp bạn chắc chắn rằng trung tâm nhắn tin của bạn có thể chuyển đổi tin nhắn văn bản sang các dạng tin khác. Liên hệ với nhà điều hành mạng.

Preferred conn.—Chọn kết nối sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản: Mạng GSM hoặc dữ liệu gói, nếu mạng hỗ trợ. Xem phần “[Connection](#)”, trang [112](#).

Reply via same ctr.—Chọn trả lời tin nhắn sử dụng cùng hoặc không cùng số trung tâm nhắn tin văn bản (dịch vụ mạng).

Tin nhắn đa phương tiện

Bấm  , và chọn **Messag.** > **Options** > **Settings** > **Multimedia message** và các tùy chọn sau:

Image size—Xác định kích thước hình ảnh trong tin nhắn đa phương tiện: **Original** (chỉ hiển thị khi **MMS creation mode** được cài là **Guided** hoặc **Free**), **Small**, hoặc **Large**.

MMS creation mode—Nếu bạn chọn **Guided**, điện thoại sẽ nhắc bạn nếu có tin nhắn được gửi đi nhưng có thể không được thiết bị nhận hỗ trợ. Chọn **Restricted**; điện thoại sẽ ngăn bạn gửi các tin nhắn không được hỗ trợ.

Access point in use—Chọn điểm truy cập sẽ được sử dụng làm kết nối ưu tiên cho trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Multimedia retrieval—Chọn cách bạn muốn nhận tin nhắn đa phương tiện. Để tự động nhận tin nhắn đa phương tiện về khi ở trong mạng chủ (nhà điều hành thẻ SIM trong điện thoại của bạn), chọn **Auto**. **in home network**. Khi ở bên ngoài mạng chủ, bạn sẽ nhận được thông báo có tin nhắn đa phương tiện mới có thể tải về từ trung tâm tin nhắn đa phương tiện.

Khi bạn đang ở ngoài mạng chủ, cước phí cho việc gửi và nhận các tin nhắn đa phương tiện có thể cao hơn.

Nếu bạn chọn **Multimedia retrieval > Always automatic**, điện thoại sẽ tự động tạo kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về cả khi ở trong và ngoài mạng chủ.

Allow anon. msgs.—Chọn từ chối hoặc chấp nhận các tin nhắn từ một người gửi nặc danh.

Receive adverts—Xác định việc bạn muốn nhận hoặc không nhận các tin nhắn quảng cáo đa phương tiện.

Receive report—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị tình trạng các tin đã gửi trong nhật ký (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

Deny report sending—Chọn từ chối hoặc cho phép điện thoại gửi báo cáo đã nhận tin nhắn đa phương tiện.

Message validity—Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ chờ để gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.

E-mail

Bấm  , và chọn **Messag. > Options > Settings > E-mail** và các tùy chọn sau:

Mailboxes—Chọn một hộp thư để thay đổi các thông số cài đặt sau: **Connection settings**, **User settings**, **Retrieval settings**, và **Automatic retrieval**.

Mailbox in use—Chọn hộp thư bạn muốn sử dụng để gửi e-mail.

Để tạo một hộp thư mới, chọn **Options > New mailbox** trong cửa sổ chính của hộp thư.

Connection settings

Để chỉnh sửa cài đặt cho e-mail bạn nhận được, chọn **Incoming e-mail** và chọn các tùy chọn sau:

User name—Nhập tên thuê bao của bạn do nhà cung cấp dịch vụ của bạn cấp.

Password—Nhập mật mã của bạn. Nếu bạn để trống trường này, bạn sẽ được nhắc nhập mật mã khi bạn tìm cách kết nối với hộp thư từ xa.

Incoming mail serv.—Nhập địa chỉ IP hoặc tên server nhận e-mail của bạn.

Access point in use—Chọn một điểm truy cập Internet (IAP). Xem phần “[Connection](#)”, trên trang [112](#).

Mailbox name—Đặt tên cho hộp thư.

Mailbox type—Xác định giao thức e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ hộp thư từ xa khuyến nghị bạn sử dụng. Các tùy chọn là **POP3** và **IMAP4**. Cài đặt này chỉ có thể được chọn một lần và không thể thay đổi nếu bạn đã lưu hoặc đã thoát khỏi cài đặt hộp thư. Nếu sử dụng giao thức POP3, e-mail sẽ không được cập nhật tự động khi bạn đang trực tuyến. Để xem các tin nhắn e-mail mới nhất, bạn phải ngắt kết nối và kết nối lại vào hộp thư của bạn.

Security (ports)—Chọn tùy chọn bảo mật được sử dụng để giữ an toàn cho kết nối đến hộp thư từ xa.

Port—Xác định cổng cho kết nối.

APOP secure login (chỉ cho POP3)—Sử dụng giao thức POP3 để mã hóa việc gửi mật mã tới server e-mail từ xa trong khi kết nối với hộp thư.

Để chỉnh sửa cài đặt cho e-mail bạn gửi, chọn **Outgoing e-mail** và chọn các tùy chọn sau:

My e-mail address—Nhập địa chỉ e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ cấp cho bạn. Tin trả lời sẽ được gửi đến địa chỉ này.

Outgoing mail serv.—Nhập địa chỉ IP hoặc tên server gửi e-mail của bạn. Bạn có thể chỉ sử dụng được server gửi thư của nhà điều hành mạng của bạn. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Access point in use—Chọn một điểm truy cập Internet (IAP). Xem phần “[Connection](#)”, trên trang [112](#).

Cài đặt cho **User name, Password, Security (ports)**, và **Port** tương tự như các cài đặt trong **Incoming e-mail**.

User settings

My name—Nhập tên của bạn. Tên của bạn sẽ được hiển thị trên điện thoại của người nhận thay thế cho địa chỉ e-mail của bạn trong trường hợp điện thoại người nhận hỗ trợ chức năng này.

Send message—Xác định cách gửi e-mail từ điện thoại. Chọn **Immediately** để máy kết nối vào hộp thư khi bạn chọn **Send message**. Nếu bạn chọn **During next conn.**, e-mail sẽ được gửi khi đang kết nối với hộp thư từ xa.

Send copy to self—Chọn lưu hoặc không bản sao e-mail vào hộp thư từ xa của bạn và vào địa chỉ được xác định trong phần **My e-mail address**.

Include signature—Chọn đính kèm hoặc không đính kèm chữ ký vào các tin e-mail.

New e-mail alerts—Chọn nhận hoặc không nhận các chỉ báo e-mail, như âm báo hoặc ghi chú, khi tài e-mail mới về hộp thư.

Retrieval settings

E-mail to retrieve—Xác định những phần e-mail sẽ nhận: **Headers only**, **Partially (kB)** (chỉ dành cho POP3), hoặc **Msgs. & attachs.** (chỉ dành cho POP3).

Retrieval amount—Xác định số tin e-mail mới sẽ được nhận về hộp thư.

IMAP4 folder path (chỉ IMAP4)—Xác định đường dẫn thư mục sẽ được đăng ký.

Folder subscriptions (chỉ IMAP4)—Đăng ký các thư mục khác trong hộp thư từ xa và nhận nội dung từ các thư mục này.

Automatic retrieval

Header retrieval—Chọn để điện thoại tự động nhận hoặc không nhận e-mail mới. Bạn có thể xác định thời điểm và chu kỳ tự động tải tin nhắn về từ hộp thư.

Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

Tin nhắn dịch vụ Web

Bấm  , và chọn **Messag. > Options > Settings > Service message**. Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn dịch vụ. Nếu bạn muốn điện thoại tự động kích hoạt trình duyệt và bắt đầu kết nối mạng để tải nội dung khi nhận tin nhắn dịch vụ, chọn **Download messages > Automatically**.

Tin nhắn quảng bá

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết các chủ đề hiện có và mã số chủ đề liên quan. Bấm  , và chọn **Messag. > Options > Settings > Cell broadcast** và chọn các tùy chọn sau:

Reception—Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn quảng bá.

Language—Chọn ngôn ngữ để nhận các tin nhắn: **All**, **Selected**, hoặc **Other**.

Topic detection—Chọn để điện thoại tự động hoặc không tự động tìm kiếm các mã số chủ đề mới, và lưu những mã số mới không có tên vào danh sách chủ đề.

Other settings

Bấm  , và chọn **Messag.** > **Options** > **Settings** > **Other** và chọn các tùy chọn sau:

Save sent messages—Chọn lưu hoặc không lưu bản sao của các tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, hoặc e-mail mà bạn đã gửi vào thư mục **Sent**.

No. of saved msgs.—Xác định số lượng tin nhắn đã gửi sẽ được lưu vào thư mục **Sent** tại từng thời điểm. Giới hạn mặc định là 20 tin nhắn. Khi đã đạt giới hạn đó, tin nhắn cũ nhất sẽ bị xóa.

Memory in use — Nếu đã lắp một thẻ nhớ tương thích vào điện thoại, chọn bộ nhớ để lưu các tin nhắn: **Phone memory** hoặc **Memory card**.



Danh bạ (Danh bạ điện thoại)

Bấm và chọn **Contacts**. Trong **Contacts** bạn có thể lưu và cập nhật thông tin liên lạc, ví dụ như số điện thoại, địa chỉ nhà riêng, hoặc địa chỉ e-mail của các số liên lạc. Bạn có thể thêm một kiểu chuông riêng hoặc một hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào một thẻ liên lạc. Bạn cũng có thể tạo các nhóm liên lạc, nhóm này cho phép bạn gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail tới nhiều người nhận cùng lúc. Bạn có thể thêm các thông tin liên lạc đã nhân được (danh thiếp) vào danh bạ. Xem phần “**Dữ liệu và các thông số cài đặt**”, trên trang 61. Bạn chỉ có thể gửi hoặc nhận thông tin về số liên lạc từ các thiết bị tương thích.

Để xem số lượng số liên lạc, nhóm, và bộ nhớ còn trống trong **Contacts**, chọn **Options > Contacts info**.

Lưu và chỉnh sửa tên và số điện thoại

- Chọn **Options > New contact**.
- Điền vào các trường theo ý bạn và chọn **Done**.

Để chỉnh sửa thẻ liên lạc trong **Contacts**, di chuyển đến thẻ liên lạc bạn muốn chỉnh sửa, và chọn **Options > Edit**. Bạn cũng có thể tìm số liên lạc bạn muốn bằng cách nhập các chữ cái đầu tiên của tên vào trường tìm kiếm. Một danh sách các số liên lạc bắt đầu với các chữ cái đầu sẽ hiển thị trên màn hình.

Mẹo! Để tạo thêm và hiệu chỉnh các thẻ liên lạc, bạn cũng có thể sử dụng ứng dụng Nokia Contacts Editor trong Nokia PC Suite.

Để đính kèm hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào thẻ liên lạc, mở thẻ liên lạc và, chọn **Options > Edit > Options > Add thumbnail**. Hình ảnh dạng thu nhỏ sẽ được hiển thị khi có người gọi cho bạn.

Để nghe khẩu lệnh đã được gán cho một số liên lạc, di chuyển đến thẻ liên lạc, và bấm phím di chuyển. Sau đó chọn **Options > Play voice tag**. Xem phần “**Lệnh thoại**”, trên trang 75.

Để gửi thông tin về số liên lạc, chọn thẻ mà bạn muốn gửi. Chọn **Options > Send > Via text message, Via multimedia, Via e-mail, Via Bluetooth**, hoặc **Via infrared**. Xem phần “**Nhắn tin**”

trên trang 55 và phần “[Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth](#)” trên trang 95.

 **Mẹo!** Để in các thẻ liên lạc trên một máy in tương thích có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options > Print**.

Để thêm một số liên lạc vào một nhóm, chọn **Options > Add to group**: (chỉ hiển thị nếu bạn đã tạo một nhóm). Xem phần “[Tạo các nhóm liên lạc](#)”, trên trang 73.

 **Mẹo!** Để kiểm tra xem một số liên lạc đang thuộc nhóm nào, di chuyển đến số liên lạc này, và chọn **Options > Belongs to groups**.

Để xóa một thẻ liên lạc trong **Contacts** chọn một thẻ, và bấm C. Để xóa nhiều thẻ liên lạc cùng lúc, bấm  và  để chọn các số liên lạc và bấm C để xóa.

Các số điện thoại và địa chỉ mặc định

Bạn có thể gán các số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định vào một thẻ liên lạc. Theo cách này nếu một số liên lạc có nhiều số điện thoại hoặc nhiều địa chỉ, bạn có thể dễ dàng gọi hoặc gửi tin nhắn tới số liên

lạc này theo một số điện thoại hoặc một địa chỉ nhất định. Số mặc định cũng được sử dụng trong chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

- Trong **Contacts**, chọn một số liên lạc, và bấm .
- Chọn **Options > Defaults**.
- Chọn một mục mặc định mà bạn sẽ thêm số điện thoại hoặc địa chỉ vào, và chọn **Assign**.
- Chọn một số điện thoại hoặc địa chỉ để cài làm giá trị mặc định.

Số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định được gạch chân trong thẻ liên lạc.

Sao chép số liên lạc

Để sao chép tên và số điện thoại từ thẻ SIM vào điện thoại, bấm , và chọn **Contacts > Options > SIM contacts > SIM directory**. Chọn những tên bạn muốn sao chép và chọn **Options > Copy to Contacts**.

Để sao chép các số liên lạc vào thẻ SIM, bấm , và chọn **Contacts**. Chọn các tên bạn muốn sao chép và chọn **Options > Copy to SIM direct.**, hoặc **Options > Copy > To SIM directory**. Chỉ những trường thẻ liên lạc được thẻ SIM hỗ trợ mới được sao chép.

 **Mẹo!** Bạn có thể đồng bộ các số liên lạc với máy PC tương thích bằng Nokia PC Suite.

SIM directory và các dịch vụ SIM khác

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Bấm  , và chọn **Contacts > Options > SIM contacts > SIM directory** để xem các tên và các số điện thoại được lưu trong thẻ SIM. Trong thư mục thẻ SIM bạn có thể thêm, chỉnh sửa, hoặc sao chép các số điện thoại vào các số liên lạc, và có thể thực hiện các cuộc gọi.

Để xem danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options > SIM contacts > Fixed dialling contacts**. Cài đặt này chỉ hiển thị nếu được thẻ SIM hỗ trợ.

Để hạn chế các cuộc gọi từ điện thoại đến các số điện thoại đã chọn, chọn **Options > Activ. fixed dialling**. Bạn cần có mã PIN2 để bật hoặc tắt chức năng gọi số ẩn định hoặc để chỉnh sửa số gọi ẩn định. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ nếu bạn không có mã PIN2. Để thêm các số mới vào danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options > New SIM**

contact. Bạn phải nhập mã PIN2 cho các chức năng này.

Khi bạn sử dụng chức năng **Fixed dialling**, bạn có thể sẽ không thực hiện được các kết nối dữ liệu gói, ngoại trừ việc gửi tin nhắn văn bản qua kết nối dữ liệu gói. Trong trường hợp này, số trung tâm nhắn tin và số điện thoại của người nhận phải có trong danh sách số gọi ẩn định.

Khi chức năng gọi số ẩn định được kích hoạt, bạn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Gán nhạc chuông cho các số liên lạc

Khi số liên lạc hoặc thành viên của nhóm đó gọi cho bạn, điện thoại sẽ phát kiểu chuông được chọn (nếu số điện thoại của người gọi được gửi cùng với cuộc gọi và điện thoại của bạn nhận ra số này).

- 1 Bấm  để mở thẻ liên lạc hoặc vào danh sách nhóm và chọn một nhóm liên lạc.
- 2 Chọn **Options > Ringing tone**. Danh sách các kiểu chuông sẽ mở ra.
- 3 Chọn kiểu chuông bạn muốn sử dụng cho số liên lạc riêng hoặc nhóm được chọn.

Để xóa kiểu chuông, chọn **Default tone** trong danh sách các kiểu chuông.

Tạo các nhóm liên lạc

- 1 Trong **Contacts**, bấm để mở danh sách nhóm.
- 2 Chọn **Options > New group**.
- 3 Nhập tên cho nhóm hoặc sử dụng tên mặc định **Group N**, và chọn **OK**.
- 4 Mở nhóm, và chọn **Options > Add members**.
- 5 Di chuyển đến một số liên lạc và bấm để chọn số liên lạc đó. Để thêm cùng lúc nhiều thành viên, lặp lại thao tác này với tất cả các số liên lạc bạn muốn.
- 6 Chọn **OK** để thêm các số liên lạc vào nhóm.

Để đổi tên nhóm, chọn **Options > Rename**, nhập tên mới, và chọn **OK**.

Xóa thành viên khỏi nhóm

- 1 Trong danh sách nhóm, mở nhóm bạn muốn sửa đổi.
- 2 Di chuyển đến số liên lạc, và chọn **Options > Remove from group**.
- 3 Chọn **Yes** để xóa số liên lạc ra khỏi nhóm.

Gọi điện

Cuộc gọi thoại

Mẹo! Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi gọi, sử dụng phím âm lượng ở mặt bên của điện thoại.

- Khi ở chế độ chờ, nhập số điện thoại, bao gồm cả mã vùng. Để xóa một số, bấm **C**. Để gọi điện quốc tế, bấm ***** hai lần cho ký tự **+** (thay cho mã truy cập quốc tế), và nhập mã quốc gia, mã vùng (bỏ số 0 đứng trước nếu cần), và nhập số điện thoại cần gọi vào.
- Bấm **L** để gọi số điện thoại đó.
- Bấm **■** để ngừng cuộc gọi (hoặc hủy cuộc gọi).

Bấm **■** sẽ luôn kết thúc cuộc gọi, cho dù có một ứng dụng khác đang được kích hoạt.

Để thực hiện một cuộc gọi từ **Contacts**, bấm **5**, và chọn **Contacts**. Di chuyển đến tên bạn muốn, hoặc nhập các ký tự đầu tiên của tên đó vào trường tìm. Các số liên lạc tương ứng sẽ được liệt kê. Để gọi, bấm **L**. Chọn kiểu cuộc gọi **Voice call**.

Bạn phải sao chép nội dung từ thẻ SIM vào **Contacts** trước khi bạn có thể thực hiện cuộc gọi

theo cách này. Xem phần “[Sao chép số liên lạc](#)”, trên trang [71](#).

Để gọi vào hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ **1** khi ở chế độ chờ. Xem thêm phần “[Call divert](#)”, trên trang [119](#).

Mẹo! Để thay đổi số hộp thư thoại, bấm **5**, và chọn **Tools > Voice mail > Options > Change number**. Nhập số vào (nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp cho bạn số này) và chọn **OK**.

Để gọi tới một số mới gọi gần đây ở chế độ chờ, bấm **L**. Di chuyển đến số này, và bấm **L**.

Gọi điện hội nghị

- Gọi điện cho thành viên thứ nhất.
- Để gọi điện cho một thành viên khác, chọn **Options > New call**. Cuộc gọi đầu sẽ tự động ở trạng thái giữ.
- Khi cuộc gọi mới được trả lời, để nối thành viên đầu tiên vào cuộc gọi hội nghị, chọn **Options > Conference**. Để thêm người mới vào cuộc gọi, lặp lại bước 2, và chọn **Options > Conference > Add to**

conference. Điện thoại hỗ trợ các cuộc gọi hội nghị với tối đa sáu thành viên tham gia, kể cả bạn. Để trò chuyện riêng với một trong các thành viên, chọn **Options > Conference > Private.** Chọn một thành viên và chọn **Private.** Cuộc gọi hội nghị sẽ được chuyển sang trạng thái giữ. Những thành viên khác vẫn có thể tiếp tục cuộc gọi hội nghị. Sau khi kết thúc cuộc trò chuyện riêng, chọn **Options > Conference > Add to conference** để trở về cuộc gọi hội nghị. Để loại một thành viên, chọn **Options > Conference > Drop participant**, di chuyển đến thành viên đó, và chọn **Drop.**

- Để kết thúc cuộc gọi hội nghị, bấm .

Quay nhanh một số điện thoại

Để kích hoạt chức năng quay số nhanh, bấm  , và chọn **Tools > Settings > Call > Speed dialling > On.**

Để gán một số điện thoại cho một trong các phím quay số nhanh (**2 — 9**), bấm  , và chọn **Tools > Spd. dial.** Di chuyển đến phím bạn muốn gán số điện thoại, và chọn **Options > Assign.** **1** được dành cho hộp thư thoại.

Để gọi điện ở chế độ chờ, bấm phím quay số nhanh và .

Lệnh thoại

Điện thoại của bạn hỗ trợ các lệnh thoại được cài tiến. Lệnh thoại cài tiến không thuộc vào giọng người nói, vì vậy người sử dụng không cần phải ghi âm khẩu lệnh trước. Thay vào đó, điện thoại sẽ tạo một khẩu lệnh dành cho các mục trong danh bạ và so sánh khẩu lệnh được nói với khẩu lệnh này. Bộ phận nhận dạng giọng nói trong điện thoại sẽ phân tích tiếng nói của người dùng chính để nhận dạng lệnh thoại tốt hơn.

Khẩu lệnh cho một số liên lạc là tên hoặc biệt danh được lưu trên thẻ liên lạc. Để nghe khẩu lệnh tổng hợp, mở một thẻ liên lạc, và chọn **Options > Play voice tag.**

Gọi điện bằng khẩu lệnh

 **Lưu ý:** Sử dụng khẩu lệnh có thể gặp khó khăn trong môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

Khi bạn sử dụng chức năng quay số bằng khẩu lệnh, loa sẽ được sử dụng. Giữ điện thoại ở khoảng cách gần khi phát âm khẩu lệnh.

- Để bắt đầu quay số bằng giọng nói, ở chế độ chờ, bấm và giữ phím chọn phải. Nếu bạn đang sử

dụng tai nghe tương thích có phím tai nghe, bấm và giữ phím tai nghe để bắt đầu quay số bằng khẩu lệnh.

- 2 Một âm ngắn sẽ phát ra, và thông báo **Speak now** sẽ hiển thị. Đọc rõ tên hoặc biệt hiệu đã được lưu cho thẻ liên lạc.
- 3 Điện thoại sẽ phát khẩu lệnh tổng hợp ứng với số liên lạc được nhân dạng bằng ngôn ngữ được chọn trong điện thoại, đồng thời hiển thị tên và số điện thoại của số liên lạc đó. Sau khoảng 2.5 giây chờ, điện thoại sẽ quay số điện thoại đó. Nếu số liên lạc được nhận dạng không đúng, chọn **Next** để xem danh sách các số liên lạc tương ứng hoặc **Quit** để hủy chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

Nếu một tên có nhiều số điện thoại, máy sẽ chọn số mặc định nếu số này đã được cài. Nếu không, điện thoại sẽ chọn số điện thoại đầu tiên theo thứ tự sau: **Mobile**, **Mobile (home)**, **Mobile (business)**, **Telephone**, **Tel. (home)**, và **Tel. (business)**.

Cuộc gọi video

Khi thực hiện cuộc gọi video (dịch vụ mang), bạn có thể nhìn thấy hình ảnh hai chiều trong thời gian đàm thoại giữa bạn và người nhận cuộc gọi. Hình ảnh video trực tuyến, hoặc hình ảnh video được quay bằng camera trên điện thoại sẽ hiển thị trên điện thoại của người nhận trong cuộc gọi video.

Để thực hiện cuộc gọi video, bạn phải có thẻ USIM và trong vùng phủ sóng của mạng UMTS. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ cuộc gọi video, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Cuộc gọi video chỉ có thể được thực hiện được giữa hai thành viên. Cuộc gọi video có thể được áp dụng để gọi đến điện thoại di động tương thích hoặc một thuê bao ISDN. Cuộc gọi video không thể thực hiện được trong khi đang có cuộc gọi thoại, cuộc gọi video hoặc quá trình trao đổi dữ liệu đang diễn ra.

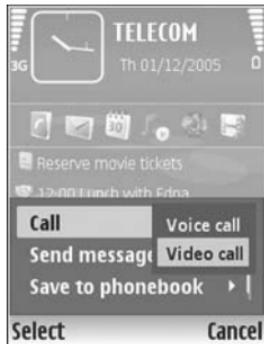
Biểu tượng:

-  Bạn không nhận được video (người nhận không gửi hoặc mạng không chuyển video).
-  Bạn đã từ chối gửi tín hiệu hình ảnh từ điện thoại của bạn. Để gửi hình tĩnh thay vào đó, xem phần “Call settings”, trên trang 111.

Ngay cả khi bạn từ chối gửi tín hiệu video khi sử dụng chức năng cuộc gọi video, cuộc gọi này vẫn bị tính cước như là cuộc gọi video. Kiểm tra cách tính phí với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

- 1 Để khởi động cuộc gọi video, nhập số điện thoại khi ở chế độ chờ, hoặc chọn **Contacts** và chọn một số liên lạc.
- 2 Chọn **Options > Call > Video call**.

Camera phụ ở mặt trước được sử dụng mặc định cho cuộc gọi video. Thời gian để khởi động một cuộc gọi video có thể kéo dài



Thông báo **Waiting for video image** sẽ hiển thị. Nếu cuộc gọi không thực hiện được (ví dụ như mạng không hỗ trợ cuộc gọi video, hoặc thiết bị nhận không tương thích), điện thoại sẽ yêu cầu bạn thực hiện cuộc gọi thông thường hoặc gửi tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện thay vì dùng cuộc gọi video.

Cuộc gọi video hoạt động khi bạn nhìn thấy ảnh video của hai bên và nghe thấy âm thanh qua loa. Người nhận cuộc gọi có thể từ chối gửi hình ảnh

(), và trong trường hợp này, bạn sẽ chỉ nghe thấy âm báo và nhìn thấy một hình tĩnh hoặc một hình nền màu xám.

Để thay đổi giữa chế độ hiển thị video hoặc chỉ nghe âm thanh, chọn **Enable/Disable > Sending video, Sending audio** hoặc **Sending audio & video**.

Để phóng to/thu nhỏ hình ảnh của chính bạn, dùng phím chỉnh tỷ lệ để chọn **Zoom in** hoặc **Zoom out**. Chỉ báo phóng to/thu nhỏ sẽ được hiển thị ở phía trên màn hình.

Để chuyển đổi vị trí của các hình ảnh video đã gửi trên màn hình, chọn **Change image order**.

Để kết thúc cuộc gọi video, bấm .

Chia sẻ video

Sử dụng chức năng **Video sharing** (dịch vụ mạng) để gửi video trực tuyến hoặc một video clip từ điện thoại di động của bạn đến một thiết bị di động tương thích trong cuộc gọi thoại. Đơn giản, bạn chỉ cần mời người nhận cuộc gọi xem phim thực hoặc một video clip mà bạn muốn chia sẻ. Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời.

Loa sẽ được kích hoạt khi bạn khởi động **Video sharing**. Nếu bạn không muốn sử dụng loa cho cuộc gọi thoại trong khi chia sẻ video, bạn cũng có

thể sử dụng tai nghe tương thích. Khi cuộc gọi thoại được kích hoạt, chọn **Options > Share video > Live** hoặc **Clip**.

Để ngưng chia sẻ video, chọn **Stop**. Chức năng chia sẻ video cũng sẽ kết thúc khi bạn kết thúc cuộc gọi thoại.

Yêu cầu chia sẻ hình ảnh

Vì **Video sharing** yêu cầu kết nối UMTS, khả năng sử dụng **Video sharing** tùy thuộc vào tính khả dụng của mạng UMTS. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để có thêm thông tin về tính khả dụng của dịch vụ và mạng, và mức phí sử dụng dịch vụ này.

Để sử dụng **Video sharing** bạn phải:

- Bảo đảm điện thoại đã được thiết lập các kết nối một chiều. Xem phần "**Cài đặt**", trên trang 78.
- Bảo đảm bạn có một kết nối UMTS đang hoạt động và đang trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS. Xem phần "**Cài đặt**", trên trang 78.

Nếu bạn khởi động phiên dịch vụ chia sẻ trong khi đang ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS và đang trong quá trình kết nối mạng GSM, phiên dịch vụ chia sẻ sẽ bị ngưng lại, cuộc gọi thoại của bạn vẫn tiếp tục. Bạn sẽ không thể khởi động chức năng **Video sharing** khi không ở

trong vùng phủ sóng của mạng UMTS (ví dụ trong mạng GSM).

- Bảo đảm cả người gửi và người nhận đã đăng ký mạng UTMS. Nếu bạn mời một người tham gia phiên dịch vụ chia sẻ nhưng người này tắt điện thoại, không nằm trong vùng phủ sóng của mạng UMTS, hoặc chưa cài đặt chức năng **Video sharing** hoặc chưa thiết lập kết nối một chiều, người đó sẽ không biết bạn gửi lời mời đến họ. Tuy nhiên, bạn sẽ nhận được một thông báo cho biết người nhận không thể nhận lời mời.

Cài đặt

Cài đặt kết nối một chiều

Kết nối một chiều còn được biết là kết nối SIP. Thông số cài đặt cấu hình SIP phải được cấu hình trong điện thoại trước khi bạn có thể sử dụng chức năng **Video sharing**. Việc thiết lập cấu hình SIP cho phép bạn thiết lập kết nối một chiều đến một điện thoại tương thích khác. Cấu hình SIP cũng phải được thiết lập để nhận phiên chia sẻ dữ liệu.

Liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ để có được thông số cài đặt cấu hình SIP và lưu các thông số này vào điện thoại của bạn. Nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể

gửi các thông số cài đặt qua mạng hoặc gửi cho bạn một danh sách các thông số cần thiết.

Nếu bạn biết địa chỉ SIP của người nhận, bạn có thể nhập địa chỉ này vào thẻ liên lạc của người đó. Mở **Contacts** từ menu chính của điện thoại, và mở thẻ liên lạc (hoặc tạo một thẻ liên lạc mới cho người đó). Chọn **Options > Add detail > SIP** hoặc **Share view** (tùy chọn đúng tùy thuộc vào nhà điều hành mạng). Nhập địa chỉ SIP theo định dạng `username@domainname` (bạn có thể sử dụng địa chỉ IP thay cho tên miền).

Nếu bạn không biết địa chỉ SIP của số liên lạc, bạn cũng có thể sử dụng số điện thoại đã lưu của người nhận, bao gồm cả mã nước, ví dụ +358, để chia sẻ video. Nếu số điện thoại được lưu trong **Contacts** không bao gồm mã nước, bạn có thể nhập số điện thoại bao gồm cả mã nước khi gửi lời mời.

Cài đặt kết nối UMTS

Để thiết lập kết nối UMTS, theo các bước sau:

- Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để thỏa thuận sử dụng dịch vụ mạng UMTS.
- Bảo đảm thông số cài đặt kết nối điểm truy cập UMTS được cấu hình đúng. Để được trợ giúp, xem phần “[Connection](#)”, trên trang [112](#).

Chia sẻ video trực tuyến và video clip

Để nhận một phiên chia sẻ dữ liệu, điện thoại của người nhận phải hỗ trợ chức năng **Video sharing** và người nhận phải cấu hình các thông số cài đặt theo yêu cầu trên điện thoại di động tương thích của họ. Cá bạn và người nhận phải đăng ký dịch vụ trước khi có thể chia sẻ dữ liệu.

Video thực

- Khi cuộc gọi thoại được kích hoạt, chọn **Options > Share video > Live**, và mở nắp trượt.
- Điện thoại sẽ gửi lời mời đến địa chỉ SIP mà bạn đã thêm vào thẻ liên lạc của người nhận. Nếu người nhận có nhiều địa chỉ SIP trong thẻ liên lạc, chọn địa chỉ SIP mà bạn muốn gửi lời mời và chọn **Select** để gửi lời mời. Nếu không có địa chỉ SIP của người nhận, nhập địa chỉ SIP vào. Chọn **OK** để gửi lời mời. Nếu bạn không biết địa chỉ SIP của số liên lạc, nhập số điện thoại của người nhận, bao gồm cả mã nước, nếu số này chưa được lưu trong **Contacts**.
- Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời. Loa đã được kích hoạt. Bạn cũng có thể sử dụng tai nghe tương thích cho cuộc gọi thoại.

- 4 Chọn **Pause** để tạm ngưng phiên chia sẻ dữ liệu.
Chọn **Continue** để tiếp tục việc chia sẻ.
- 5 Để kết thúc phiên chia sẻ, chọn **Stop**. Để kết thúc cuộc gọi thoại, bấm phím kết thúc.
Để lưu video trực tuyến mà bạn đã chia sẻ, bấm **Save** để chấp nhận yêu cầu **Save shared video clip?**. Video đã chia sẻ sẽ được lưu trong thư mục **Images & video** trong **Gallery**.

Video clip

- 1 Khi cuộc gọi thoại được kích hoạt, chọn **Options > Share video > Clip**.
- 2 Chọn video clip bạn muốn chia sẻ. Màn hình xem trước sẽ mở ra. Để xem trước đoạn video clip, chọn **Options > Play**.
- 3 Chọn **Options > Invite**.

Bạn cần phải chuyển đoạn video clip sang định dạng thích hợp để có thể chia sẻ được.

Thông báo **Clip must be converted for sharing. Continue?** sẽ xuất hiện. Chọn **OK**.

Điện thoại sẽ gửi lời mời đến địa chỉ SIP mà bạn đã thêm vào thẻ liên lạc của người nhận.

Nếu người nhận có nhiều địa chỉ SIP trong thẻ liên lạc, chọn địa chỉ SIP mà bạn muốn gửi lời mời và chọn **Select** để gửi lời mời.

Nếu không có địa chỉ SIP của người nhận, nhập địa chỉ SIP vào. Chọn **OK** để gửi lời mời. Nếu bạn không biết địa chỉ SIP của số liên lạc, nhập số điện thoại của người nhận, bao gồm cả mã nước, nếu số này chưa được lưu trong **Contacts**.

- 4 Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời.
- 5 Chọn **Pause** để tạm ngưng phiên chia sẻ dữ liệu. Chọn **Options > Continue** để tiếp tục việc chia sẻ. Để tiến nhanh về phía trước hoặc tua lại video clip, di chuyển lên hoặc xuống.
- 6 Để phát lại clip này, bấm **Play**.
- 7 Để kết thúc phiên chia sẻ, chọn **Stop**. Để kết thúc cuộc gọi thoại, bấm phím kết thúc.

Nếu bạn truy cập các ứng dụng khác trong khi đang chia sẻ video clip, việc chia sẻ sẽ bị tạm ngưng. Để trở lại giao diện chia sẻ video và tiếp tục chia sẻ, ở chế độ chờ, chọn **Options > Continue**. Xem phần “**Chế độ Active standby**”, ở trang 109.

Nhận một lời mời

Khi có một người gửi cho bạn lời mời chia sẻ dữ liệu, một thông báo mời sẽ hiển thị cho biết tên hoặc địa chỉ SIP của người gửi. Nếu điện thoại không được cài **Silent**, điện thoại sẽ đổ chuông khi bạn nhận được lời mời.

Nếu một người nào đó gửi cho bạn lời mời chia sẻ và điện thoại của bạn tắt hoặc bạn không ở trong vùng phủ sóng của mạng UMTS, bạn sẽ không biết mình nhận được lời mời.

Khi nhận được lời mời, chọn một trong các tùy chọn sau:

Accept—để kích hoạt phiên chia sẻ.

Reject—để từ chối lời mời. Người nhận sẽ nhận được thông báo cho biết bạn từ chối lời mời. Bạn cũng có thể bấm phím kết thúc để từ chối phiên chia sẻ và ngắt kết nối với cuộc gọi thoại.

Khi bạn đang nhận một video clip, để tắt tiếng của clip này, bấm **Mute**.

Để ngưng chia sẻ video, chọn **Stop**. Chức năng chia sẻ video cũng sẽ kết thúc khi bạn kết thúc cuộc gọi thoại.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi

Để trả lời cuộc gọi, bấm .

Để tắt âm báo khi có cuộc gọi đến, chọn **Silence**.

 **Mẹo!** Để thay đổi nhạc chuông của điện thoại sử dụng trong các môi trường và sự kiện khác nhau, ví dụ, khi bạn muốn tắt tiếng của điện thoại, xem phần “[Profiles—cài âm báo](#)”, trên trang 106.

Nếu bạn muốn trả lời cuộc gọi, bấm . Nếu bạn đã kích hoạt chức năng **Call divert > Voice calls > If busy** để chuyển hướng cuộc gọi, việc từ chối cuộc gọi đến cũng sẽ chuyển hướng cuộc gọi. Xem phần “[Call divert](#)”, trên trang 119.

Khi từ chối một cuộc gọi đến, bạn có thể gửi tin nhắn văn bản cho người gọi để báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Chọn **Options > Send text message**. Bạn có thể chỉnh sửa văn bản trước khi gửi. Để cài đặt tùy chọn này và viết một tin nhắn văn bản chuẩn, xem phần “[Call settings](#)”, trên trang 111.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi video

Khi có cuộc gọi video, biểu tượng  sẽ hiển thị.

 **Mẹo!** Bạn có thể gán kiểu chuông cho cuộc gọi video. Bấm  và chọn **Profiles**.

Bấm  để trả lời cuộc gọi video. Thông báo **Allow video image to be sent to caller?** sẽ xuất hiện trên màn hình. Để bắt đầu gửi video trực tiếp, chọn **Yes**.

Nếu bạn không kích hoạt cuộc gọi video, gửi video sẽ không được kích hoạt, và bạn sẽ chỉ nghe thấy tiếng của người gọi. Một màn hình màu xám sẽ hiển thị thay thế cho hình ảnh video. Để thay màn hình xám bằng một hình tĩnh, xem phần “[Call settings](#)”, [Image in video call](#), trên trang 111.

Để kết thúc cuộc gọi video, bấm .

Call waiting (dịch vụ mạng)

Bạn có thể trả lời một cuộc gọi trong khi có một cuộc gọi khác đang diễn ra nếu bạn đã kích hoạt [Call waiting](#) trong [Tools > Settings > Call > Call waiting](#).

Để trả lời cuộc gọi chờ, bấm . Cuộc gọi đầu sẽ ở trạng thái giữ.

Để chuyển giữa hai cuộc gọi, chọn [Swap](#). Để kết nối cuộc gọi đến hoặc cuộc gọi đang chờ vào cuộc gọi hiện tại và thoát ra khỏi các cuộc gọi này, chọn [Options > Transfer](#). Để kết thúc cuộc gọi hiện tại, bấm . Để kết thúc cả hai cuộc gọi, chọn [Options > End all calls](#).

Các tùy chọn trong khi gọi

Nhiều tùy chọn mà bạn có thể sử dụng trong khi gọi là các dịch vụ mạng. Chọn [Options](#) trong khi gọi cho một số tùy chọn sau đây: [Mute](#) hoặc [Unmute](#), [Answer](#), [Reject](#), [Swap](#), [Hold](#) hoặc [Unhold](#), [Activate handset](#), [Activate loudsp.](#), hoặc [Activate handsfree](#) (nếu có gắn một bộ tai nghe Bluetooth tương thích), [End active call](#) hoặc [End all calls](#), [New call](#), [Conference](#), [Transfer](#), và [Open active standby](#). Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Replace—để kết thúc cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đang chờ.

Send MMS (chỉ trong mạng UMTS)—để gửi một hình ảnh hoặc video trong tin nhắn đa phương tiện cho thành viên khác trong cuộc gọi. Bạn có thể chỉnh sửa tin nhắn và thay đổi người nhận trước khi gửi. Bấm  để gửi tập tin đến một thiết bị tương thích (dịch vụ mạng).

Send DTMF—để gửi các chuỗi âm DTMF, ví dụ, mật mã. Nhập chuỗi DTMF hoặc tìm trong [Contacts](#). Để nhập ký tự chờ (**w**) hoặc ký tự tạm ngưng (**p**), bấm  liên tục. Chọn [OK](#) để gửi âm.

 **Mẹo!** Bạn có thể thêm âm DTMF vào các trường [Phone number](#) hoặc [DTMF](#) trong thẻ liên lạc.

Các tùy chọn trong khi gọi video

Chọn **Options** khi đang gọi video cho một số tùy chọn sau đây: **Enable** hoặc **Disable** (video, âm thanh, hoặc cả hai), **Activate handset** (nếu bạn đã kết nối một tai nghe tương thích sử dụng kết nối Bluetooth với điện thoại, và muốn định tuyến âm thanh ngược trở lại điện thoại) hoặc **Activate handsfree** (để định tuyến âm thanh đến một tai nghe tương thích có kết nối Bluetooth được kết nối với điện thoại), **Activate loudsp.**, **End active call**, **Open active standby**, **Use main camera/Use secondary camera**, **Change image order**, **Zoom in/Zoom out**, và **Help**.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.



Log

Để kiểm soát số điện thoại của các cuộc gọi bị nhỡ, cuộc gọi đã nhận và đã gọi, bấm  , và chọn **Applications > Log > Recent calls**. Điện thoại chỉ ghi lại các cuộc gọi bị nhỡ và các cuộc gọi vừa nhận khi mạng hỗ trợ các chức năng này, khi điện thoại được bật và đang trong vùng phủ sóng.

Để xóa tất cả các danh sách cuộc gọi gần đây, chọn **Options > Clear recent calls** trong giao diện chính của các cuộc gọi gần đây. Để xóa một trong các nhật ký cuộc gọi, mở nhật ký bạn muốn xóa, và chọn **Options > Clear list**. Để xóa một sự kiện, mở một nhật ký, di chuyển đến sự kiện đó và bấm .

Call duration

Để xem thời gian của các cuộc gọi đến và các cuộc gọi đi, bấm  và chọn **Applications > Log > Call duration**.

Để cài hiển thị các bộ tính giờ trong khi gọi, chọn **Applications > Log > Options > Settings > Show call duration > Yes** hoặc **No**.



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để xóa bộ đếm thời lượng cuộc gọi, chọn **Options > Clear timers**. Để thực hiện được, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần “[Phone and SIM](#)”, trên trang 115.

Packet data

Để kiểm tra lượng dữ liệu đã gửi và nhận trong các phiên kết nối dữ liệu gói, bấm  , và chọn **Applications > Log > Packet data**. Ví dụ, bạn có thể phải trả phí cho những kết nối dữ liệu gói trên cơ sở lượng dữ liệu đã gửi và nhận.

Kiểm soát tất cả các sự kiện liên lạc

Các biểu tượng trong **Log**:

-  Sự kiện đến
-  Sự kiện đi
-  Các sự kiện liên lạc bị nhỡ

Để kiểm soát tất cả các cuộc gọi thoại, tin nhắn văn bản, hoặc những phiên kết nối dữ liệu được điện thoại ghi lại, bấm  , chọn **Tools > Log**, và di chuyển sang phải để mở nhật ký chung. Đối với từng sự kiện liên lạc, bạn có thể xem tên của người gửi hoặc nhận, số điện thoại, tên nhà cung cấp dịch vụ, hoặc điểm truy cập. Bạn có thể lọc nhật



ký chung để chỉ xem một loại sự kiện, và tạo các thẻ liên lạc mới dựa trên thông tin được lưu lại.

Mẹo! Để xem danh sách các tin nhắn đã gửi, bấm  , và chọn **Messag. > Sent**.

Các sự kiện phụ, ví dụ như tin nhắn văn bản đã được gửi thành nhiều phần và nhiều phiên kết nối dữ liệu, sẽ được ghi lại dưới dạng sự kiện liên lạc. Các kết nối vào hộp thư thoại, trung tâm nhắn tin đa phương tiện hoặc trang Web sẽ được hiển thị dưới dạng các phiên kết nối dữ liệu gói.

Để thêm một số điện thoại chưa biết trong **Log** vào danh bạ, chọn **Options > Add to contacts**.

Để lọc nhật ký, chọn **Options > Filter** và chọn một bộ lọc.

Để xóa vĩnh viễn nội dung nhật ký, nhật ký các cuộc gọi gần đây, và các báo cáo gửi tin nhắn, chọn **Options > Clear log**. Chọn **Yes** để xác nhận.

Để cài **Log duration**, chọn **Options > Settings > Log duration**. Các sự kiện sẽ được lưu giữ trong bộ nhớ điện thoại trong một số ngày nhất định, sau đó chúng sẽ bị xóa để làm trống bộ nhớ. Nếu bạn chọn **No log**, tất cả nội dung, nhật ký cuộc gọi gần đây và báo cáo gửi tin nhắn sẽ bị xóa vĩnh viễn.

Để xem các chi tiết của một sự kiện liên lạc, trong giao diện nhật ký chung, di chuyển đến một sự kiện, và bấm .

 **Mẹo!** Trong giao diện chi tiết, bạn có thể sao chép một số điện thoại và dán vào tin nhắn văn bản chẳng hạn. Chọn **Options > Copy Number.**

Bộ đếm dữ liệu gói và thời gian kết nối: Để xem dung lượng dữ liệu, được tính bằng kb, đã được truyền và thời lượng của phiên kết nối dữ liệu gói, di chuyển đến một sự kiện đến hoặc đi được chỉ báo bằng **Pack.**, và chọn **Options > View details.**

Trình duyệt Web



Dịch vụ

Bấm , và chọn **Services** (dịch vụ mạng).

Nhiều nhà cung cấp thường có các trang được thiết kế riêng cho các thiết bị di động mà bạn có thể xem bằng trình duyệt **Services**. Những trang Web này sử dụng ngôn ngữ đánh dấu không dây (WML), ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng (XHTML), hoặc ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML).

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

Phím tắt: Để bắt đầu kết nối, bấm và giữ khi ở chế độ chờ.

Điểm truy cập

Để truy cập các trang, bạn cần các cài đặt dịch vụ cho trang bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn dạng văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc

từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp trang này.

Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang [61](#). Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Mẹo! Các cài đặt có thể được đăng tải sẵn trên trang Web của nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhập cài đặt theo cách thủ công

- 1 Bấm , chọn **Tools > Settings > Connection > Access points**, và xác định cài đặt cho điểm truy cập. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Xem phần “[Connection](#)”, trên trang [112](#).
- 2 Bấm , và chọn **Services > Options > Bookmark manager > Add bookmark**. Đặt một tên cho chỉ mục và địa chỉ của trang trình duyệt xác định điểm truy cập hiện tại.
- 3 Để cài điểm truy cập đã tạo làm điểm truy cập mặc định, chọn **Options > Settings > Access point**.

Giao diện chỉ mục

Màn hình chỉ mục mở khi bạn mở **Services**.

Điện thoại của bạn có một số chỉ mục dẫn đến một số trang không liên kết với Nokia. Nokia sẽ không chứng nhận hoặc chấp thuận các trang này. Nếu muốn truy cập các trang này, bạn nên đề phòng về sự an toàn hoặc nội dung của chúng như ở bất kỳ trang Internet nào.

Biểu tượng cho biết trang bắt đầu được xác định cho điểm truy cập mặc định.

Kết nối an toàn

Nếu chỉ báo bảo vệ hiển thị trong quá trình kết nối, việc truyền dữ liệu giữa thiết bị và cổng Internet hoặc máy chủ được mã hóa.

Biểu tượng an toàn không chỉ báo việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn (hoặc nơi lưu nội dung nguồn yêu cầu) được bảo mật. Nhà cung cấp dịch vụ bảo mật việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn.

Chọn **Options > Details > Security** để xem các thông tin chi tiết về tình trạng kết nối, trạng thái mã hóa, thông tin về máy chủ và việc xác nhận dành cho người sử dụng.

Các chứng chỉ bảo mật có thể được yêu cầu cho một số dịch vụ, ví dụ như các dịch vụ ngân hàng. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn. Xem thêm phần “[Quản lý chứng chỉ](#)”, trên trang [117](#).

Trình duyệt

Chú ý: Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng an toàn và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Để tải xuống một trang, chọn một chỉ mục hoặc điền địa chỉ vào trường (.

Trên một trang trình duyệt, các liên kết mới sẽ xuất hiện với đường gạch dưới màu xanh và các trang đã liên kết có màu tía. Những hình chứa trang liên kết có đường viền màu xanh xung quanh.

Để mở các liên kết và đánh dấu các hộp chọn, bấm .

Phím tắt: Sử dụng **#** để chuyển nhanh xuống cuối trang và ***** để chuyển nhanh về đầu trang.

Để trở về trang trước trong khi trình duyệt, chọn **Back**. Nếu tùy chọn **Back** không có, chọn **Options > Navigation options > History** để xem

danh sách các trang mà bạn đã vào trong phiên trình duyệt theo thứ tự thời gian.

Để tải về nội dung mới nhất từ server, chọn **Options > Navigation options > Reload**.

Để lưu một chỉ mục, chọn **Options > Save as bookmark**.

 **Mẹo!** Để truy cập vào giao diện chỉ mục trong khi đang trình duyệt, bấm và giữ . Để trở về cửa sổ trình duyệt, chọn **Options > Back to page**.

Để lưu lại một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options > Advanced options > Save page**. Bạn có thể lưu các trang vào bộ nhớ của máy hoặc thẻ nhớ (nếu được lắp), và duyệt lại chúng khi không kết nối mạng. Để truy cập các trang này sau, bấm  trong giao diện chỉ mục để mở giao diện **Saved pages**.

Để nhập vào một địa chỉ URL mới, chọn **Options > Navigation options > Go to web address**.

Để mở danh sách phụ chứa các lệnh hoặc tác vụ trên trang trình duyệt đang mở, chọn **Options > Service options**.

Bạn có thể tải về các tập tin không được hiển thị trên trang trình duyệt, ví dụ như kiểu chuông, hình ảnh,

logo mạng, chủ đề và đoạn phim. Để tải về mục nào đó, di chuyển đến liên kết đó, và bấm .

Khi bạn bắt đầu tải dữ liệu, một danh sách các tập tin ở trạng thái đang tải về, tạm ngưng hoặc đã tải về hoàn tất sẽ được hiển thị. Bạn cũng có thể xem danh sách này bằng cách chọn **Options > Downloads**. Trong danh sách, di chuyển tới một mục, và chọn **Options** để tạm dừng, tiếp tục lại, hoặc hủy các tài liệu đang diễn ra, hoặc mở, lưu, hoặc xóa những tài liệu đã hoàn tất.

Các chương trình tải xuống từ mạng và mua các mục

Bạn có thể tải xuống các mục như nhạc chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề, và các đoạn phim. Các mục này có thể được cung cấp miễn phí hoặc bạn có thể mua chúng. Các mục tải về sẽ được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng trong điện thoại của bạn, ví dụ hình ảnh tải về sẽ được lưu vào **Gallery**.

 **Chú ý:** Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

- Để tải xuống, di chuyển đến liên kết tương ứng và bấm .
- Chọn tùy chọn thích hợp để mua mục đó, ví dụ "Mua".
- Đọc cẩn thận tất cả thông tin được cung cấp. Để tiếp tục việc tải xuống, chọn **Accept**. Để hủy việc tải xuống, chọn **Cancel**.

Ngưng kết nối

Để ngắt kết nối và xem trang trình duyệt không trực tuyến, chọn **Options > Advanced options > Disconnect**, hoặc ngắt kết nối và đóng trình duyệt lại, chọn **Options > Exit**.

Dọn cache

Thông tin hoặc dịch vụ bạn vừa truy cập được lưu trong bộ nhớ cache của điện thoại.

Cache là một vị trí bộ nhớ được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu bạn thử truy cập hoặc đã truy cập các thông tin bảo mật cần đến mật mã, hãy làm trống bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng. Thông tin hoặc dịch vụ mà bạn đã truy cập sẽ được lưu trong bộ nhớ cache. Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Options > Advanced options > Clear cache**.

Cài đặt

Chọn **Options > Settings** và các tùy chọn sau:

Access point—Thay đổi điểm truy cập mặc định. Xem phần “**Connection**”, trên trang 112. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

Homepage—Để xác định trang chủ.

Load imgs. & sounds—Chọn hoặc không chọn tải hình trong khi trình duyệt. Nếu bạn chọn **No**, để truy nhập vào các hình ảnh đó sau, chọn **Options > Show images**.

Font size—Chọn một cỡ chữ.

Auto. bookmarks—Bật hoặc tắt tính năng thu thập chỉ mục tự động. Nếu bạn muốn tiếp tục thu thập các chỉ mục tự động nhưng ấn giấu thư mục khỏi giao diện chỉ mục, chọn **Hide folder**.

Screen size—Để chọn nội dung hiển thị khi bạn đang trình duyệt. **Select. keys only** hoặc **Full screen**.

Search page—Để xác nhận một trang Web sẽ được tải về khi bạn chọn **Navigation options > Open search page** trong giao diện chỉ mục hoặc khi đang trình duyệt.

Volume—Nếu bạn muốn trình duyệt để phát các âm thanh được nhúng trong các trang web, hãy chọn một mức âm lượng.

Rendering—Nếu bạn muốn hiển thị trang thật chính xác khi ở chế độ **Small screen**, chọn **By quality**. Nếu bạn không muốn tải về các bảng chứa thuộc tính trình bày xếp tầng mở rộng, chọn **By speed**.

Cookies—Để cho phép hoặc không cho phép nhận và gửi các cookie.

Conf. DTMF sending—Chọn xem bạn có muốn xác nhận trước khi điện thoại gửi âm DTMF trong khi cuộc gọi thoại đang diễn ra hay không. Xem phần thêm “[Các tùy chọn trong khi gọi](#)”, trên trang [82](#).

Java/ECMA script—Cho phép hoặc không cho phép sử dụng các đoạn mã script.

Security warnings—Để ẩn hoặc hiện các chỉ báo bảo mật.

Default encoding—Nếu các ký tự văn bản không hiển thị đúng, bạn có thể chọn cách mã hóa khác tùy theo ngôn ngữ.



Web

Bấm , và chọn **Applications > Web** (dịch vụ mạng).

Với trình duyệt này, bạn có thể xem các trang Web thông thường sử dụng Ngôn ngữ Đánh dấu Siêu văn bản mở rộng (XHTML) hoặc Ngôn ngữ Đánh dấu Siêu văn bản (HTML). Bạn có thể thu nhỏ hoặc phóng to một trang và đọc các cấp dữ liệu Web và blog.

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

Để truy cập các trang, bạn cần các cài đặt dịch vụ cho trang bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn dạng văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp trang này. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang [61](#).

Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Các cài đặt dữ liệu Web và blog

 **Chú ý:** Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng an toàn và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Các cài đặt dữ liệu Web là các tập tin xml trong các trang Web được sử dụng cho cộng đồng weblog để chia sẻ các đầu mục nhập mới nhất hoặc văn bản đầy đủ của chúng, ví dụ như tin tức mới. Các cài đặt dữ liệu Web thường được tìm thấy trên các trang Web, Blog và Wiki. Để đăng ký một cài đặt dữ liệu Web trên các trang Web, chọn **Options > Subscribe**. Để xem các cài đặt dữ liệu Web mà bạn đã đăng ký, trong giao diện các chí mục Web, chọn **Web feeds**.

Blog hoặc Weblog là nhật ký Web. Để tải xuống cài đặt dữ liệu Web hoặc blog trên Web, di chuyển đến đó và bấm phím di chuyển.

Trình duyệt

 **Chú ý:** Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng an toàn và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Để tải xuống một trang, chọn chí mục và bấm phím di chuyển. Bạn cũng có thể nhập địa chỉ vào trường (.

Phím tắt trên bàn phím

- Bấm **C** để đóng cửa sổ hiện thời nếu có nhiều cửa sổ được mở.
- Bấm **1** để mở các chí mục của bạn.
- Bấm **2** để tìm văn bản trong trang hiện thời.
- Bấm **3** để trở về trang trước đó.
- Bấm **5** để liệt kê tất cả các cửa sổ mở.
- Bấm **8** để mở trang tổng quan. Bấm lại **8** để thu nhỏ và xem thông tin bạn muốn.
- Bấm **9** để chuyển đến trang Web khác.
- Bấm **0** để đến trang bắt đầu.

Để thu nhỏ hoặc phóng to trang, bấm **#** hoặc *****.

Để cho phép hoặc không cho phép tự động mở nhiều cửa sổ, chọn **Options > Settings > Block pop-ups > Yes**.

Để xem các trang Web mà bạn đã xem trong phiên duyệt này, chọn **Options > Navigation options > History**. Để tự động hiển thị danh sách các trang trước đó khi bạn trở về trang trước, chọn **Options > Settings > History list > On**.

Tìm thông tin

Bạn có thể dùng **Mini Map** để xem và tìm thông tin trên các trang Web chứa lượng lớn thông tin. Khi **Mini Map** được bật, Web sẽ tự động phóng to và hiển thị tổng quan về trang Web mà bạn trình duyệt. Để di chuyển trên trang, dùng phím di chuyển phải, trái, lên hoặc xuống. Khi bạn tìm thấy thông tin bạn muốn, ngừng di chuyển, và **Mini Map** sẽ đưa bạn đến ví trí bạn muốn. Để cài **Mini Map** bật, chọn **Options > Settings > Mini Map > On**.

Ngưng kết nối

Để ngưng kết nối với Web, chọn **Options > Advanced options > Disconnect**.

Để xóa thông tin mà server mạng thu thập về các lần xem của bạn đến nhiều trang Web, chọn **Options > Advanced options > Delete cookies**.

Để xóa bộ nhớ tạm lưu giữ thông tin về các lần duyệt Web đến các trang khác, chọn **Options > Advanced options > Clear cache**.

Kết nối



Kết nối Bluetooth

Bạn có thể kết nối vô tuyến đến các thiết bị tương thích khác qua công nghệ không dây Bluetooth. Các thiết bị tương thích có thể là điện thoại di động, máy vi tính và phụ kiện nâng cấp như tai nghe và bộ phụ kiện trên xe. Bạn có thể sử dụng kết nối Bluetooth để gửi hình ảnh, video clip, nhạc và đoạn âm thanh, và ghi chú; để kết nối không dây với máy PC tương thích (ví dụ để truyền dữ liệu); hoặc để kết nối với một máy in tương thích để in hình ảnh bằng chức năng **Image print**. Xem phần “[In ảnh](#)”, trên trang [26](#).

Vì các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth liên lạc qua sóng radio, điện thoại và thiết bị khác không cần phải đặt cùng phương. Hai thiết bị chỉ cần cách nhau không quá 10 mét (33 bộ), tuy nhiên kết nối này có thể bị nhiễu sóng do các vật cản như tường hoặc các thiết bị điện tử khác.

Thiết bị này tuân theo Thông số Bluetooth 2.0 hỗ trợ các cấu hình sau: Cấu hình In Cơ bản, Cấu hình Mạng Dial-up, Cấu hình Tai nghe, Cấu hình Loa nói trực tiếp, Cấu hình Đẩy Đổi tượng, Cấu hình Truyền Tập tin, Cấu hình Hình ảnh Cơ bản, Cấu hình Truy

cập SIM, Cấu hình Đồng bộ, và Cấu hình, và Cấu hình Thiết bị Giao diện Cá nhân. Để đảm bảo khả năng tương tác giữa các thiết bị khác nhau hỗ trợ công nghệ Bluetooth, hãy sử dụng các phụ kiện được Nokia phê chuẩn cho kiểu điện thoại này. Hãy kiểm tra với các nhà sản xuất của các thiết bị khác để xác định khả năng tương thích với thiết bị này.



Chú giải: Một cấu hình sẽ tương ứng với một dịch vụ hoặc một chức năng, và xác định cách thức các thiết bị khác có thể kết nối. Ví dụ, Cấu hình Loa nói trực tiếp được sử dụng để kết nối thiết bị loa nói trực tiếp và thiết bị di động. Để các thiết bị tương thích với nhau, chúng phải hỗ trợ cấu hình giống nhau.

Có thể có các hạn chế khi sử dụng công nghệ Bluetooth ở một số nơi. Hãy kiểm tra với nhà chúc trách địa phương hay nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Các tính năng sử dụng công nghệ Bluetooth hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt động ẩn trong khi đang sử dụng các tính năng khác sẽ làm hao pin và giảm thời gian hoạt động của pin.

Khi điện thoại được khóa, bạn không thể sử dụng kết nối Bluetooth. Xem phần “[Security](#)”, trên trang [115](#) để biết thêm thông tin về cách khóa thiết bị.

Cài đặt

Bấm  , và chọn **Tools > Bluetooth**. Khi bạn mở ứng dụng lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu xác định tên thiết bị. Sau khi đã kết nối Bluetooth và thay đổi **My phone's visibility** thành **Show to all**, những người sử dụng có thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth khác có thể nhìn thấy điện thoại và tên này của bạn.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Bluetooth—Chọn **On** hoặc **Off**. Để kết nối không dây với một thiết bị tương thích khác, trước tiên cài Bluetooth **On**, sau đó thiết lập kết nối.

My phone's visibility—Để cho phép các thiết bị có công nghệ không dây Bluetooth khác nhận thấy điện thoại của bạn, chọn **Show to all**. Để giấu không cho các thiết bị khác nhìn thấy, chọn **Hidden**.

My phone's name—Chỉnh sửa tên của điện thoại.

Remote SIM mode—Để cho phép một thiết bị khác, chẳng hạn như bộ phụ kiện tương thích sử dụng trên xe, sử dụng thẻ SIM trong điện thoại để kết nối vào mạng, chọn **On**.

Chế độ sử dụng SIM từ xa

Để sử dụng chế độ sử dụng SIM từ xa với một bộ phụ kiện tương thích sử dụng trên xe, bật kết nối Bluetooth, và cho phép sử dụng chế độ sử dụng SIM từ xa cùng với điện thoại của bạn. Trước khi có thể kích hoạt chế độ này, hai thiết bị phải được ghép với nhau và việc ghép được khởi tạo từ phụ kiện. Khi ghép, sử dụng mật mã gồm 16 chữ số, và cài phụ kiện là được phép. Xem phần “[Ghép nối thiết bị](#)”, trên trang [96](#). Kích hoạt chế độ sử dụng SIM từ xa từ phụ kiện.

Khi bật chế độ sử dụng SIM từ xa trong Nokia N73, **Remote SIM** sẽ được hiển thị ở chế độ chờ. Kết nối với mạng không dây sẽ bị ngắt, như được chỉ báo bởi biểu tượng  trong vùng chỉ báo cường độ tín hiệu, và bạn không thể sử dụng các dịch vụ thẻ SIM hay các chức năng đòi hỏi điện thoại nằm trong vùng phủ sóng.

Khi điện thoại ở chế độ sử dụng SIM từ xa, bạn chỉ có thể sử dụng một phụ kiện tương thích được kết nối, chẳng hạn như bộ phụ kiện sử dụng trên xe, để thực hiện hoặc nhận cuộc gọi. Điện thoại của bạn sẽ không thể gọi đi, trừ khi gọi cho những số khẩn cấp được lập trình trên máy, khi ở chế độ này. Để gọi đi từ điện thoại, trước tiên bạn phải tắt chế độ sử dụng SIM từ xa. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã để mở khóa trước.

Để tắt chế độ sử dụng SIM từ xa, bấm phím nguồn, và chọn **Exit rem. SIM mode**.

Các mẹo bảo mật

Khi bạn không sử dụng kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off** hoặc **My phone's visibility > Hidden**. Với cách này, bạn có thể kiểm soát tốt hơn những người có thể tìm được điện thoại của bạn qua công nghệ không dây Bluetooth và kết nối với điện thoại.

Không ghép nối với thiết bị lạ. Với cách này, điện thoại của bạn có thể được bảo vệ tốt hơn khỏi các nội dung có hại.

Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth

Bạn có thể kích hoạt nhiều kết nối Bluetooth cùng một thời điểm. Ví dụ, nếu bạn kết nối với một tai nghe tương thích, bạn cũng có thể truyền dữ liệu đến thiết bị tương thích khác cùng lúc.

Chi báo kết nối Bluetooth

- Khi  hiển thị ở chế độ chờ, có nghĩa là kết nối Bluetooth được bật.
- Khi biểu tượng  nháy nháy, điện thoại của bạn đang tìm cách kết nối với thiết bị khác.

- Khi biểu tượng  được hiển thị liên tục, dữ liệu đang được truyền qua kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Để gửi văn bản sử dụng kết nối Bluetooth, mở **Notes**, viết văn bản, và chọn **Options > Send > Via Bluetooth**.

- 1 Mở một ứng dụng có lưu mục mà bạn muốn gửi. Ví dụ, để gửi một hình ảnh đến một thiết bị tương thích khác, mở **Gallery**.
- 2 Chọn mục và chọn **Options > Send > Via Bluetooth**. Các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth trong phạm vi kết nối bắt đầu xuất hiện trên màn hình.

Các biểu tượng thiết bị:  máy tính,  điện thoại,  thiết bị âm thanh hoặc video, và  thiết bị khác.

Để hủy bỏ việc dò tìm, chọn **Stop**.

- 3 Chọn thiết bị bạn muốn kết nối đến.
- 4 Nếu thiết bị khác yêu cầu ghép nối trước khi có thể truyền dữ liệu, một âm báo sẽ phát ra, và bạn được yêu cầu nhập mã khóa. Xem phần “[Ghép nối thiết bị](#)”, trên trang 96.
- 5 Khi kết nối đã được thiết lập, thông báo **Sending data** sẽ hiển thị.

Thư mục **Sent** trong **Messaging** sẽ không lưu các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Khi đang dò tìm thiết bị, một vài thiết bị chỉ có thể hiển thị địa chỉ duy nhất (địa chỉ thiết bị). Để tìm địa chỉ duy nhất của điện thoại, nhập mã **#2820#** vào khi ở chế độ chờ.

Ghép nối thiết bị

Để mở giao diện các thiết bị đã ghép nối (*#82#), trong giao diện chính của ứng dụng **Bluetooth**, bấm .

Trước khi ghép nối, tạo mã khóa cho riêng bạn (1-16 số) và thỏa thuận với người dùng thiết bị khác để sử dụng cùng mã khóa. Những thiết bị không có giao diện người dùng có một mã khóa được cài trước. Một mã chỉ có thể sử dụng một lần.

Để ghép nối với một thiết bị, chọn **Options > New paired device**. Các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth trong phạm vi kết nối bắt đầu xuất hiện trên màn hình. Chọn thiết bị và nhập mã khóa vào. Bạn cũng cần nhập mã khóa này vào thiết bị kia. Sau khi ghép nối, thiết bị sẽ được lưu vào giao diện các thiết bị ghép nối.

Các thiết bị đã ghép được hiển thị bởi  trong mục tìm kiếm thiết bị.

Để gán hoặc không gán quyền cho thiết bị, di chuyển đến một thiết bị, và chọn **Options**, và chọn một trong những tùy chọn sau:

Set as authorised—Các kết nối giữa điện thoại và thiết bị này có thể được thực hiện mà bạn không biết. Bạn không cần chấp nhận hoặc ủy quyền. Sử dụng trạng thái này cho các thiết bị của bạn, ví dụ như tai nghe hoặc máy PC tương thích, hoặc các thiết bị của người mà bạn tin cậy.  cho biết các thiết bị được gán quyền trong giao diện thiết bị ghép nối.

Set as unauthorised—Yêu cầu kết nối từ thiết bị này phải được chấp nhận tuân tự.

Để hủy một ghép nối, di chuyển đến thiết bị và chọn **Options > Delete**. Nếu bạn muốn hủy tất cả các ghép nối, chọn **Options > Delete all**.

 **Mẹo!** Nếu bạn đang kết nối với một thiết bị và xóa ghép nối với thiết bị đó, ghép nối sẽ được xóa ngay và kết nối sẽ bị ngừng.

Nhận dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth

Khi bạn nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth, một âm báo sẽ phát ra và máy sẽ hỏi bạn có muốn nhận tin nhắn không. Nếu bạn chấp nhận, biểu tượng sẽ hiển thị và mục này sẽ được đặt vào thư mục **Inbox** trong **Messaging**. Các tin nhắn nhận được qua Bluetooth được chỉ báo bằng . Xem phần "Hộp thư đến—nhận tin nhắn", trên trang 60.

Tắt kết nối Bluetooth

Để tắt kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off**.

Kết nối hồng ngoại

Qua hồng ngoại, bạn có thể truyền dữ liệu như danh thiếp, ghi chú lịch, và các tập tin media với một thiết bị tương thích.

Không nên hướng tia IR (hồng ngoại) vào mắt hoặc làm nhiễu sóng các thiết bị IR khác. Thiết bị này là sản phẩm laser Cấp 1.

Gửi và nhận dữ liệu qua hồng ngoại

- Bảo đảm rằng cổng hồng ngoại của các thiết bị gửi và nhận đang hướng vào nhau, và không có vật cản nào giữa các thiết bị. Khoảng cách tối ưu giữa hai thiết bị tối đa là 1 mét (3 phút).
- Người nhận sẽ kích hoạt cổng hồng ngoại. Để khởi động cổng hồng ngoại của điện thoại để nhận dữ liệu qua hồng ngoại, bấm , và chọn **Tools > Infrared**.
- Người gửi sẽ chọn chức năng hồng ngoại theo ý muốn để bắt đầu truyền dữ liệu. Để gửi dữ liệu qua hồng ngoại, tìm tập tin muốn gửi trong một ứng dụng hoặc trình quản lý tập tin, và chọn **Options > Send > Via infrared**.

Nếu việc truyền dữ liệu không bắt đầu trong vòng 1 phút sau khi khởi động cổng hồng ngoại, việc kết nối sẽ bị hủy và phải được bắt đầu lại.

Tất cả các mục nhận được qua hồng ngoại sẽ được chuyển vào thư mục **Inbox** trong **Messaging**. Tin nhắn hồng ngoại mới được chỉ báo bằng .

Khi nháy nháy, điện thoại sẽ tìm cách kết nối với thiết bị khác hoặc kết nối đã bị mất.

Khi biểu tượng hiển thị liên tục, kết nối hồng ngoại đã được kích hoạt và điện thoại sẵn sàng gửi và nhận dữ liệu qua cổng hồng ngoại.



Data cable

Bấm , và chọn **Tools > Data cbl.**. Trong menu **Data cable mode**, chọn mục đích sử dụng kết nối cáp dữ liệu USB: **Media Player**, **PC Suite**, hoặc **Mass storage**. Để cài điện thoại hỏi mục đích kết nối mỗi lần cáp được nối, chọn **Ask on connection**.

Kết nối PC

Bạn có thể sử dụng điện thoại với các chương trình ứng dụng đa dạng của các truyền thông dữ liệu và kết nối với máy PC tương thích. Với bộ Nokia PC Suite bạn có thể, ví dụ, truyền hình ảnh giữa điện thoại của bạn và một máy PC tương thích.

Luôn tạo kết nối từ máy PC để đồng bộ dữ liệu với điện thoại.

Điện thoại của bạn như một modem

Bạn có thể sử dụng điện thoại làm modem để gửi và nhận e-mail, hoặc để kết nối vào Internet qua một máy PC tương thích bằng cách sử dụng một kết nối Bluetooth, hoặc cáp dữ liệu USB (dịch vụ mạng).

Bạn có thể tìm thấy các hướng dẫn cài đặt chi tiết trong hướng dẫn sử dụng dành cho Nokia PC Suite.

Mẹo! Để kết nối điện thoại và máy PC tương thích và để sử dụng Nokia PC Suite trong lần kết nối đầu tiên, hãy sử dụng chức năng Nokia PC Suite wizard hiện có trong Nokia PC Suite.



Quản lý kết nối

Bấm , và chọn **Tools > Conn. mgr.**. Để xem tình trạng của các kết nối dữ liệu hoặc ngừng kết nối trong mạng GSM và UMTS, chọn **Act. data conn.**

Kết nối dữ liệu

Trong giao diện các kết nối hoạt động, bạn có thể xem các kết nối dữ liệu mở: cuộc gọi dữ liệu (**D**), và kết nối dữ liệu gói () hoặc ().



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để ngừng một kết nối, chọn **Options > Disconnect**. Để đóng tất cả các kết nối đang mở, chọn **Options > Disconnect all**.

Để xem chi tiết của một phiên kết nối, chọn **Options > Details**. Các chi tiết được hiển thị tùy thuộc vào loại kết nối.



Đồng bộ hóa

Bấm  , và chọn **Tools > Sync**. Ứng dụng **Sync** cho phép bạn đồng bộ ghi chú, lịch, hoặc danh bạ với các ứng dụng lịch và danh bạ tương thích khác nhau trên máy tính tương thích hoặc trên Internet. Bạn cũng có thể tạo hoặc chỉnh sửa các cài đặt đồng bộ hóa.

Ứng dụng đồng bộ sử dụng công nghệ SyncML để đồng bộ. Để có thêm thông tin về tính tương thích SyncML, xin liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng mà bạn muốn đồng bộ dữ liệu của điện thoại.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt đồng bộ dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)", trên trang [61](#).

Đồng bộ dữ liệu

Trong giao diện chính của **Sync**, bạn có thể thấy các cấu hình đồng bộ khác nhau. Một cấu hình đồng bộ chứa các cài đặt cần thiết, ví dụ như loại ứng dụng sẽ được đồng bộ, để đồng bộ dữ liệu trên điện

thoại với một cơ sở dữ liệu từ xa trên server hoặc thiết bị tương thích.

- Chọn một cấu hình đồng bộ và **Options > Synchronise**. Tình trạng đồng bộ sẽ hiển thị trên màn hình.
Để hủy quá trình đồng bộ trước khi kết thúc, chọn **Cancel**.
- Bạn sẽ được thông báo khi quá trình đồng bộ hoàn tất. Chọn **Yes** để xem tập tin báo cáo cho biết tình trạng đồng bộ và số mục nhập đã được thêm vào, cập nhật, xóa, hoặc hủy (không đồng bộ) trong điện thoại của bạn hoặc trên server.



Trình quản lý thiết bị

Bấm  , và chọn **Tools > Dev. mgr..** Bạn có thể nhận các cấu hình server và các thông số cài đặt cấu hình khác nhau từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ hoặc bộ phận quản lý thông tin của công ty. Các thông số cài đặt cấu hình này có thể bao gồm các cài đặt điểm truy cập để kết nối dữ liệu và các cài đặt khác được sử dụng bởi các ứng dụng khác trong điện thoại.

Để kết nối với server và nhận thông số cài đặt cấu hình cho điện thoại, di chuyển đến một cấu hình và chọn **Options > Start configuration**.

Cài đặt cấu hình server

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Server name—Nhập tên server cấu hình.

Server ID—Nhập mã ID để xác nhận server cấu hình.

Server password—Nhập mật mã để nhận dạng điện thoại với server.

Access point—Chọn một điểm truy cập sẽ được sử dụng khi kết nối với server.

Host address—Nhập địa chỉ URL của server.

Port—Nhập số cổng của server.

User name và Password—Nhập tên thuê bao và mật mã của bạn.

Allow configuration—Để nhận cài đặt cấu hình từ server, chọn **Yes**.

Auto-accept all reqs.—Nếu bạn muốn điện thoại yêu cầu xác nhận trước khi nhận một cấu hình từ server, chọn **No**.

Network authentic.—Chọn sử dụng hoặc không sử dụng xác thực mạng.

Network user name và **Network password**—Nhập tên thuê bao và mật mã của bạn để xác nhận

điện thoại của bạn với server. Các tùy chọn này sẽ chỉ hiển thị khi sử dụng xác thực mạng.

Các ứng dụng văn phòng

Máy tính



Để cộng, trừ, nhân, chia, tính căn bậc hai và tỷ lệ phần trăm, bấm , và chọn **Office > Calculator**.

Lưu ý: Máy tính có độ chính xác giới hạn và được thiết kế để thực hiện các phép tính đơn giản.



Bộ chuyển đổi

Để chuyển đổi các số đo từ một đơn vị về một đơn vị khác, bấm , và chọn **Office > Converter**.

Converter có độ chính xác giới hạn, và có thể có các lỗi làm tròn.

- Trong trường **Type**, chọn số đo bạn muốn sử dụng.
- Trong trường **Unit** đầu tiên, chọn đơn vị bạn muốn chuyển đổi. Trong trường **Unit** kế tiếp, chọn đơn vị bạn muốn đổi ra.

3 Trong trường **Amount** đầu tiên, nhập giá trị bạn muốn chuyển đổi. Các trường **Amount** khác sẽ tự động thay đổi để hiển thị giá trị chuyển đổi.

Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi

Chọn **Type > Currency > Options > Currency rates**. Trước khi thực hiện chuyển đổi tiền tệ, bạn cần chọn một loại tiền tệ cơ sở và thêm các tỉ giá chuyển đổi. Tỷ giá của tiền tệ gốc luôn là 1.

Lưu ý: Khi thay đổi tiền tệ gốc, bạn phải nhập tỉ giá mới vào vì tất cả các tỉ giá được cài trước đó sẽ bị xóa.



Ghi chú

Để viết ghi chú, bấm , và chọn **Office > Notes**. Bạn có thể gửi ghi chú đến các thiết bị tương thích, và lưu các tập văn bản đơn giản (dạng .txt) nhận được vào **Notes**.

Để in một ghi chú lịch trên một máy in tương thích có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options > Print**.



Máy ghi âm

Để ghi một memo thoại, bấm , và chọn **Office > Recorder**. Để ghi một cuộc trò chuyện điện thoại, mở **Voice recorder** trong khi nói chuyện điện thoại. Cả người gọi và người nhận sẽ nghe một âm báo mỗi 5 giây khi ghi âm.



Quickoffice

Để sử dụng các ứng dụng của Quickoffice, bấm , và chọn **Office > Quickoffice**. Danh sách các tập tin dưới dạng .doc, .xls, và .ppt đã lưu trong điện thoại trong thư mục C:\Data\Documents và E:\Documents và các thư mục phụ trong thẻ nhớ sẽ mở ra.

Để mở một tập tin trong ứng dụng tương ứng, bấm . Để sắp xếp các tập tin, chọn **Options > Sort files**.

Để mở ứng dụng **Quickword**, **Quicksheet**, hoặc **Quickpoint**, bấm để đến cửa sổ bạn muốn.

Quickword

Với **Quickword**, bạn có thể đọc các tài liệu dạng Microsoft Word trên màn hình điện thoại.

Quickword hỗ trợ màu, in đậm, in nghiêng, và gạch chân.

Quickword hỗ trợ đọc các tài liệu lưu dưới dạng .doc trong Microsoft Word 97 hoặc phiên bản mới hơn. Ứng dụng này chỉ hỗ trợ một số biến thể hoặc tính năng liên quan đến các dạng tập tin nói trên.

Xem thêm phần “[Thông tin thêm](#)”, trên trang [104](#).

Xem tài liệu dạng Word

Để di chuyển trong tài liệu, sử dụng phím di chuyển.

Để tìm tài liệu có chứa một đoạn văn bản, chọn **Options > Search**.

Bạn cũng có thể chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Go to—để di chuyển đến phần đầu, phần cuối, hoặc vị trí được chọn của tài liệu.

Zoom—Để phóng to hoặc thu nhỏ.

Start Autoscroll—để tự động di chuyển qua tài liệu. Để ngừng di chuyển, bấm .

Quicksheet

Với **Quicksheet**, bạn có thể đọc các tập tin Microsoft Excel trên màn hình điện thoại.

Quicksheet hỗ trợ đọc các tập tin bảng tính lưu dưới dạng .xls trong Microsoft Excel 97 hoặc phiên bản mới hơn. Ứng dụng này chỉ hỗ trợ một số biến thể hoặc tính năng liên quan đến các dạng tập tin nói trên.

Xem thêm phần “[Thông tin thêm](#)”, trên trang [104](#).

Xem các bảng tính

Để di chuyển trong bảng tính, sử dụng phím di chuyển.

Để chuyển giữa các bảng tính, chọn **Options > Pan**.

Để tìm bảng tính có chứa một đoạn văn bản trong một giá trị hoặc công thức, chọn **Options > Find**.

Để thay đổi dạng hiển thị của bảng tính, chọn **Options** và chọn các tùy chọn sau:

Zoom—Để phóng to hoặc thu nhỏ.

Freeze panes—Để luôn hiển thị hàng, cột được chọn, hoặc cả hai khi di chuyển trong bảng tính.

Resize—để hiệu chỉnh kích thước của các cột hoặc các hàng.

Quickpoint

Với **Quickpoint**, bạn có thể đọc các thuyết trình Microsoft PowerPoint trên màn hình điện thoại.

Quickpoint hỗ trợ đọc các tập tin thuyết trình dạng .ppt do Microsoft Powerpoint 2000 hoặc phiên bản mới hơn tạo ra. Ứng dụng này chỉ hỗ trợ một số biến thể hoặc tính năng liên quan đến các dạng tập tin nói trên.

Xem thêm phần “[Thông tin thêm](#)”, trên trang [104](#).

Xem tập tin thuyết trình

Để di chuyển giữa giao diện trang, bố cục, và ghi chú, bấm  hoặc .

Để di chuyển đến trang kế tiếp hoặc trang trước trong phần thuyết trình, bấm  hoặc .

Để xem thuyết trình ở chế độ vừa màn hình, chọn **Options > Full screen**.

Để mở rộng các mục trong bộ cục phần thuyết trình ở chế độ xem theo dạng bộ cục, chọn **Options > Outline > Expand entry**.

Thông tin thêm

Nếu bạn gặp vấn đề với **Quickword**, **Quicksheet**, hoặc **Quickpoint**, hãy ghé thăm trang web www.quickoffice.com để có thêm thông tin. Bạn cũng có thể yêu cầu trợ giúp bằng cách gửi e-mail đến địa chỉ supportS60@quickoffice.com.



Adobe Reader

Bạn có thể đọc tài liệu PDF qua màn hình trên thiết bị của bạn bằng ứng dụng Adobe Reader.

Ứng dụng này được đặc biệt thiết kế xem nội dung các tài liệu PDF trên điện thoại di động và các thiết bị di động khác, và cung cấp bộ các tính năng đa dạng tương ứng các phiên bản dùng trên máy tính.

Để truy cập và mở tài liệu:

- Bấm  , và chọn **Office > Adobe PDF**. Chọn **Options > Browse for file** để duyệt và mở các tài liệu lưu trên bộ nhớ thiết bị và trên thẻ nhớ tương thích.

- Mở tập tin đính kèm e-mail trong tin nhắn e-mail vừa nhận (dịch vụ mạng).
- Sử dụng kết nối Bluetooth để gửi tài liệu bằng vào **Inbox** trong **Messaging**.
- Dùng **File manager** để duyệt và mở các tài liệu lưu trên bộ nhớ thiết bị và trên thẻ nhớ.
- Duyệt các trang Web. Bạn cần đảm bảo rằng đã cài đặt truy cập Internet cho thiết bị của bạn trước khi duyệt. Xem phần “[Access points](#)”, trên trang [113](#).

Quản lý các tập tin PDF

Để duyệt và quản lý các tập tin PDF, bấm  , và chọn **Office > Adobe PDF**. Các tập tin gần nhất của bạn được liệt kê trong màn hình xem tập tin. Để mở tài liệu, di chuyển đến tài liệu này và bấm .

Bạn cũng có thể chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Browse for file—để duyệt các tập tin PDF trong bộ nhớ thiết bị hoặc trên thẻ nhớ tương thích.

Settings—để chỉnh sửa chế độ xem tài liệu PDF và mức phóng to/thu nhỏ mặc định.

Xem các tập tin PDF

Khi đã mở tập tin PDF, chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Zoom—để phóng to, thu nhỏ hoặc chỉnh trang theo tỷ lệ phần trăm. Bạn cũng có thể thay đổi kích thước tài liệu cho bằng bề ngang màn hình, hoặc chỉnh trang PDF cho vừa với màn hình.

Find—để tìm một đoạn nội dung trong tài liệu.

View—để xem tài liệu ở chế độ vừa màn hình. Bạn cũng có thể xoay tài liệu PDF sang phải hoặc sang trái một góc 90 độ.

Go to—để di chuyển đến trang cuối cùng, trang đầu tiên, trang trước, trang kế tiếp hoặc trang bạn chọn.

Save—để lưu tập tin vào bộ nhớ thiết bị hoặc thẻ nhớ tương thích.

Settings—để chỉnh sửa chế độ xem mặc định và mức phóng to/thu nhỏ mặc định.

Details—để xem các đặc tính của tài liệu PDF.

Thông tin thêm

Để biết thêm thông tin, xem trên trang web www.adobe.com.

Để chia sẻ các thông tin, ý kiến hoặc thắc mắc về ứng dụng này, hãy vào diễn đàn dành cho người sử dụng Adobe Reader trên hệ điều hành Symbian tại địa chỉ <http://adobe.com/support/forums/main.html>.

Cài đặt riêng điện thoại

- Để sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh đến các ứng dụng được sử dụng thường xuyên, xem phần “[Chế độ Active standby](#)”, trên trang 109.
- Để thay đổi hình nền ở chế độ chờ hoặc nội dung hiển thị trong màn hình riêng, xem phần “[Thay đổi giao diện điện thoại](#)”, trên trang 108.
- Để cài đặt riêng kiểu chuông, xem phần “[Profiles—cài âm báo](#)”, trên trang 106 và phần “[Gán nhạc chuông cho các số liên lạc](#)”, trên trang 72.
- Để thay đổi các phím tắt được gán cho các hướng di chuyển khác nhau của phím di chuyển và các phím chọn trái và phải khi ở chế độ chờ, xem phần “[Standby mode](#)”, trên trang 111.
- Để thay đổi đồng hồ hiển thị ở chế độ chờ, bấm  , và chọn [Applications > Clock > Options > Settings > Clock type](#) > [Analogue](#) hoặc [Digital](#).



- Để thay lời chào bằng một hình tĩnh hoặc một hình động, bấm  , và chọn [Tools > Settings > Phone > General > Welcome note / logo](#).
- Để thay đổi kiểu xem menu chính, trong menu chính, chọn [Options > Change view > Grid](#) hoặc [List](#).
- Để sắp xếp lại menu chính, trong menu chính, chọn [Options > Move, Move to folder](#), hoặc [New folder](#). Bạn có thể di chuyển các ứng dụng ít sử dụng vào trong các thư mục và sắp xếp các ứng dụng thường dùng vào menu chính.



Profiles—cài âm báo

Để cài đặt và tùy chỉnh nhạc chuông, âm báo tin nhắn, và các âm báo khác cho các sự kiện, môi trường, hoặc nhóm người gọi đến khác nhau, bấm  , và chọn [Tools > Profiles](#).

Để thay đổi cấu hình, bấm  khi ở chế độ chờ. Di chuyển đến cấu hình bạn muốn kích hoạt và chọn [OK](#).

Để chỉnh sửa một cấu hình, bấm  , và chọn [Tools > Profiles](#). Di chuyển đến cấu hình, và chọn

Options > Personalise. Di chuyển đến cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm  để mở các tùy chọn. Các nhạc chuông lưu trữ trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng . Bạn có thể xem qua danh sách nhạc chuông và nghe từng giai điệu trước khi quyết định chọn. Bấm phím bất kỳ để ngừng âm báo.

Khi bạn chọn một kiểu chuông, **Tone downloads** (dịch vụ mạng) sẽ mở một danh sách các chủ mục. Bạn có thể chọn một chủ mục và bắt đầu kết nối với trang Web để tải các kiểu chuông đó về.

Nếu bạn muốn điện thoại đọc tên người gọi khi đổ chuông, chọn **Options > Personalise**, và cài **Say caller's name** là **On**. Tên người gọi phải được lưu trong **Contacts**.

Để tạo một cấu hình mới, chọn **Options > Create new**.

Cấu hình không trực tuyến

Cấu hình **Offline** cho phép bạn sử dụng điện thoại mà không cần kết nối với mạng không dây. Khi bạn kích hoạt cấu hình **Offline** kết nối với mạng vô tuyến sẽ tắt và được chỉ báo bằng thanh chỉ báo cường độ tín hiệu . Tất cả tín hiệu RF vô tuyến đi và đến điện thoại đều bị cấm. Nếu bạn cố gửi tin nhắn, chúng sẽ được đưa vào hộp thư đi để gửi sau.



Cảnh báo: Trong cấu hình không trực tuyến, bạn không thể gọi (hoặc nhận) bất kỳ cuộc gọi nào, ngoại trừ gọi đến các số khẩn cấp nhất định, hoặc sử dụng các tính năng khác yêu cầu có mạng phủ sóng. Để gọi điện, bạn phải kích hoạt chức năng của điện thoại trước bằng cách thay đổi các cấu hình. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã khóa vào.

Để thoát khỏi cấu hình **Offline**, bấm phím nguồn, và chọn một cấu hình khác. Điện thoại sẽ kích hoạt lại các phiên truyền vô tuyến (với điều kiện cường độ tín hiệu đủ mạnh). Nếu kết nối Bluetooth được kích hoạt trước khi vào cấu hình **Offline**, kết nối này sẽ bị ngắt. Kết nối Bluetooth sẽ tự động được kích hoạt trở lại sau khi thoát khỏi cấu hình **Offline**. Xem phần “**Cài đặt**”, trên trang 94.



3-D tones

Bấm , và chọn **Applications > 3-D tones**.

Với **3-D tones** bạn có thể bật các hiệu ứng âm thanh ba chiều cho các kiểu chuông. Không phải tất cả các kiểu chuông đều hỗ trợ hiệu ứng 3-D.

Để bật hiệu ứng 3-D, chọn **3-D ringing tone effects > On**. Để thay đổi kiểu chuông, di chuyển

đến kiểu chuông được hiển thị, bấm  , và chọn kiểu chuông bạn muốn.

Để thay đổi hiệu ứng 3-D áp dụng cho kiểu chuông này, chọn **Sound trajectory** và chọn hiệu ứng bạn muốn. Để chỉnh sửa hiệu ứng, chọn một trong các cài đặt sau:

Trajectory speed—Chọn tốc độ âm thanh di chuyển từ hướng này sang hướng khác. Cài đặt này không có cho tất cả các kiểu chuông.

Reverberation—Để điều chỉnh mức tiếng vọng, chọn hiệu ứng bạn muốn từ danh sách.

Doppler effect—Chọn **On** để cài kiểu chuông phát cao hơn khi bạn ở gần điện thoại hơn, và thấp hơn khi bạn ở xa điện thoại hơn. Khi bạn đến gần điện thoại hơn, kiểu chuông sẽ có vẻ trở nên cao hơn, và thấp hơn khi bạn dời xa điện thoại. Cài đặt này không có cho tất cả các kiểu chuông.

Xin lưu ý **Trajectory speed** và **Doppler effect** không khả dụng cho tất cả các hiệu ứng trong **Sound trajectory**.

Để nghe kiểu chuông có hiệu ứng 3-D, chọn **Options > Play tone**.

Nếu bật âm 3-D nhưng bạn không chọn bất kỳ hiệu ứng 3-D nào, hiệu ứng tăng âm stereo sẽ được áp dụng cho kiểu chuông này.

Để điều chỉnh âm lượng của kiểu chuông, chọn **Tools > Profiles > Options > Personalise > Ringing volume**.



Thay đổi giao diện điện thoại

Để thay đổi giao diện màn hình điện thoại, ví dụ như hình nền và các biểu tượng, bấm  , và chọn

Tools > Themes. Chủ đề hiện hành được chỉ báo bằng  . Trong **Themes**, bạn có thể nhóm các phần tử từ các chủ đề khác hoặc chọn các hình ảnh trong **Gallery** để cá nhân hóa chủ đề hơn nữa.

Các chủ đề trên thẻ nhớ (nếu có) được chỉ báo bằng biểu tượng  . Các chủ đề trên thẻ nhớ sẽ không khả dụng khi thẻ nhớ không được lắp vào điện thoại. Nếu bạn muốn sử dụng các chủ đề được lưu trong thẻ nhớ mà không cần đến thẻ nhớ, lưu các chủ đề này vào bộ nhớ điện thoại trước.

Để mở một kết nối trình duyệt và tải về thêm nhiều chủ đề, chọn **Theme downloads** (dịch vụ mạng).



Chú ý: Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng an toàn và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Để kích hoạt một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó, và chọn **Options > Apply**. Để xem một chủ đề trước khi kích hoạt, chọn **Options > Preview**.

Để chỉnh sửa các chủ đề, di chuyển đến một chủ đề, và chọn **Options > Edit** để thay đổi **Wallpaper** và cài đặt **Power saver**.

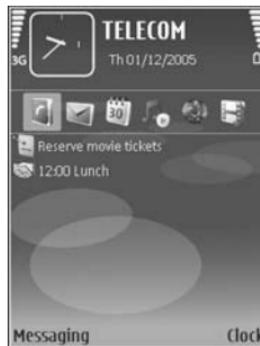
Để khôi phục chủ đề được chọn trở về cài đặt gốc, chọn **Options > Restore orig. theme** khi bạn chỉnh sửa một chủ đề.

Chế độ Active standby

Sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh vào các ứng dụng bạn thường sử dụng. Theo mặc định, chế độ chờ sẽ được bật.

Bấm  , chọn **Tools > Settings > Phone > Standby mode > Active standby**, và bấm  để bật hoặc tắt chế độ chờ.

Màn hình chờ sẽ được hiển thị với các ứng dụng mặc định ở phía trên màn hình, và lịch, công việc,



Thùng In, và các sự kiện của trình phát được liệt kê bên dưới.

Di chuyển đến một ứng dụng hoặc sự kiện và bấm .

Bạn không thể sử dụng các phím tắt của phím di chuyển chuẩn ở chế độ chờ khi chế độ chờ đang được kích hoạt.

Để thay đổi phím tắt của ứng dụng mặc định, bấm  , chọn **Tools > Settings > Phone > Standby mode > Active standby apps.**, và bấm .

Một số phím tắt đã được cài cố định và bạn không thể thay đổi các phím tắt này.

Tools

Settings

Để thay đổi cài đặt, bấm  và chọn **Tools > Settings**. Để mở một nhóm cài đặt, bấm . Di chuyển đến một cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm .

Nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể cài sẵn một số cài đặt cho điện thoại, và có khả năng bạn không thể thay đổi các cài đặt này.

Phone

General

Phone language—Việc thay đổi ngôn ngữ của văn bản hiển thị trên điện thoại cũng sẽ ảnh hưởng đến dạng hiển thị ngày giờ và các dấu phân cách được sử dụng, ví dụ như trong các phép tính. **Automatic** chọn ngôn ngữ theo thông tin trên thẻ SIM. Sau khi thay đổi ngôn ngữ văn bản hiển thị, điện thoại sẽ khởi động lại.

Việc thay đổi các cài đặt của **Phone language** hoặc **Writing language** sẽ ảnh hưởng lên mọi ứng dụng trong máy và những thay đổi vẫn có hiệu lực cho đến khi bạn lại thay đổi các cài đặt này lần nữa.

Writing language—Việc thay đổi ngôn ngữ cũng tác động đến các ký tự và ký tự đặc biệt được sử dụng khi soạn thảo văn bản cũng như khi sử dụng từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán.

Predictive text—Cài kiểu nhập văn bản tiên đoán là **On** hoặc **Off** cho tất cả các chương trình chỉnh sửa trên điện thoại. Từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ không có sẵn cho tất cả ngôn ngữ.

Welcome note / logo—Lời chào hoặc biểu tượng sẽ được hiển thị nhanh mỗi khi bạn bật điện thoại. Chọn **Default** để sử dụng hình ảnh mặc định, **Text** để nhập lời chào, hoặc **Image** để chọn một hình ảnh trong **Gallery**.

Orig. phone settings—Bạn có thể cài lại một số cài đặt trở về giá trị ban đầu. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần “**Security**”, “**Phone and SIM**”, trên trang 116. Sau khi cài đặt lại, điện thoại có thể khởi động lâu hơn. Các tài liệu và tập tin sẽ không bị ảnh hưởng.

Standby mode

Active standby—Sử dụng các phím tắt tới các ứng dụng ở chế độ chờ. Xem phần “[Chế độ Active standby](#)”, trên trang 109.

Left selection key—Gán một phím tắt cho phím chọn trái (↙) ở chế độ chờ.

Right selection key—Gán một phím tắt cho phím chọn phải (↘) ở chế độ chờ.

Active standby apps.—Chọn các phím tắt của ứng dụng bạn muốn hiển thị ở chế độ chờ. Cài đặt này chỉ có khi chế độ **Active standby** được bật.

Bạn cũng có thể gán các phím tắt trên bàn phím cho những thao tác khác nhau trên phím di chuyển. Phím tắt trên phím di chuyển sẽ không có hiệu lực khi điện thoại bật chế độ chờ.

Operator logo—Cài đặt này chỉ khả dụng nếu bạn đã nhận và lưu một logo mạng. Chọn **Off** nếu bạn không muốn hiển thị logo này.

Display

Light sensor—Bấm ◀ hoặc ▶ để thay đổi chế độ cảm biến ánh sáng, và tăng hoặc giảm độ sáng của màn hình.

Power saver time-out—Chọn thời gian chờ mà sau đó trình tiết kiệm điện sẽ được kích hoạt.

Sleep mode—Chọn tắt hoặc không tắt màn hình để tiết kiệm nguồn pin 20 phút sau khi trình tiết kiệm điện được kích hoạt. Khi màn hình tắt, đèn LED nhấp nháy để cho biết điện thoại vẫn đang bật.

Light time-out—Chọn thời gian mà sau đó đèn nền trên màn hình sẽ tắt.

Call settings

Send my caller ID—Bạn có thể cài hiển thị (**Yes**) hoặc ẩn (**No**) số điện thoại của bạn trên máy của người mà bạn đang gọi, hoặc giá trị này có thể được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cài đặt trước khi bạn đăng ký thuê bao (**Set by network**) (dịch vụ mạng).

Call waiting—Nếu bạn đã kích hoạt chức năng cuộc gọi chờ (dịch vụ mạng), mạng sẽ thông báo cho bạn biết có cuộc gọi mới trong khi đang gọi. Bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) chức năng chức năng cuộc gọi chờ, hoặc kiểm tra xem chức năng này có được kích hoạt hay không (**Check status**).

Reject call with SMS—Chọn **Yes** để gửi tin nhắn văn bản đến người gọi nhằm thông báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Xem phần “[Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi](#)”, trên trang 81.

Message text—Viết đoạn văn bản sẽ được gửi dưới dạng tin nhắn văn bản khi bạn từ chối một cuộc gọi.

Image in video call—Nếu video không được gửi trong một cuộc gọi video, bạn có thể chọn một hình tĩnh để hiển thị thay cho video.

Automatic redial—Chọn **On**, và điện thoại sẽ cố gọi lại tối đa 10 lần sau lần gọi không thành công. Để ngừng chức năng gọi lại tự động, bấm .

Summary after call—Kích hoạt cài đặt này để điện thoại hiển thị vẫn tắt thời lượng xấp xỉ của cuộc gọi sau cùng.

Speed dialling—Chọn **On**, bấm và giữ phím này để quay các số điện thoại đã được gán cho các phím quay nhanh (**2 – 9**). Xem thêm phần “[Quay nhanh một số điện thoại](#)”, trên trang 75.

Anykey answer—Chọn **On**, và bạn có thể trả lời cuộc gọi đến bằng cách bấm nhanh phím bất kỳ, ngoại trừ phím  ,  ,  , và  .

Line in use—Cài đặt này (dịch vụ mạng) chỉ được hiển thị khi thẻ SIM hỗ trợ hai số thuê bao, nghĩa là có hai số điện thoại thuê bao. Chọn **số điện thoại**

bạn muốn sử dụng để thực hiện cuộc gọi và gửi tin nhắn văn bản. Bạn có thể trả lời cuộc gọi trên cả hai số máy bất kể đã chọn số máy nào. Nếu bạn chọn **Line 2** nhưng chưa thuê bao dịch vụ mạng này, bạn sẽ không thực hiện được cuộc gọi. Khi số máy 2 được chọn, **2** sẽ hiển thị khi ở chế độ chờ.

 **Mẹo!** Để chuyển đổi giữa các số máy, bấm và giữ **#** khi ở chế độ chờ.

Line change—Để ngăn việc lựa chọn số thuê bao (dịch vụ mạng), chọn **Disable** nếu được thẻ SIM hỗ trợ. Để thay đổi cài đặt này, bạn cần mã PIN2.

Connection

Kết nối dữ liệu và điểm truy cập

Điện thoại của bạn hỗ trợ các kết nối truyền dữ liệu gói (dịch vụ mạng), ví dụ như GPRS trong mạng GSM. Khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS, các kết nối đa dữ liệu có thể được kích hoạt cùng lúc và các điểm truy cập có thể dùng chung một kết nối dữ liệu. Trong mạng UMTS, kết nối dữ liệu vẫn được duy trì trong khi diễn ra các cuộc gọi thoại.

Để thiết lập một kết nối dữ liệu, bạn cần phải có một điểm truy cập. Bạn có thể xác định nhiều điểm truy cập khác nhau, ví dụ như:

- Điểm truy cập MMS dùng để gửi và nhận tin nhắn đa phương tiện,
- Điểm truy cập dành cho ứng dụng Web để xem các trang WML hoặc XHTML.
- Điểm truy cập (IAP) dùng để gửi và nhận e-mail và kết nối vào Internet.

Đối với các dịch vụ bạn muốn truy cập, bạn cần phải tham khảo ý kiến nhà cung cấp dịch vụ về loại điểm truy cập. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ kết nối dữ liệu gói, hãy liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Access points

Bạn có thể nhận cài đặt điểm truy cập dưới dạng tin nhắn từ nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần “**Dữ liệu và các thông số cài đặt**”, trên trang 61. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng. Biểu tượng cho biết điểm truy cập được bảo vệ, và cho biết điểm truy cập dữ liệu gói.

Để tạo một điểm truy cập mới, chọn **Options > New access point**. Chọn **Use default settings** để sử

dụng cài đặt điểm truy cập mặc định, hoặc chọn **Use existing settings** để chọn một điểm truy cập làm cơ sở cho điểm truy cập mới.

Để chỉnh sửa cài đặt cho một điểm truy cập, chọn **Options > Edit**. Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

Connection name—Đặt tên mô tả cho kết nối.

Data bearer—Chọn kiểu kết nối dữ liệu.

Tùy thuộc vào kiểu kết nối dữ liệu bạn chọn, chỉ có một số trường cài đặt có thể sử dụng. Điện tắt cả các trường được đánh dấu bằng đoạn **Must be defined**, hoặc có dấu hoa thị màu đỏ. Các trường khác có thể để trống, trừ phi bạn được nhà cung cấp dịch vụ hướng dẫn làm cách khác.

Để có thể sử dụng kết nối dữ liệu, nhà cung cấp dịch vụ mạng phải hỗ trợ chức năng này, và nếu cần, kích hoạt chức năng này bằng thẻ SIM của bạn.

Dữ liệu gói

Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

Access point name—Bạn có thể nhận tên điểm truy cập do nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

User name—Máy sẽ yêu cầu tên thuê bao để thiết lập kết nối dữ liệu, và tên thuê bao này thường do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Prompt password—Nếu bạn muốn nhập mật mã mỗi khi đăng nhập vào server, hoặc nếu bạn muốn lưu mật mã vào máy, chọn **Yes**.

Password—Máy sẽ yêu cầu mật mã để thiết lập kết nối dữ liệu, và mật mã này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Authentication—Chọn **Normal** hoặc **Secure**.

Homepage—Tùy thuộc vào điểm truy cập bạn đang thiết lập, nhập địa chỉ trang Web hoặc địa chỉ của trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Chọn **Options > Advanced settings** để thay đổi các thông số cài đặt cấu hình sau:

Network type—Chọn loại giao thức Internet để sử dụng: **IPv4** hoặc **IPv6**. Các thông số cài đặt khác tùy thuộc vào loại mạng được chọn.

Phone IP address (chỉ IPv4)—Nhập địa chỉ IP của điện thoại.

DNS address—Trong **Primary DNS address**, nhập địa chỉ IP của server DNS chính. Trong **Secondary DNS addr.**, nhập địa chỉ IP của server DNS thứ hai. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để có các địa chỉ này.

Proxy serv. address—Xác định địa chỉ của server proxy.

Proxy port number—Nhập số cổng proxy.

Packet data

Các cài đặt dữ liệu gói ánh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng kết nối truyền dữ liệu.

Packet data conn.—Nếu bạn chọn **When available** và bạn đang ở trong mạng có hỗ trợ dữ liệu gói, điện thoại sẽ đăng ký vào mạng để truyền dữ liệu. Việc bắt đầu một kết nối dữ liệu gói hiện hành (ví dụ để gửi và nhận e-mail) sẽ được thực hiện nhanh hơn. Nếu không nằm trong vùng phủ sóng của dịch vụ dữ liệu, điện thoại sẽ tìm cách khởi tạo một kết nối dữ liệu gói theo định kỳ. Nếu bạn chọn **When needed**, điện thoại sẽ chỉ sử dụng kết nối truyền dữ liệu khi nào bạn kích hoạt một ứng dụng hay tác vụ cần đến kết nối này.

Access point—Cần có tên điểm truy cập để sử dụng điện thoại như một modem truyền dữ liệu cho máy tính.

Các cấu hình

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt server tin cậy từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng một tin nhắn cấu hình, hoặc các thông số này có thể đã được lưu trong thẻ SIM hoặc thẻ

USIM. Bạn có thể lưu các thông số cài đặt này vào điện thoại, xem, hoặc xóa các thông số này trong **Configs..**

SIP settings

Cài đặt SIP (Giao Thúc Khởi Tạo Phiên Hợp) cần cho một số dịch vụ mạng nhất định sử dụng SIP, chẳng hạn như chia sẻ video. Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Bạn có thể xem, xóa, hoặc tạo các cấu hình cài đặt này trong **SIP settings**.

Data call

Các cài đặt cuộc gọi dữ liệu ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập sử dụng kết nối cuộc gọi dữ liệu GSM.

Online time—Để cài cuộc gọi dữ liệu tự động ngắt kết nối sau một khoảng thời gian chờ nếu không có hoạt động gì. Để nhập thời gian chờ, chọn **User defined**, và nhập thời gian theo phút. Nếu bạn chọn **Unlimited**, các cuộc gọi dữ liệu sẽ không tự động được ngắt kết nối.



Date and time

Xem phần “[Cài đặt đồng hồ](#)”, trên trang 52, và mục cài đặt ngôn ngữ trong phần “[General](#)”, trên trang 110.



Security

Phone and SIM

PIN code request—Khi kích hoạt tính năng này, bạn sẽ phải nhập mã PIN mỗi lần bật điện thoại. Một số thẻ SIM có thể không cho phép tắt tính năng yêu cầu mã số nhân dạng cá nhân (PIN). Xem phần “[Thuật ngữ mã PIN và mã khóa](#)”, trên trang 116.

PIN code, PIN2 code, và Lock code—Bạn có thể thay đổi mã khóa, mã PIN và mã PIN2. Các mã này có thể chỉ gồm các số từ **0** đến **9**. Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn. Xem phần “[Thuật ngữ mã PIN và mã khóa](#)”, trên trang 116.

Tránh sử dụng mã truy cập tương tự với các số khẩn cấp để tránh việc tinh cờ quay số khẩn cấp.

Autolock period—Bạn có thể cài khoảng thời gian tự động khóa, thời gian chờ mà sau đó điện thoại sẽ tự động khóa lại. Để tắt thời gian tự động khóa, chọn **None**.

Để mở khóa điện thoại, nhập mã khóa vào.

Khi điện thoại bị khóa, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

 **Mẹo!** Để khóa điện thoại theo cách thủ công, bấm  . Danh sách các lệnh sẽ mở ra. Chọn **Lock phone**.

Lock if SIM changed—Bạn có thể cài điện thoại yêu cầu nhập mã khóa khi có thẻ SIM không rõ nguồn gốc được lắp vào điện thoại. Điện thoại quản lý một danh sách các thẻ SIM được xem là thẻ của chủ điện thoại.

Closed user group—Bạn có thể xác định nhóm người mà bạn có thể gọi điện cho họ hoặc ngược lại (dịch vụ mạng).

Mặc dù các cuộc gọi bị giới hạn trong các nhóm gọi nội bộ, bạn vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến các số khẩn cấp được lập trình trong máy.

Confirm SIM services—Bạn có thể cài điện thoại hiển thị các thông báo xác nhận khi bạn đang sử dụng dịch vụ trên thẻ SIM (dịch vụ mạng).

Thuật ngữ mã PIN và mã khóa

Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Mã số nhận diện cá nhân(PIN)—Mã này dùng để bảo vệ thẻ SIM không bị sử dụng trái phép. Mã PIN (4 đến 8 chữ số) thường được cung cấp cùng với thẻ SIM. Sau khi nhập sai mã PIN ba lần liên tiếp, mã PIN sẽ bị khóa lại, và bạn cần có mã PUK để mở khóa.

Mã UPIN—Mã này có thể được cung cấp cùng với thẻ USIM. Thẻ USIM là phiên bản nâng cao của thẻ SIM và được cung cấp cùng với điện thoại di động UMTS.

Mã PIN2—Mã này (4 đến 8 chữ số) được cung cấp cùng với thẻ SIM, và cần để truy cập vào một số chức năng trong điện thoại.

Mã khóa (còn được gọi là mã bảo vệ)—Mã này (5 chữ số) có thể được sử dụng để khóa điện thoại, ngăn không cho sử dụng điện thoại trái phép. Giá trị cài đặt gốc của mã khóa là **12345**. Để tránh việc điện thoại của bạn bị sử dụng trái phép, hãy thay đổi mã khóa này. Giữ kỹ mã mới ở nơi an toàn tách biệt với điện thoại. Nếu bạn quên mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Mã số Mở khóa Cá nhân (PUK) và mã PUK2—Các mã này (8 chữ số) sẽ cần để thay đổi mã PIN hoặc mã PIN2 bị khóa tương ứng. Nếu các mã này không

được cấp cùng với thẻ SIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ SIM bạn đang dùng.

Mã UPUK—Mã này (8 chữ số) cần để thay đổi mã UPIN bị khóa. Nếu mã này không được cấp cùng với thẻ USIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ USIM bạn đang dùng.

Quản lý chứng chỉ

Các chứng chỉ kỹ thuật số không phải là sự bảo đảm an toàn, chúng chỉ được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của phần mềm.

Trong giao diện quản lý chứng chỉ, bạn sẽ thấy một danh sách các chứng chỉ hợp lệ được lưu trong điện thoại của bạn. Bấm để xem danh sách các chứng chỉ cá nhân nếu có.

Bạn nên sử dụng các chứng chỉ kỹ thuật số nếu bạn muốn kết nối với một ngân hàng trực tuyến hoặc địa chỉ trang web hoặc server từ xa khác để thực hiện các giao dịch liên quan đến việc chuyển giao các thông tin mật. Bạn nên sử dụng các chứng chỉ này nếu bạn muốn giám sát rõ ràng do virút hoặc phần mềm phá hoại khác, đồng thời để chắc chắn về tính xác thực của phần mềm khi cần tải về và khi cài đặt phần mềm.



Chú ý: Ngay cả khi việc sử dụng các chứng chỉ này không an toàn khi kết nối từ xa và việc cài đặt phần mềm tương đối nhỏ, chúng vẫn phải được dùng đúng cách để có thể tận dụng lợi ích có được từ các tính năng an toàn nâng cao. Các chứng chỉ này tự bản thân chúng không cung cấp các tính năng bảo mật; mục quản lý chứng chỉ phải chứa các chứng chỉ chính xác, xác thực hoặc đáng tin cậy để đảm bảo cải thiện tính an toàn khả dụng. Các chứng chỉ đều có thời hạn sử dụng. Nếu thông báo **Expired certificate** hoặc **Certificate not valid yet** hiển thị, ngay cả khi chứng nhận của bạn vẫn còn hợp lệ, bạn cần kiểm tra lại xem ngày giờ trên máy bạn có được cài đúng không.

Xem chi tiết chứng chỉ—kiểm tra tính xác thực

Bạn chỉ có thể chắc chắn về danh tính hợp lệ của server khi chữ ký và thời hạn hiệu lực chứng chỉ của máy chủ được kiểm tra.

Bạn sẽ được thông báo nếu nhận diện server không được xác thực hoặc nếu bạn không có chứng chỉ bảo vệ thích hợp trong điện thoại.

Để kiểm tra chi tiết chứng chỉ, di chuyển đến một chứng chỉ, và chọn **Options > Certificate details**. Khi bạn mở xem chi tiết của chứng chỉ, tính hợp lệ

của chúng chỉ sẽ được kiểm tra, và một trong số các thông báo sau đây có thể xuất hiện:

- **Certificate not trusted**—Bạn chưa cài đặt bất kỳ ứng dụng nào để sử dụng chứng chỉ này. Xem phần “[Thay đổi cài đặt về độ tin cậy](#)”, trên trang [118](#).
- **Expired certificate**—Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn đã kết thúc.
- **Certificate not valid yet**—Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn chưa bắt đầu.
- **Certificate corrupted**—Không thể sử dụng chứng chỉ. Liên hệ với nơi phát hành chứng chỉ.

Thay đổi cài đặt về độ tin cậy

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt chứng chỉ nào, bạn cần đảm bảo rằng bạn thật tin người sở hữu chứng chỉ và chứng chỉ này thật sự thuộc sở hữu của người được liệt kê trong danh sách.

Di chuyển đến một chứng chỉ hợp lệ, và chọn **Options > Trust settings**. Tùy theo loại chứng chỉ được chọn, một danh sách các ứng dụng có thể dùng đến chứng chỉ này sẽ được hiển thị. Ví dụ:

- **Symbian installation: Yes**—Chứng chỉ có thể xác nhận nguồn gốc của một ứng dụng hệ điều hành Symbian mới.
- **Internet: Yes**—Chứng chỉ có thể chứng nhận các server.

• **App. installation: Yes**—Chứng chỉ có thể chứng nhận nguồn gốc của ứng dụng Java™ mới.

Chọn **Options > Edit trust setting** để thay đổi giá trị.

Theo dõi đối tượng được bảo hộ

Một số tập tin nhạc được bảo hộ bởi bản quyền tác giả có thể có chứa một tên nhận dạng giao dịch. Chọn cho phép hoặc không cho phép gửi tên nhận dạng này cùng với tập tin nhạc nếu bạn gửi hoặc gửi chuyển tiếp tập tin này. Nhà cung cấp tập tin nhạc có thể sử dụng tên nhận dạng này để theo dõi việc phân phối các tập tin.

Mô-đun an toàn

Để xem hoặc chỉnh sửa một mô-đun an toàn (nếu có) trong **Secur. mod.**, di chuyển đến mô-đun đó, và bấm phím di chuyển. Để xem thông tin chi tiết về một mô-đun an toàn, di chuyển đến mô-đun đó và chọn **Options > Security details**.



Call divert

Call divert cho phép bạn chuyển hướng các cuộc gọi đến đến hộp thư thoại hoặc một số điện thoại khác. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Chọn cuộc gọi bạn muốn chuyển hướng và tùy chọn chuyển hướng. Để chuyển hướng các cuộc gọi thoại khi máy bận hoặc khi bạn từ chối cuộc gọi đến, chọn **If busy**. Bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) chức chuyển hướng, hoặc kiểm tra xem chức năng này có được kích hoạt không (**Check status**).

Bạn có thể khởi động nhiều tùy chọn chuyển hướng cùng một lúc. Khi tắt cả cuộc gọi được chuyển hướng, sẽ hiển thị ở chế độ chờ.

Bạn không thể sử dụng chức năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.



Call barring

Chức năng **Call barring** (dịch vụ mạng) cho phép bạn hạn chế cuộc gọi đi hoặc nhận cuộc gọi đến. Để thay đổi các cài đặt này, bạn cần mật mã chặn

cuộc gọi do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Chọn tùy chọn chặn cuộc gọi bạn muốn và bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) chức năng này hoặc kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt chưa (**Check status**). **Call barring** sẽ ảnh hưởng đến tất cả các cuộc gọi, bao gồm các cuộc gọi dữ liệu.

Bạn không thể sử dụng chức năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.

Khi các cuộc gọi bị hạn chế, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.



Network

Điện thoại của bạn có thể tự động chuyển đổi giữa các mạng GSM và UMTS. Mạng GSM được chỉ báo bằng khi ở chế độ chờ. Mạng UMTS được chỉ báo bằng .

Network mode (chỉ hiển thị nếu được nhà điều hành mạng hỗ trợ)—Chọn mạng để sử dụng. Nếu bạn chọn **Dual mode**, điện thoại sẽ tự động chọn mạng GSM hoặc UMTS tùy thuộc vào các thông số mạng và thỏa thuận hòa mạng giữa các nhà điều hành mạng. Liên hệ với nhà điều hành mạng để biết thêm chi tiết.

Operator selection—Chọn **Automatic** để cài điện thoại tìm và chọn một trong các mạng hiện có, hoặc **Manual** để chọn mạng trong danh sách mạng theo cách thủ công. Nếu việc kết nối vào mạng bạn tự chọn không thành công, điện thoại sẽ báo lỗi và yêu cầu bạn chọn lại mạng. Mạng được chọn để kết nối phải được thỏa thuận chuyển vùng với mạng bạn đăng ký, nghĩa là, nhà điều hành mạng dùng cho thẻ SIM của bạn.

 **Chú giải:** Thỏa thuận hòa mạng là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ mạng cho phép người sử dụng dịch vụ của một nhà cung cấp dịch vụ sử dụng dịch vụ của những nhà cung cấp dịch vụ khác.

Cell info display—Chon **On** để cài điện thoại chỉ báo khi điện thoại được sử dụng trong mạng di động dựa trên công nghệ mạng MCN và để nhận thông tin về mạng này.



Enhancement

Ở chế độ chờ, biểu tượng  cho biết có một tai nghe tương thích được kết nối, và  cho biết không có tai nghe, hoặc kết nối Bluetooth với tai nghe bị mất.  cho biết có một thiết bị trợ thính được kết nối

và  cho biết có một **Text phone** tương thích được kết nối.

Chọn **Headset, Loopset, Text phone, Bluetooth handsfree**, hoặc **Car kit** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Default profile—Cài cấu hình bạn muốn kích hoạt mỗi khi kết nối một phụ kiện tương thích nào đó với điện thoại. Xem phần “[Profiles—cài âm báo](#)”, trên trang 106.

Automatic answer—Cài điện thoại tự động trả lời cuộc gọi đến sau 5 giây. Nếu kiểu chuông báo được cài sang **Beep once** hoặc **Silent** sẽ tắt chức năng trả lời tự động. Chức năng trả lời tự động không khả dụng với **Text phone**.

Lights—Cài duy trì đèn bật, hoặc tắt đèn sau một khoảng thời gian chờ. Cài đặt này không có cho tắt cả các phụ kiện.

Nếu bạn muốn sử dụng **Text phone**, bạn phải kích hoạt chức năng này trên điện thoại. Bấm , và chọn **Tools > Settings > Enhancement > Text phone > Use text phone > Yes**.



Lệnh thoại

Bạn có thể sử dụng lệnh thoại để điều khiển điện thoại của bạn. Để biết thêm thông tin về các lệnh thoại được điện thoại hỗ trợ, xem phần “[Lệnh thoại](#)”, trên trang [75](#).

Để kích hoạt lệnh thoại khởi động ứng dụng hoặc cấu hình, bạn phải mở ứng dụng **Voice comm.** và thư mục **Profiles** của ứng dụng này. Bấm , và chọn **Tools > Voice cm. > Profiles**; điện thoại sẽ tạo khung lệnh cho ứng dụng và cấu hình. Để sử dụng lệnh thoại cái tiến, bấm và giữ ở chế độ chờ, và đọc lệnh thoại. Lệnh thoại là tên của ứng dụng hoặc cấu hình được hiển thị trong danh sách.

Để thêm ứng dụng vào danh sách, chọn **Options > New application**. Để thêm lệnh thoại thứ hai được sử dụng để khởi động ứng dụng, chọn **Options > Change command**, và nhập lệnh thoại mới vào dưới dạng văn bản. Tránh sử dụng các tên quá ngắn, từ rút ngắn và từ viết tắt.

Để nghe khung lệnh tổng hợp, chọn **Options > Playback**.

Để thay đổi cài đặt lệnh thoại, chọn **Options > Settings**. Để tắt bộ tổng hợp phát lại các khung lệnh và lệnh thoại bằng ngôn ngữ điện thoại được chọn,

chọn **Synthesiser > Off**. Để cài lại chức năng học nhận biết giọng nói, ví dụ như khi người sử dụng chính của điện thoại đã thay đổi, chọn **Reset voice adapt**..



Quản lý ứng dụng

Bấm , và chọn **Tools > App. mgr.**. Bạn có thể cài đặt hai loại ứng dụng và phần mềm vào điện thoại:

- Ứng dụng J2ME dựa trên công nghệ Java có phần mở rộng là .jad hoặc .jar (.
 - Các ứng dụng và phần mềm khác tương thích với hệ điều hành Symbian (.
- Các tập tin cài đặt có phần mở rộng .sis. Chỉ cài đặt phần mềm được thiết kế riêng cho điện thoại Nokia N73. Nhà cung cấp phần mềm sẽ luôn đề cập đến số hiệu chính thức của sản phẩm: Nokia N73-1.

Bạn có thể nhận các tập tin cài đặt từ máy tính tương thích về điện thoại, được tải về trong khi trình duyệt, hoặc được gửi cho bạn dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dưới dạng tập tin đính kèm e-mail, hoặc qua kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Bạn có thể sử dụng Nokia Application Installer trong bộ Nokia PC Suite để cài đặt một ứng dụng cho điện thoại. Nếu bạn sử dụng Microsoft Windows Explorer

để truyền một tập tin, lưu tập tin này vào một thẻ nhớ tương thích (ổ đĩa nội bộ).

Cài đặt phần mềm và ứng dụng

Biểu tượng  cho biết một ứng dụng .sis,  ứng dụng Java,  ứng dụng chưa được cài đầy đủ, và  cho biết ứng dụng được cài trên thẻ nhớ.

 **Chú ý:** Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Trước khi cài đặt, lưu ý các điểm sau:

- Để xem loại ứng dụng, số phiên bản, và nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất ứng dụng, chọn **Options > View details**.
- Để hiển thị chi tiết chứng chỉ bảo mật của ứng dụng, chọn **Options > View certificate**. Xem phần “[Quản lý chứng chỉ](#)”, trên trang 117.
- Nếu bạn cài đặt tập tin có chứa phiên bản cập nhật hoặc bản sửa lỗi cho ứng dụng hiện tại, bạn chỉ có thể khôi phục lại ứng dụng gốc nếu bạn có tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm ứng dụng đã gỡ bỏ. Để khôi phục ứng dụng gốc, gỡ bỏ ứng dụng và cài đặt lại ứng dụng từ tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự-phòng.

• Bạn sẽ cần đến tập tin .jar để cài đặt ứng dụng Java. Nếu không có, điện thoại sẽ yêu cầu bạn tải tập tin này về. Nếu không có điểm truy cập nào được xác nhận cho ứng dụng, bạn sẽ được yêu cầu chọn một điểm truy cập. Trong quá trình tải tập tin .jar về, bạn cần phải nhập tên thuê bao và mật mã để truy cập vào server. Nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp ứng dụng sẽ cung cấp cho bạn tên thuê bao và mật mã.

• Để định vị một tập tin, bấm  , và chọn **Tools > App. mgr..** Cách khác, tìm kiếm trên bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ tương thích (nếu có) trong **File manager**, hoặc mở một tin nhắn trong **Messag. > Inbox** có chứa một tập tin cài đặt.

4 Trong **App. manager**, chọn **Options > Install**. Trong các ứng dụng khác, di chuyển đến tập tin cài đặt, và bấm  để bắt đầu cài đặt.

Trong khi cài đặt, điện thoại sẽ hiển thị thông tin liên quan đến tiến trình cài đặt. Nếu bạn cài đặt ứng dụng không có chữ ký kỹ thuật số hoặc chứng chỉ, điện thoại sẽ hiển thị một cảnh báo. Bạn chỉ tiếp tục cài đặt nếu bạn đã chắc chắn nguồn gốc và nội dung ứng dụng.

Để khởi động một ứng dụng đã cài đặt, định vị ứng dụng này trong menu và bấm .

Để kết nối mạng và xem thông tin bổ sung về ứng dụng, chọn **Options > Go to web address**, nếu có.

Để xem gói phần mềm ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ và được thực hiện khi nào, chọn **Options > View log.**

 **Chú ý:** Điện thoại của bạn chỉ có thể hỗ trợ một ứng dụng chống virus. Việc sử dụng nhiều ứng dụng có chức năng chống virus có thể ảnh hưởng đến hoạt động của điện thoại hoặc làm cho điện thoại ngừng hoạt động.

Các tập tin cài đặt (.sis) của những ứng dụng trong bộ nhớ trong điện thoại sẽ vẫn ở trong bộ nhớ sau khi ứng dụng này đã được cài vào một thẻ miniSD tương thích. Những tập tin cài đặt đã lưu có thể chiếm một lượng bộ nhớ lớn của bộ nhớ điện thoại, và do vậy không có đủ bộ nhớ để cài đặt các ứng dụng, tin nhắn và các loại tập tin mới khác. Để tránh tình trạng này, trước tiên hãy sao lưu tập tin cài đặt vào một máy PC tương thích sử dụng Nokia PC Suite, sau đó xóa tập tin cài đặt khỏi bộ nhớ điện thoại sử dụng **File manager** (Quản lý tập tin). (Xem phần “[Trình quản lý tập tin](#)”, trên trang 5).

Gỡ bỏ ứng dụng và phần mềm

Di chuyển đến một gói phần mềm, và chọn **Options > Remove.** Chọn **Yes** để xác nhận.

Nếu bạn gỡ bỏ phần mềm, bạn chỉ có thể cài đặt lại phần mềm này nếu bạn có bộ phần mềm gốc hoặc

một bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm bị gỡ bỏ. Nếu bạn gỡ bỏ bộ phần mềm, bạn sẽ không mở được tài liệu được tạo bằng phần mềm đó.

Nếu có bộ phần mềm khác phụ thuộc vào phần mềm bị gỡ bỏ, bộ phần mềm đó có thể không hoạt động được nữa. Tham khảo tài liệu về bộ phần mềm để biết chi tiết.

Cài đặt

Chọn **Options > Settings** và các tùy chọn sau:

Software installation—Chọn **Signed only** để chỉ cài đặt những ứng dụng có chữ ký kỹ thuật số đã được xác minh.

Online certif. check—Chọn để kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến trước khi cài đặt ứng dụng.

Default web address—Cài địa chỉ mặc định được sử dụng khi kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến.

Một số ứng dụng Java có thể yêu cầu thực hiện cuộc gọi, gửi tin nhắn, hoặc kết nối mạng đến điểm truy cập được chỉ định để tải về các dữ liệu hoặc thành phần bổ sung. Trong cửa sổ chính của **App. mgr.**, di chuyển đến một ứng dụng và, chọn **Options > Suite settings** để thay đổi các cài đặt liên quan đến ứng dụng cụ thể đó.



Quản lý Bản quyền Kỹ thuật số

Các chủ sở hữu nội dung có thể sử dụng nhiều loại công nghệ quản lý bản quyền kỹ thuật số (DRM) khác nhau để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của họ, bao gồm cả bản quyền tác giả. Điện thoại này sử dụng các loại phần mềm DRM khác nhau để truy cập vào nội dung được bảo vệ bởi DRM. Bạn có thể truy cập vào nội dung được bảo vệ bởi OMA 1.0 và OMA 2.0 bằng điện thoại này. Nếu phần mềm DRM nào đó không bảo vệ được nội dung, chủ sở hữu nội dung có thể yêu cầu thu hồi khả năng truy cập vào nội dung mới được bảo vệ bởi DRM như vậy của phần mềm này. Việc thu hồi này không ảnh hưởng đến việc sử dụng nội dung đã có trong điện thoại của bạn.

Nội dung được bảo vệ bởi quản lý bản quyền kỹ thuật số (DRM) đi kèm với một mã kích hoạt xác định các quyền sử dụng nội dung của bạn.

Nếu điện thoại của bạn có nội dung được bảo vệ bởi DRM, cách duy nhất để sao lưu cả mã kích hoạt và nội dung thực là sử dụng chức năng sao lưu của Nokia PC Suite. Các phương pháp chuyển khác có thể sẽ không chuyển được các mã kích hoạt cần để khôi phục nội dung để bạn có thể tiếp tục sử dụng nội dung được bảo vệ bởi OMA DRM sau khi bộ nhớ

điện thoại được định dạng. Bạn cũng có thể cần khôi phục các mã kích hoạt trong trường hợp các tập tin trên điện thoại bị lỗi.

Để xem các mã khóa kích hoạt bản quyền kỹ thuật số được lưu trong máy, bấm  , và chọn **Tools > Actv. keys** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Valid keys—Xem các mã khóa được kết nối với một hoặc nhiều tập tin media và những mã khóa có thời hạn hiệu lực chưa bắt đầu.

Invalid keys—Xem những mã khóa không hợp lệ; đã vượt quá thời gian sử dụng tập tin media hoặc có tập tin media trên máy nhưng không có mã khóa kích hoạt được nối với tập tin này.

Not in use—Xem những mã khóa không được kết nối với tập tin media nào trên máy.

Để mua thêm thời gian sử dụng hoặc gia hạn thời gian sử dụng tập tin media, chọn một mã khóa kích hoạt hợp lệ và chọn **Options > Get activation key**. Các mã khóa kích hoạt không thể cập nhật được nếu chức năng nhận tin nhắn dịch vụ Web bị tắt. Xem phần “[Tin nhắn dịch vụ Web](#)”, trên trang [62](#).

Để xem thông tin chi tiết, chẳng hạn như tình trạng hiệu lực và khả năng gửi tập tin, di chuyển đến một mã khóa kích hoạt, và bấm .

Giải quyết sự cố: Hỏi & Đáp

Mã truy cập

Hỏi: Các mã khóa, mã PIN và mã PUK là gì?

Đáp: Mã khóa mặc định là **12345**. Nếu bạn quên hoặc làm mất mã khóa, liên hệ với đại lý bán lẻ điện thoại của bạn.

Nếu bạn quên hoặc làm mất mã PIN hoặc mã PUK, hoặc nếu bạn không nhận được các mã này, hãy liên hệ với nhà điều hành mạng.

Để biết thêm thông tin về mật mã, liên hệ với nhà cung cấp điểm truy cập, ví dụ nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP), nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

Ứng dụng bị treo

Hỏi: Làm thế nào để đóng một ứng dụng đang bị treo?

Đáp: Để mở ứng dụng chuyển cửa sổ, bấm và giữ . Di chuyển đến ứng dụng, và bấm để đóng ứng dụng.

Khả năng kết nối Bluetooth

Hỏi: Tại sao tôi không tìm thấy máy của bạn tôi?

Đáp: Kiểm tra xem cả hai thiết bị đã kích hoạt kết nối Bluetooth chưa.

Hãy kiểm tra xem khoảng cách giữa hai thiết bị có vượt quá 10 mét (33 phút) và giữa chúng có các bức tường chắn hoặc chướng ngại vật nào không.

Kiểm tra xem thiết bị cần kết nối có ở chế độ ẩn hay không.

Kiểm tra xem cả hai thiết bị có tương thích không.

Hỏi: Vì sao tôi không thể ngắt kết nối Bluetooth?

Đáp: Nếu có một thiết bị khác kết nối với điện thoại, bạn có thể ngắt kết nối từ thiết bị đó hoặc ngưng kích hoạt kết nối Bluetooth. Chọn **Tools > Bluetooth > Off**.

Các dịch vụ trình duyệt

Hỏi: Tôi phải làm gì nếu gặp thông báo sau:
No access points defined. Define now?

Đáp: Hãy thêm các thông số cài đặt trình duyệt phù hợp. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được hướng dẫn thêm.

Camera

Hỏi: Vì sao hình ảnh có vẻ lem nhem?

Đáp: Tháo miếng nhựa bảo vệ màn hình và camera. Kiểm tra xem cửa sổ bảo vệ ống kính camera có sạch không.

Hỏi: Nguyên nhân nào xuất hiện một thông báo lỗi “Ứng dụng đã được kích hoạt” khi tôi cố kích hoạt camera?

Đáp: Có thể ứng dụng camera đã được kích hoạt ẩn. Để kiểm tra ứng dụng camera đã được kích hoạt hay chưa, bấm và giữ . Cửa sổ chuyển ứng dụng sẽ mở ra. Nếu ứng dụng camera đã được kích hoạt, để trở về ứng dụng camera, di chuyển đến ứng dụng này trong danh sách, và bấm phím di chuyển. Để đóng ứng dụng camera, bấm .

Màn hình

Hỏi: Vì sao có hiện tượng thiếu, phai màu, hay có các chấm sáng xuất hiện trên màn hình mỗi khi tôi bật điện thoại của tôi?

Đáp: Đây là một đặc tính của loại màn hình này. Một số màn hình có thể chứa các điểm ảnh hoặc dấu lấm chấm đang nhấp nháy. Đây là điều bình thường, không phải lỗi màn hình.

Nhật ký

Hỏi: Vì sao trong nhật ký trống?

Đáp: Có thể bạn đã dùng chức năng lọc, và không có sự kiện liên lạc nào gửi đến máy bạn thỏa mãn điều kiện lọc mà bạn đã chọn. Để xem tất cả các sự kiện, chọn **Applications > Log > Options > Filter > All communication**. Ngoài ra, nếu bạn đổi thẻ (U)SIM, thông tin nhật ký sẽ bị xóa.

Không đủ bộ nhớ

Hỏi: Tôi có thể làm gì nếu điện thoại của tôi thiếu bộ nhớ?

Đáp: Bạn có thể thường xuyên xóa một số mục dữ liệu để tránh tình trạng thiếu hụt bộ nhớ:

- Các tin trong các thư mục **Inbox, Drafts, và Sent** trong **Messaging**
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang trình duyệt đã lưu
- Hình ảnh và video trong **Gallery**

Để xóa thông tin liên lạc, ghi chú lịch, thời gian gọi, cước cuộc gọi, điểm trò chơi hoặc bất kỳ dữ liệu nào khác, hãy vào ứng dụng tương ứng để xóa dữ liệu. Nếu bạn xóa nhiều mục dữ liệu cùng lúc và gặp phải một trong các thông báo sau: **Not enough memory to perform operation. Delete some data first.** hoặc **Memory low. Delete some data.**, hãy xóa lần lượt từng mục (bắt đầu từ mục nhỏ nhất).

Các tập tin cài đặt (.sis) của những ứng dụng trong bộ nhớ trong điện thoại sẽ vẫn ở trong bộ nhớ sau khi ứng dụng này đã được cài vào một thẻ miniSD tương thích. Xóa các tập tin cài đặt này khỏi bộ nhớ điện thoại. Để xóa các tập tin cài đặt, trước tiên hãy sao lưu tập tin cài đặt vào một máy PC tương thích sử dụng Nokia PC Suite, sau đó xóa tập tin cài đặt khỏi bộ nhớ điện thoại sử dụng **File manager** (Xem phần “**Trình quản lý tập tin**”, trên trang 5).

Hỏi: Tôi phải làm cách nào để lưu dữ liệu trước khi xóa chúng?

Đáp: Bạn có thể lưu dữ liệu bằng một trong các cách sau:

- Sử dụng bộ Nokia PC Suite để tạo bản dự phòng cho tất cả các dữ liệu vào máy tính tương thích.
- Gửi hình ảnh đến địa chỉ e-mail của bạn, sau đó lưu hình ảnh vào máy tính của bạn.
- Sử dụng kết nối Bluetooth để chuyển dữ liệu đến một thiết bị tương thích.
- Lưu dữ liệu trên thẻ nhớ tương thích.

Nhắn tin

Hỏi: Vì sao tôi không thể chọn một số liên lạc?

Đáp: Thẻ liên lạc có thể không có một số điện thoại hay một địa chỉ e-mail. Hãy thêm các thông tin còn thiếu này vào thẻ liên lạc trong **Contacts**.

Nhắn tin đa phương tiện

Hỏi: Tôi nên làm gì nếu điện thoại không thể nhận tin nhắn đa phương tiện vì bộ nhớ đã đầy?

Đáp: Dung lượng bộ nhớ cần thiết sẽ được chỉ báo trong thông báo lỗi: **Not enough memory to retrieve message. Delete some data first.**

Để xem loại dữ liệu bạn đang có và dung lượng bộ nhớ đã dùng cho từng nhóm dữ liệu, chọn **File mgr. > Options > Memory details**.

Hỏi: Ghi chú **Retrieving message** hiển thị nhanh trên màn hình. Chuyện gì đang xảy ra?

Đáp: Điện thoại đang cố nhận tin nhắn đa phương tiện về từ trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Kiểm tra xem cài đặt tin nhắn đa phương tiện được xác nhận đúng chưa và không có lỗi nào trong phần nhập số điện thoại và địa chỉ. Chọn **Messag. > Options > Settings > Multimedia message**.

Hỏi: Làm thế nào để ngắt kết nối dữ liệu khi điện thoại cứ lặp đi lặp lại phiên kết nối?

Đáp: Để ngăn máy thực hiện kết nối dữ liệu, chọn **Messag. > Options > Settings > Multimedia message > Multimedia retrieval > Off**. Sau thay đổi này, điện thoại sẽ không thực hiện bất kỳ kết nối mạng nào liên quan đến nhắn tin đa phương tiện.

Kết nối với máy PC

Hỏi: Vì sao tôi không thể thiết lập kết nối điện thoại với máy PC?

Đáp: Bạn cần đảm bảo rằng bộ Nokia PC Suite đã được cài đặt và đang hoạt động trên máy PC. Xem hướng dẫn sử dụng Nokia PC Suite trên đĩa CD. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng Nokia PC Suite, xem phần trợ giúp trên Nokia PC Suite hoặc vào trang hỗ trợ www.nokia-asia.com.

Hỏi: Tôi có thể sử dụng điện thoại làm modem fax cùng với một máy PC tương thích không?

Đáp: Bạn không thể sử dụng điện thoại của bạn làm modem fax. Tuy nhiên, với chức năng chuyển hướng cuộc gọi, (dịch vụ mạng), bạn có thể chuyển hướng các cuộc gọi fax đến về một số điện thoại khác.

Phụ kiện chính hãng Nokia



Một loạt phụ kiện hiện đang có sẵn cho điện thoại của bạn. Chọn các phụ kiện thích hợp với nhu cầu liên lạc của riêng mình. Danh sách các phụ kiện tương thích:

Bao đeo

Bao đeo có thể sử dụng với nhiều kiểu
điện thoại

CP-93

Dữ liệu

Thẻ nhớ Mini SD 256 MB

MU-18

Thẻ nhớ Mini SD 512 MB

MU-23

Thẻ nhớ Mini SD 1GB

MU-24

Đế bàn

Đế bàn Thụ động Đa năng

DT-13

Tai nghe

Tai nghe nhạc âm thanh nổi

HS-20+AD-41

Bộ tai nghe Mono

HS-5

Bộ tai nghe

HDB-4

Bộ tai nghe âm thanh nổi thời trang

HS-31

Bộ tai nghe Bluetooth BH-900

HS-25W

Bộ tai nghe không dây

HS-26W

Bộ tai nghe không dây

HS-11W

Bộ tai nghe không dây Clip-on

HS-21W

Bộ tai nghe không dây

HS-36W

Bộ tai nghe không dây

HS-37W

Bộ tai nghe không dây

HS-53W

Bộ tai nghe không dây

HS-55W

Bộ tai nghe không dây

HS-54W

Bộ tai nghe không dây

HS-56W

Bộ tai nghe Bluetooth BH-200

HS-58W

Bộ tai nghe Bluetooth BH-700

HS-57W

Thiết bị nối Audio

AD-15

Thiết bị nối Audio

AD-46

Đế Nhạc

MD-1

Thiết bị nối TTY

HDA-10

Bộ trợ thính

LPS-4

Điện nguồn

Pin

BP-6M

Bộ sạc nhỏ gọn

AC-3

Bộ sạc du lịch Nokia	AC-5
Thiết bị nối tiếp Bộ sạc kép	AD-40
Nhấn tin	
Bút kỹ thuật số	SU-1B
Bàn phím không dây	SU-8W
Định vị	
Mô-dun GPS không dây	LD-1W
Cập nhật Mô-dun GPS không dây	LD-3W
Các giải pháp cho sử dụng trên xe	
Giải pháp phụ trợ	
Tai nghe trên xe Plug-in	HF-3
Bộ tai nghe trên xe có tựa đầu	BHF-3
Tai nghe trên xe Plug-in không dây	HF-6W
Bộ phụ kiện trên xe	
Bộ phụ kiện trên xe cao cấp	CK-7W
Bộ phụ kiện trên xe Nokia 616	N616
Bộ phụ kiện trên xe cơ bản	CK-10
Giá đỡ di động và Bộ ghép ăng-ten	
Giá đỡ đa năng	CR-39
Phụ kiện trên xe	
Bộ sạc di động	DC-4

Một vài phụ kiện được mô tả chi tiết dưới đây.

Để biết thêm về các phụ kiện có sẵn, liên hệ với đại lý tại địa phương. Sau đây là một số hướng dẫn thực tế về cách sử dụng phụ kiện:

- Để phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.
- Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cầm vào phích cắm, không nên kéo dây.
- Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe xem đã được lắp và vận hành đúng chưa.

Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện do nhà sản xuất điện thoại kiểm duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Pin

Loại	Thời gian thoại#	Thời gian chờ#
BP-6M	Tối đa 225 phút (WCDMA) Tối đa 245 phút (GSM)	Tối đa 370 giờ (WCDMA) Tối đa 350 giờ (GSM)

Thời gian hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc thẻ SIM, các cài đặt mạng và sử dụng, cách thức và môi trường sử dụng.

Tai nghe không dây Nokia HS-26W



Dễ sử dụng, đa năng, và thanh lịch: Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W là một giải pháp rảnh tay lý tưởng cho những người sẵn sàng bỏ tiền ra để có được một sản phẩm có giá trị.

Các tính năng chính:

- Phong cách cổ điển với công nghệ không dây Bluetooth
- Móc tai co giãn có thể vừa với cả hai tai.
- Nút trả lời/kết thúc lớn, tiện lợi
- Dễ dàng điều chỉnh âm lượng - điều chỉnh các mức âm thanh một cách dễ dàng từ tai nghe

- Các chức năng điều chỉnh: trả lời/kết thúc cuộc gọi, quay số lại, kích hoạt quay số bằng giọng nói, tắt tiếng, điều chỉnh âm lượng, chuyển giữa chế độ điện thoại và rảnh tay
- Chọn giữa hai màu: trắng và đen
- Thời gian gọi tối đa 5 tiếng và thời gian chờ tối đa 150 tiếng

Tai nghe không dây Nokia HS-36W



Bạn không cần phải tìm điện thoại nữa. Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W có chức năng rảnh tay trong một gói thuận tiện và dễ dàng sử dụng.

Các tính năng chính:

- Điều khiển rảnh tay không dây thuận tiện dùng cho điện thoại di động
- Nhẹ (chỉ 20 g) và thuận tiện để sử dụng cùng với vành tai có thể điều chỉnh được
- Thời gian gọi tối đa 6 tiếng và thời gian chờ tối đa 110 tiếng

Thẻ miniSD 1 GB Nokia MU-24



Thẻ miniSD này cung cấp 1 GB cho lưu trữ ngoài và tăng bộ nhớ còn trống cho dữ liệu, nhạc và các ứng dụng phần mềm.

Thiết bị nối Audio Nokia AD-46



Thiết bị nối Audio Nokia AD-46 cho phép nghe đài FM và máy nghe nhạc trên một điện thoại tương thích với tai nghe âm thanh nối có đầu nối chuẩn 3,5 mm.

Thiết bị nối này có bộ điều khiển từ xa để nhận và kết thúc cuộc gọi, và một ăng-ten tích hợp để thu tín hiệu đài FM âm thanh nối tốt hơn. Dây dài và kẹp gắn kèm làm cho thiết bị nối này dễ dàng sử dụng.

Thông tin về pin

Sạc và xả pin

Điện thoại được cấp điện bằng một loại pin có thể sạc lại được. Pin có thể được sạc và xả hàng trăm lần nhưng cuối cùng cũng sẽ hư. Khi thời gian thoại và thời gian chờ ngắn hơn bình thường, đó là lúc bạn cần thay pin mới. Chỉ sử dụng pin và bộ sạc được Nokia phê chuẩn và được thiết kế cho riêng kiểu điện thoại này.

Nếu pin thay thế được sử dụng lần đầu tiên hoặc nếu pin không được sử dụng trong một thời gian dài, có thể cần phải nối bộ sạc sau đó ngắt và nối lại để bắt đầu sạc pin.

Rút dây bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện và điện thoại khi không sử dụng. Không để pin đã nạp đầy kết nối với bộ sạc, do việc nạp quá mức có thể làm giảm tuổi thọ của pin. Nếu để pin sạc đầy nhưng không sử dụng thì pin sẽ tự xả theo thời gian.

Nếu pin hết hัก thì phải mất vài phút trước khi chỉ báo sạc pin hiển thị trên màn hình hoặc trước khi thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào.

Chỉ sử dụng pin đúng mục đích. Không sử dụng bộ sạc hoặc pin đã bị hư.

Không nên để pin chập mạch. Việc chập mạch có thể bắt nguồn xảy ra khi để một vật bằng kim loại ví dụ như đồng tiền, kẹp giấy hoặc bút bi tiếp xúc trực tiếp với cực

dương (+) và cực âm (-) của pin. (Những vật này giống như mảnh kim loại trên pin.) Điều này có thể xảy ra, ví dụ như khi bạn mang pin dự phòng trong túi hoặc ví. Việc chập mạch các cực pin có thể làm hư pin hoặc vật nối hai cực.

Để pin trong môi trường nóng hoặc lạnh, chẳng hạn như trong xe đóng kín cửa vào mùa đông hoặc mùa hè sẽ làm giảm diện tích và độ bền của pin. Nên giữ pin luôn ở nhiệt độ khoảng từ 15°C đến 25°C (59°F đến 77°F). Điện thoại sẽ tạm ngừng hoạt động khi pin nóng hoặc lạnh, ngay cả khi pin được sạc đầy. Hoạt động của pin đặc biệt bị giới hạn ở nhiệt độ dưới đông.

Không bỏ pin vào trong lửa vì pin có thể nổ. Pin cũng có thể phát nổ nếu bị hỏng. Bỏ pin theo quy định của địa phương. Tái chế lại pin nếu có thể. Không được bỏ pin như rác sinh hoạt.

Không tháo rời, mở hoặc đập vụn pin. Nếu pin bị dò, không để da hoặc mắt tiếp xúc với chất lỏng. Trong trường hợp pin bị dò rỉ và gây nguy hiểm, cần yêu cầu sự trợ giúp của y tế ngay lập tức.

Hướng dẫn xác nhận pin Nokia

Hãy luôn sử dụng các loại pin chính hãng Nokia để đảm bảo an toàn cho bạn. Để chắc chắn là bạn đang sử dụng pin chính hãng Nokia, hãy mua pin tại đại lý phân phối Nokia được ủy quyền, xem xét logo Phụ kiện Chính hãng Nokia trên bao bì và kiểm tra nhãn ánh ba chiều theo các bước sau:

Việc thực hiện đầy đủ bốn bước cũng không phải là đảm bảo xác thực pin chính hãng. Nếu bạn có bất cứ nghi ngờ rằng pin của bạn không phải là phụ kiện chính hãng Nokia, bạn nên ngưng sử dụng ngay lập tức, và mang sản phẩm tới trung tâm dịch vụ Nokia hay đại lý phân phối sản phẩm được ủy quyền để được hỗ trợ. Trung tâm dịch vụ Nokia được ủy quyền hoặc đại lý phân phối sẽ kiểm định tính xác thực của pin. Nếu bạn không thể xác nhận pin, hãy trả lại pin cho nơi bán.

Xác nhận ánh ba chiều

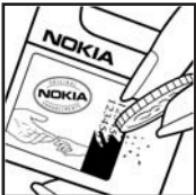
- Khi nhìn vào ánh ba chiều trên nhãn, bạn phải thấy được biểu tượng hai bàn tay kết nối của Nokia từ một góc độ nhất định và logo Phụ kiện Chính hãng Nokia khi nhìn từ góc độ khác.



- Khi bạn nghiêng ánh ba chiều sang trái, phải, trên và dưới, bạn phải thấy được 1, 2, 3 và 4 điểm lần lượt trên mỗi cạnh.



- Cào cạnh của nhãn để làm hiện ra mã pin 20 số, ví dụ 12345678919876543210. Lật pin để các số hướng lên trên. Bạn có thể đọc mã pin 20 số bắt đầu từ các số từ trên xuống dưới.



- Xác nhận tính hợp lệ của mã pin 20 số bằng cách thực hiện theo các hướng dẫn trên trang web www.nokiaoriginals.com/check.



Tạo một tin nhắn văn bản, nhập vào mã 20 số, ví dụ như 12345678919876543210 và gửi đến +44 7786 200276.

Tạo một tin nhắn văn bản,

- Đối với các quốc gia tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương, không bao gồm Ấn Độ: Nhập mã 20 số, ví dụ 12345678919876543210 và gửi đến +61 427151515.
- Chỉ dành cho Ấn Độ: Nhập vào chữ Battery và sau đó là mã pin 20 số, ví dụ Battery 12345678919876543210, và gửi đến 5555.

Cước phí gửi tin trong nước và quốc tế sẽ được áp dụng.

Bạn sẽ nhận được một tin nhắn thông báo tính hợp lệ của mã pin.

Phải làm gì nếu pin của bạn không phải là chính hãng?

Nếu bạn không thể xác nhận pin Nokia của bạn qua hình nổi ba chiều trên nhãn là pin chính hãng Nokia, đề nghị bạn không sử dụng pin này. Hãy mang pin đến dịch vụ hoặc đại lý được ủy quyền gần nhất của Nokia để được giúp đỡ. Việc sử dụng pin không được nhà sản xuất phê chuẩn có thể gây nguy hiểm, hiệu năng hoạt động kém hoặc gây hại cho thiết bị và phụ kiện. Điều này cũng có thể làm mất hiệu lực của các phê chuẩn hay bảo hành đối với thiết bị.

Để biết thêm thông tin về các loại pin chính hãng Nokia, hãy vào trang www.nokiaoriginals.com/check.

Giữ gìn và Bảo trì

Điện thoại là sản phẩm được thiết kế cao cấp và tinh vi, vì vậy phải được giữ gìn cẩn thận. Những đề nghị sau đây sẽ giúp bạn thực hiện tốt các quy định bảo hành.

- Giữ điện thoại khô ráo. Chất kết tủa, độ ẩm và tất cả các loại chất lỏng hoặc ẩm ướt có chứa khoáng chất sẽ ăn mòn các mạch điện tử. Nếu điện thoại bị ẩm ướt, tháo pin ra khỏi điện thoại và để điện thoại thật khô trước khi lắp pin trở lại.
- Không nên sử dụng hoặc đặt điện thoại ở những nơi có bụi bẩn. Các bộ phận di động và các linh kiện điện tử của điện thoại có thể bị hư.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi quá nóng. Nhiệt độ cao có thể làm giảm độ bền của thiết bị điện tử, làm hư pin, cong hoặc cháy một số linh kiện nhựa.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi quá lạnh. Khi điện thoại trở về nhiệt độ bình thường của nó, hơi ẩm đọng lại trong điện thoại sẽ gây hư hỏng các bản mạch điện tử.
- Không tìm cách mở điện thoại khác với những điều chỉ dẫn trong sách hướng dẫn này.
- Không làm rơi, đập, hoặc lắc điện thoại. Việc dùng mạnh tay có thể làm hư các bản mạch điện tử bên trong điện thoại.
- Không sử dụng hóa chất mạnh, chất tẩy rửa, hoặc xà phòng đậm đặc để lau chùi điện thoại.

- Không được sơn điện thoại. Nước sơn có thể làm nghẽn các bộ phận di động và khiến điện thoại hoạt động không chính xác.
- Dùng miếng vải mềm, sạch và khô để lau chùi các ống kính, ví dụ như camera, bộ cảm biến khoáng cách, và bộ cảm biến ánh sáng.
- Chỉ sử dụng ăng-ten được cung cấp hoặc ăng-ten thay thế đã qua kiểm duyệt. Việc sửa đổi hoặc lắp ăng-ten không được kiểm duyệt có thể làm hư điện thoại và vi phạm các quy định về các dịch vụ vô tuyến.
- Sử dụng bộ sạc trong nhà.
- Luôn tạo bản dự phòng dữ liệu mà bạn muốn giữ lại (ví dụ như các số liên lạc và ghi chú lịch) trước khi gửi điện thoại của bạn đến dịch vụ sửa chữa.
- Thỉnh thoảng cài lại điện thoại, tắt điện thoại, và tháo pin ra để điện thoại hoạt động ở tình trạng tối ưu. Lưu dự phòng tất cả các dữ liệu quan trọng.

Tất cả các đề nghị trên sẽ áp dụng chung cho điện thoại, pin, bộ sạc hoặc bất kỳ phụ kiện cài tiến nào. Nếu điện thoại không hoạt động, đem máy đến dịch vụ được ủy quyền gần nhất để được sửa chữa.

Thông tin bổ sung về sự an toàn

Điện thoại và các phụ kiện điện thoại có các linh kiện nhỏ. Giữ các phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.

Môi trường hoạt động

Phải tuân thủ các luật lệ đặc biệt hiện hành ở những nơi có qui định, và đồng thời phải luôn tắt điện thoại ở những nơi bị cấm sử dụng, hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm. Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí vận hành thông thường. Sản phẩm này đáp ứng các tiêu chuẩn tiếp xúc RF khi cầm ở vị trí thông thường gần tai hoặc cách xa cơ thể ít nhất 2,2 cm (7/8 inch). Khi sử dụng túi deo, đai deo, hoặc ngăn chứa để mang điện thoại bên mình, bạn cần đảm bảo các thiết bị này không chứa kim loại và cách xa cơ thể với khoảng cách nêu trên.

Để truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn, thiết bị này cần được kết nối với mạng một cách ổn định. Trong một số trường hợp, việc truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn có thể bị chậm trễ cho đến khi kết nối trên đạt được tính ổn định. Hãy đảm bảo các hướng dẫn về khoảng cách giữa các thiết bị trên được tuân thủ cho đến khi việc truyền dữ liệu hoàn tất.

Các bộ phận của điện thoại có từ tính. Những vật liệu bằng kim loại có thể bị hút bởi điện thoại. Không được đặt thẻ tín dụng hoặc các thiết bị lưu trữ có từ tính khác gần điện thoại vì thông tin được lưu trữ có thể bị xóa.

Thiết bị y tế

Khi sử dụng bất kỳ thiết bị vô tuyến nào, kể cả điện thoại di động, đều có thể gây nhiễu sóng một số chức năng của các thiết bị y tế vốn không được bảo vệ đúng mức. Tham vấn với bác sĩ hoặc nhà sản xuất thiết bị y tế để biết các thiết bị này có được bảo vệ khỏi năng lượng bức xạ sóng vô tuyến không hoặc nếu có bất kỳ thắc mắc nào khác. Tắt điện thoại ở trung tâm y tế khi có dán qui định hướng dẫn ở những nơi này. Bệnh viện hoặc các trung tâm y tế có thể sử dụng thiết bị nhạy với sóng vô tuyến.

Máy điều hòa nhịp tim

Các nhà sản xuất máy điều hòa nhịp tim khuyến nghị đặt điện thoại cầm tay vô tuyến cách máy điều hòa nhịp tim tối thiểu là 15,3 cm (6 inch) để tránh gây nhiễu sóng. Những khuyến nghị này là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập, đồng thời cũng là khuyến nghị của viện Nghiên cứu Công nghệ Vô tuyến. Người đeo máy điều hòa nhịp tim nên:

- luôn giữ điện thoại cách máy điều hòa nhịp tim ít nhất 15,3 cm (6 inch);
- không để điện thoại trong túi áo ngực;
- Nghe bằng tai đối diện với máy điều hòa nhịp tim để giảm thiểu nguy cơ nhiễu sóng.

Nếu bạn nghi ngờ bị nhiễu, hãy tắt điện thoại và cất đi.

Thiết bị trợ thính

Một số thiết bị vô tuyến kỹ thuật số có thể gây nhiễu sóng thiết bị trợ thính. Bạn có thể tham vấn với nhà cung cấp dịch vụ nếu bị nhiễu sóng.

Xe cộ

Một số tín hiệu vô tuyến có thể ảnh hưởng không tốt đến các hệ thống điện tử chưa được bảo vệ đúng mức hoặc lắp đặt không đúng trong các xe mô tô, ví dụ như hệ thống bơm xăng điện tử, hệ thống thắng chống trượt (chống xóc) điện tử, hệ thống kiểm soát tốc độ điện tử và hệ thống túi đệm khí). Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất hoặc người đại diện về bất kỳ thiết bị nào được gắn trên xe.

Chỉ những nhân viên có khả năng chuyên môn mới được sửa chữa điện thoại di động, hoặc lắp điện thoại trong xe. Lắp đặt sai hoặc sửa điện thoại không đúng có thể gây nguy hiểm và làm mất hiệu lực bảo hành cho sản phẩm. Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa. Không lưu trữ hoặc chuyên chở các chất lỏng dễ cháy, gas hoặc chất nổ chung với điện thoại, các phụ kiện cài tiền hoặc phụ tùng điện thoại. Đối với xe hơi có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khí khi nổ sẽ tạo ra một lực lớn. Không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí hoặc khu vực sử dụng túi đệm khí. Nếu thiết bị vô tuyến trên xe không được lắp đặt đúng thì khi túi đệm khí nổ có thể gây thương tật nghiêm trọng.

Cấm sử dụng điện thoại di động khi ở trên máy bay. Tắt điện thoại di động trước khi máy bay cất cánh. Sử dụng điện thoại vô tuyến trên máy bay có thể gây nguy hiểm cho việc vận hành máy bay, làm gián đoạn mạng điện thoại vô tuyến và có thể xem là bất hợp pháp.

Môi trường có khả năng gây nổ

Tắt điện thoại khi ở trong khu vực dễ phát nổ và phải tuân theo tất cả các bảng hướng dẫn. Môi trường có khả năng gây nổ bao gồm cả các khu vực nơi bạn thường được yêu cầu tắt máy xe. Các tia lửa trong những khu vực như thế có thể phát cháy nổ gây thương tật hoặc thậm chí tử vong. Tắt điện thoại tại các trạm tiếp nhiên liệu, ví dụ như ở gần nơi đổ xăng tại các trạm dịch vụ. Hãy tuân theo các quy định hạn chế việc sử dụng các thiết bị vô tuyến tại các kho hàng, kho lưu trữ và phân phối nhiên liệu, nhà máy hóa chất hoặc khu vực đang tiến hành phá nổ. Những khu vực có khả năng gây nổ không phải luôn được niêm yết rõ ràng. Những khu vực này bao gồm dưới boong tàu, các phương tiện chuyên chở hoặc kho hóa chất, các phương tiện sử dụng khí đốt lỏng (như propan hay butan); ở môi trường không khí có hóa chất hay những hạt nhỏ thóc gạo, bụi hoặc bột kim loại.

Cuộc gọi khẩn cấp

-  **Chú ý:** Cũng như các thiết bị vô tuyến khác, điện thoại này sử dụng tín hiệu truyền thanh, mạng vô tuyến và hữu tuyến cũng như các chức năng khác do người sử dụng lập trình. Do đó, các kết nối không đảm bảo trong mọi điều kiện. Bạn không nên chỉ dựa vào điện thoại vô tuyến cho các cuộc liên lạc khẩn cấp như cấp cứu y tế chẳng hạn.

Để gọi khẩn cấp:

- Bật điện thoại nếu chưa bật. Kiểm tra cường độ tín hiệu mạng thích hợp.
Một số mạng có thể yêu cầu phải lắp đúng thẻ SIM hợp lệ vào điện thoại.
- Bấm phím kết thúc nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và sẵn sàng cho các cuộc gọi.
- Nhập số điện thoại khẩn cấp chính thức tại nơi ở hiện thời của bạn. Số khẩn cấp thay đổi tùy theo địa phương.
- Bấm phím đàm thoại.

Nếu đang sử dụng một số tính năng nhất định, trước tiên bạn cần tắt các tính năng này mới có thể gọi số khẩn cấp được. Để biết thêm thông tin, tham khảo tài liệu này hoặc tham khảo ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ.

Khi gọi số khẩn cấp, cung cấp tất cả thông tin cần thiết càng chính xác càng tốt. Điện thoại vô tuyến có thể là phương tiện liên lạc duy nhất tại hiện trường xảy ra tai nạn. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Thông tin về chứng nhận (SAR)

ĐIỆN THOẠI NÀY ĐÁP ỨNG CÁC QUI ĐỊNH QUỐC TẾ VỀ TIẾP XÚC VỚI SÓNG VÔ TUYẾN.

Điện thoại di động của bạn là một thiết bị truyền và nhận sóng vô tuyến. Điện thoại được thiết kế và sản xuất sao cho không vượt quá giới hạn tiếp xúc với tần số vô tuyến (RF) được qui định bởi hướng dẫn quốc tế (ICNIRP). Các giới hạn này là phần hướng dẫn toàn diện và thiết lập các mức độ tiếp xúc sóng vô tuyến cho phép dành cho công chúng. Các hướng dẫn này được triển khai bởi các tổ chức khoa học độc lập định kỳ và qua việc đánh giá các nghiên cứu khoa học. Các hướng dẫn này bao gồm một nồng độ an toàn đáng kể được thiết kế để bảo đảm an toàn cho tất cả mọi người, bất kể tuổi tác cũng như sức khỏe.

Tiêu chuẩn tiếp xúc dành cho thiết bị di động áp dụng một đơn vị đo được gọi là Tỉ lệ Hấp thụ Riêng, hoặc SAR. Giới hạn SAR được công nhận trong hướng dẫn quốc tế là $2.0 \text{ W/kg}^* (W/kg)^*$. Các thử nghiệm về SAR được tiến hành theo vị trí vận hành chuẩn khi điện thoại truyền ở mức năng lượng được chứng nhận là cao nhất trong mọi băng tần thử nghiệm. Mặc dù SAR được kiểm tra ở mức năng lượng cao nhất, nhưng mức SAR thực sự của điện thoại trong khi vận hành có thể dưới giá trị

cực đại này. Lý do là thiết bị này được thiết kế để vận hành ở nhiều mức năng lượng để chỉ sử dụng năng lượng mà mạng yêu cầu. Nói chung, nếu bạn càng gần trạm phát, thì năng lượng phát ra càng thấp.

Giá trị SAR cao nhất cho kiểu điện thoại này được thử nghiệm khi đặt ở tai là 1,13 W/kg.

Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo, thử nghiệm trong nước và hệ thống mạng. Việc sử dụng phụ kiện và phụ kiện nâng cấp có thể dựa trên các giá trị SAR khác nhau. Thông tin thêm về SAR có thể được cung cấp dưới thông tin sản phẩm tại www.nokia-asia.com.

* Giới hạn SAR dành cho công chúng sử dụng điện thoại di động là 2,0 W/kg trung bình trên 10 gram mô. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể để bảo vệ thêm cho công chúng và để giải thích cho bất kỳ thay đổi nào trong việc đo đạc. Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo trong nước và hệ thống mạng. Để biết thêm thông tin về SAR ở những khu vực khác, vui lòng xem mục thông tin sản phẩm tại địa chỉ web: www.nokia.com.

Từ mục

A

An toàn

các nguyên tắc v
cuộc gọi khẩn cấp vi, 139
thông tin bổ sung 137

Â

Âm thanh

điều chỉnh âm lượng 3
định dạng tập tin 41
ghi âm 102
tắt âm báo 81
Xem phần âm báo

B

Bảo trì

Bảo vệ bản quyền

Xem phần quản lý bán quyền
kỹ thuật số

Bài hát

định dạng tập tin 41
làm kiểu chuông 50

Báo cáo

Xem phần báo kết quả

Báo kết quả

nhận 66

tù chối 66

xóa 84

Báo lại

Báo thức

Biên tập phim

Bitrate

Bluetooth

bảo mật 95

địa chỉ thiết bị 96

ghép nối 96

gửi dữ liệu 95

tai nghe 120

tắt 97

Bộ chuyển đổi

Bộ nhớ

xem mức sử dụng bộ nhớ 6

xóa bộ nhớ 6, 83

Bộ PC Suite

Xem phần Nokia PC Suite

Bộ sạc ix

Bộ sưu tập

chỉnh sửa hình ảnh 22

diễn thuyết 25

in hình ảnh 26

làm trống bộ nhớ 21

sắp xếp các tập tin trong

album 22, 28

thanh công cụ hoạt động 20

thùng in 21

trình chiếu 25

C

Cache, xóa

Camera

biên tập phim 23

cài đặt camera hình tĩnh 12

cài đặt hình ảnh 13

chế độ chụp liên tục 15

chụp tự động 15

đèn flash 13

lưu đoạn phim 16

hiệu chỉnh ánh sáng và màu
sắc 13

thanh công cụ hoạt động 10

thông số cài đặt máy quay
phim 17

Cài đặt

cài đặt gốc 110

cài đặt riêng điện thoại 106

chặn cuộc gọi 119

chuyển hướng cuộc gọi 119
chứng chỉ 117
cuộc gọi dữ liệu 115
điểm truy cập 113
đồng hồ 52
e-mail 66
kết nối dữ liệu 112
khả năng kết nối Bluetooth 94
lịch 54
màn hình 111
màn hình riêng 111
mã khóa 116
Mã PIN 116
mã truy cập 115
Mã UPIN 116
mã UPUK 117
MMS và e-mail 60
ngày và giờ 115
ngôn ngữ 110
nhắn tin 64
SIP 115
tin nhắn đa phương tiện 65
tin nhắn văn bản 64
Cài đặt bộ trợ thính 120
Cài đặt các ứng dụng 121
Cài đặt kết nối 112
Cài đặt ngôn ngữ 110
Cài đặt riêng 108

Các chí báo 2
Các cuộc gọi gần đây 83
Các dạng tập tin
.sis 121
.jad 121
.jar 121, 122
RealPlayer 37
Các dịch vụ mạng viii
Các tập tin media
định dạng tập tin 37
Các tập tin svg 25
Các ứng dụng
cài đặt 122
gỡ bỏ 123
Java 121
Các ứng dụng văn phòng 102
Cáp dữ liệu 98
Cấu hình 106
Codecs 50
Công cụ thẻ nhớ 4
C
Chế độ chờ 106, 109
Chế độ sử dụng SIM từ xa 94
Chuyển nội dung từ một thiết bị
khác 1
Chủ đề 108
Chương trình quản lý thiết bị 99
Chứng chỉ 117

Chứng chỉ kỹ thuật số
Xem phần *chứng chỉ*
Chỉ mục 87
Chỉnh sửa hình ảnh 22
Cuộc gọi
bị nhỡ 83
cài đặt 111
chặn 119
chia sẻ video 77
chè 82
chuyển 82
chuyển hướng 119
nhận 83
quốc tế 74
thời lượng 83
thực hiện 74
trả lời 81
tùy chọn 82
từ chối 81
Cuộc gọi bị nhỡ 83
Cuộc gọi dữ liệu, cài đặt 115
Cuộc gọi khẩn cấp vi, 139
Cuộc gọi hội nghị 74
Cuộc gọi video
trả lời 81
Cửa hàng nhạc 43
D
Danh bạ

- Xem phần thé liên lạc**
- DRM**
- Xem phần quản lý bán quyền kỹ thuật số**
- Dịch vụ**
- Xem phần Web**
- D**
- Dài FM** 35
- Điều chỉnh âm lượng**
- điều chỉnh âm lượng 3
 - loa 3
 - trong khi gọi 74
- Điểm truy cập** 112, 113
- Điểm truy cập Internet (IAP)**
- Xem điểm truy cập**
- Đồng bộ hóa** 99
- Đồng hồ** 52
- Định dạng tập tin**
- máy nghe nhạc 41
- Định dạng tập tin âm thanh** 41
- E**
- E-mail**
- cài đặt 66
 - lưu 69
 - mở 63
 - gửi 58
 - nhận từ hộp thư 62
 - hộp thư từ xa 62
- tái tự động** 63
- tạo** 55
- viết** 58
- xem tập tin đính kèm** 63
- xóa tin nhắn** 63
- F**
- File âm thanh** 19
- Gi**
- Giao thức**
- Dịch vụ WAP** viii
 - IMAP4** 67
 - IPv4 và IPv6** 114
 - POP3** 67
 - TCP/IP** viii
- Giải quyết sự cố** 125
- Giờ** 52
- Gọi số ấn định** 72
- GPRS**
- Xem phần kết nối dữ liệu**
- Ghi chú** 101
- Gửi**
- các đoạn phim 25
 - thẻ liên lạc, danh thiếp 70
- H**
- Hỗn ngoại, kết nối** 97
- Hộp thư** 62
- Hộp thư thoại** 74
- chuyển hướng cuộc gọi đến**
- hộp thư thoại** 119
- thay đổi số điện thoại** 74
- Hộp thư từ xa** 62
- Hướng dẫn** 8
- Hình nền**
- sử dụng hình ảnh** 12, 20
 - thay đổi** 108
- I**
- In**
- các mục lịch 54
 - e-mail 63
 - ghi chú 102
 - tin nhắn đa phương tiện 61
 - tin nhắn văn bản 61
 - thẻ liên lạc 71
- In hình ảnh** 26
- Internet**
- Xem phần Web**
- K**
- Kbps** 50
- Kết nối dữ liệu**
- cài đặt**
 - các chỉ báo** 2
 - chi tiết** 98
 - kết thúc** 98
 - mạng** vii, 119
 - thiết lập** 113

Kết nối dữ liệu gói

cài đặt 114

Kết nối PC 98

Kết nối với máy tính 98

Kiểu chuông

bài hát 50

kiểu chuông riêng 72, 73

nhận dưới dạng tin nhắn văn bản 61

Xem thêm phần *cấu hình*

Kiểu nhập tiên đoán 57

Kiểu nhập truyền thống 56

Kiểu nhập văn bản 56

Kh

Khẩu lệnh 121

gọi điện 75

L

LED 111

Lệnh dịch vụ 56

Lệnh thoại 121

Lệnh USSD 56

Loa 3

Loa điện thoại

Xem *loa*

Lịch

cài đặt 54

đồng bộ Nokia PC Suite 53

tạo các mục nhập 53

xóa các mục 54

M

Màn hình chờ

Xem *chế độ chờ*

Mã 115, 116

mã bảo mật 116

Mã bảo vệ

Xem phần *mã khóa*

Mã khóa 116

Mã khóa kích hoạt

Xem phần *quản lý bán quyền*

kỹ thuật số

Mã PIN 116

Mã PUK 116

Mã UPIN 116

Mã UPUK 117

Máy ghi âm 102

Máy nghe nhạc (Nokia N73 (phiên bản gốc)) 32

Máy nghe nhạc (Nokia N73 Music Edition)

bộ lọc âm thanh 43

các chế độ phát 42

các chí báo 42

danh sách nhạc 46

định dạng tập tin 41

tùy chọn 48

Máy tính 101

Menu, sắp xếp lại 106

MMS

Xem phần *tin nhắn đa phương tiện*

Movie, muvee

quick muvee 39

tùy chỉnh muvee 39

Music edition

máy nghe nhạc 41

phím truy cập nhạc 41

Ng

Ngày 52

Nokia PC Suite

dữ liệu lịch 53

đồng bộ hóa 98

truyền tải tập tin âm nhạc vào

thé nhớ 32

xem dữ liệu trong bộ nhớ điện thoại 6

Nh

Nhạc

chi tiết 49

chuyển 44

định dạng tập tin 41

làm kiểu chuông 50

hình ảnh album 50

Nhắn tin

cài đặt 64

e-mail 58
hộp thư 62
hộp thư đến 60
tin nhắn đa phương tiện 58
tin nhắn quảng bá 68
tin nhắn văn bản 58

Nhật ký
lọc 84
xóa nội dung 84

Nhật ký cuộc gọi
Xem phần *Nhật ký*

P

Pin
được thiết kế sử dụng ix
sạc 1, 133

Ph

Phần mềm
cài đặt các ứng dụng 121
gỡ bỏ ứng dụng 123
truyền tập tin về điện thoại 121

Phụ kiện 120
Xem phần *phụ kiện*

Phụ kiện chính hãng Nokia 129

Phím đa phương tiện 4

Phím truy cập nhạc 41

Q

Quay số bằng khẩu lệnh 75

Quay số nhanh 75
Quản lý bán quyền kỹ thuật số 124
Quản lý ứng dụng 121
Quickoffice 102

R

Radio FM 35

RealPlayer 37

Ringing tones
3-D 107

S

Sao chép
các số liên lạc giữa thẻ SIM và
bộ nhớ điện thoại 71

Scenes
image scenes 14
video scenes 14

SMS
Xem phần *text messages*

Sử dụng loa nói trực tiếp
Xem *loa*

T

Tai Nghe
cài đặt 120
kết nối 4

Tải về! 7

Tập tin media
định dạng tập tin 41

Tập tin sis 121

Tin nhắn đa phương tiện
cài đặt 65
lưu 69
gửi 58
nhận 60
tải về 61
tạo 55

Tin nhắn quảng bá 68

Tin nhắn thoại 74

Tin nhắn văn bản
cài đặt 64
lưu 69
giới hạn ký tự 59
gửi 58, 59
nhận 60
hộp thư đến 55
tạo 55
viết 56, 58

Th

Thẻ liên lạc 70
chèn hình 70
lưu âm DTMF 82
gửi 70

Thẻ miniSD 4

Thẻ SIM
sao chép các tên và số điện
thoại vào điện thoại 71

tên và số điện thoại	72
tin nhắn	64
Thông tin hỗ trợ	8
Thông tin về chứng nhận (SAR)	139
Thông tin về số liên lạc	8
Thời lượng nhật ký	84
T	
Trò chơi	7
Trình duyệt Internet	87
Trình quản lý tập tin	5
Từ điển	57
U	
UMTS	
Xem phần <i>kết nối dữ liệu</i>	
Ü	
Ứng dụng trợ giúp	8
V	
VBR	50
Video calls	76
tùy chọn	83
từ chối	81
Video clip	19
Video player	
Xem phần <i>RealPlayer</i>	
Visual Radio	35
W	
Web	

blog	91
các điểm truy cập, xem phần	
điểm truy cập	
cấp dữ liệu	91
tin dịch vụ	62
trình duyệt	86
trình duyệt bổ sung	90

Y

Java

Xem phần *các ứng dụng*

Dịch Vụ Chăm Sóc Khách Hàng Trực Tuyến của Nokia

THUYẾT TRÌNH
TƯƠNG TÁC



PHẦN MỀM



THUYẾT TRÌNH TƯƠNG TÁC

Tìm hiểu cách thiết lập điện thoại lần đầu tiên, và tìm kiếm thêm về các chức năng của điện thoại. Thuyết Trình Tương Tác cung cấp các hướng dẫn từng bước về cách sử dụng điện thoại.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng trực tuyến bao gồm thông tin chi tiết về điện thoại của bạn. Hãy nhớ kiểm tra thường xuyên để có các cập nhật.

PHẦN MỀM

Tận dụng hết mọi chức năng của điện thoại với phần mềm dành cho điện thoại và máy PC. Nokia PC Suite kết nối điện thoại và máy PC để bạn có thể quản lý lịch, số liên lạc, nhạc và hình ảnh, trong khi các ứng dụng khác bổ sung cho việc sử dụng điện thoại.

CÀI ĐẶT

Một số chức năng nhất định của điện thoại, như là nhắn tin đa phương tiện, trình duyệt di động và email*, có thể cần cài đặt trước khi có thể sử dụng chúng. Nhận các thông số cài đặt trên điện thoại miễn phí.

*Không khả dụng với mọi điện thoại.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI CỦA TÔI?

Mục Thiết Lập, tại www.nokia-asia.com/setup, giúp bạn chuẩn bị điện thoại để sử dụng. Tự làm quen với các chức năng và tính năng của điện thoại bằng cách tham khảo mục Hướng Dẫn Sử Dụng và Demo tại www.nokia-asia.com/guides.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐỒNG BỘ ĐIỆN THOẠI VÀ MÁY PC?

Kết nối điện thoại với một máy PC tương thích bằng phiên bản Nokia PC Suite thiết yếu từ www.nokia-asia.com/pcsuite cho phép bạn đồng bộ lịch và các số liên lạc.

TÔI CÓ THỂ LẤY PHẦN MỀM CHO ĐIỆN THOẠI CỦA TÔI Ở ĐÂU?

Sử dụng điện thoại hiệu quả hơn bằng những chương trình tải xuống từ mục Phần Mềm tại www.nokia-asia.com/software.

TÔI CÓ THỂ TÌM CÁC CÂU TRẢ LỜI CHO NHỮNG CÂU HỎI PHỔ BIẾN Ở ĐÂU?

Tìm trong mục FAQ (Câu Hỏi Thường Gặp) tại www.nokia-asia.com/faq để có những câu trả lời cho các câu hỏi của bạn về điện thoại, các sản phẩm và dịch vụ khác của Nokia.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC CẬP NHẬT VỀ NHỮNG TIN TỨC CỦA NOKIA?

Đăng ký trực tuyến với Kết Nối Nokia tại www.nokia-asia.com/signup, và trở thành người đầu tiên biết về những sản phẩm, khuyến mại mới nhất và những sự kiện sắp tới.

Nếu bạn vẫn cần trợ giúp thêm, vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/contactus.

Để biết thêm thông tin về các dịch vụ sửa chữa, vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/repair.

Vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/support để biết chi tiết.



Care